

Giới thiệu

KHU DI TÍCH LỊCH SỬ

ĐỀN HÙNG

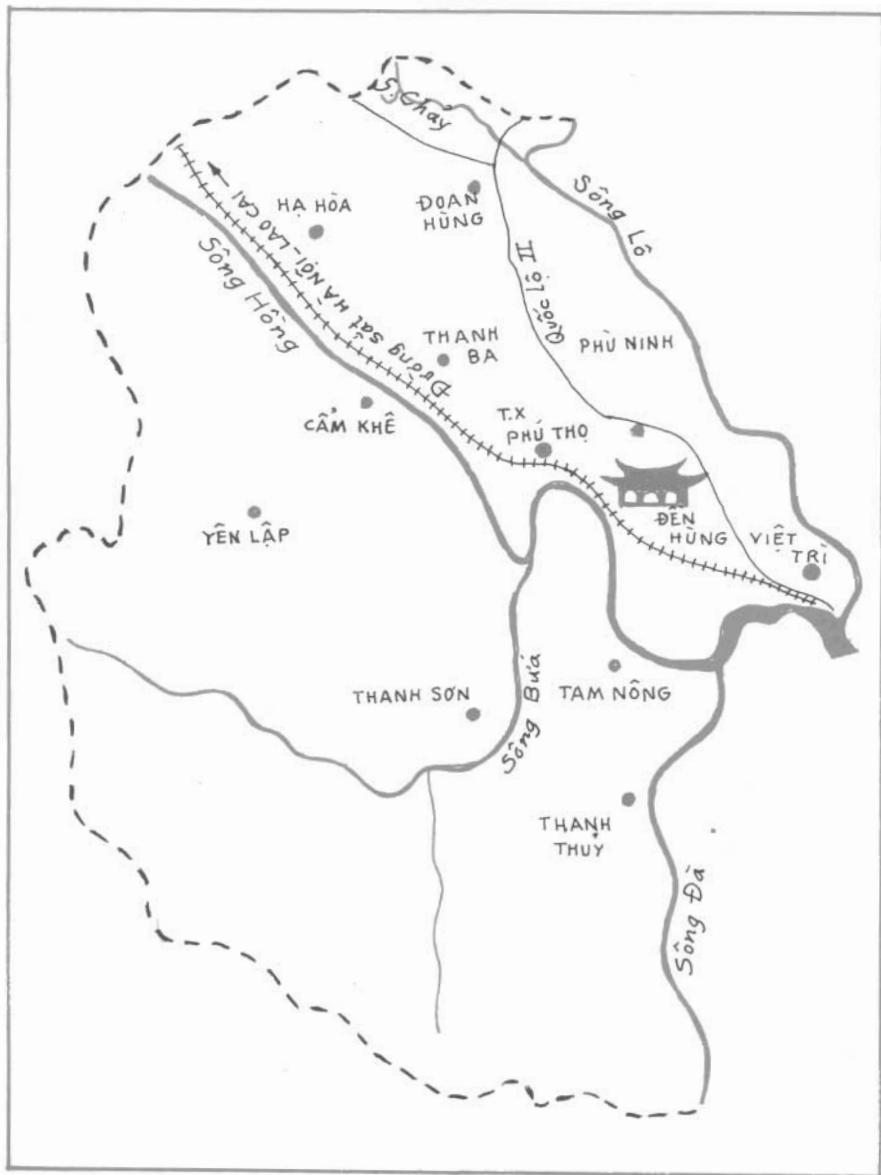
VŨ KIM BIÊN

Sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn

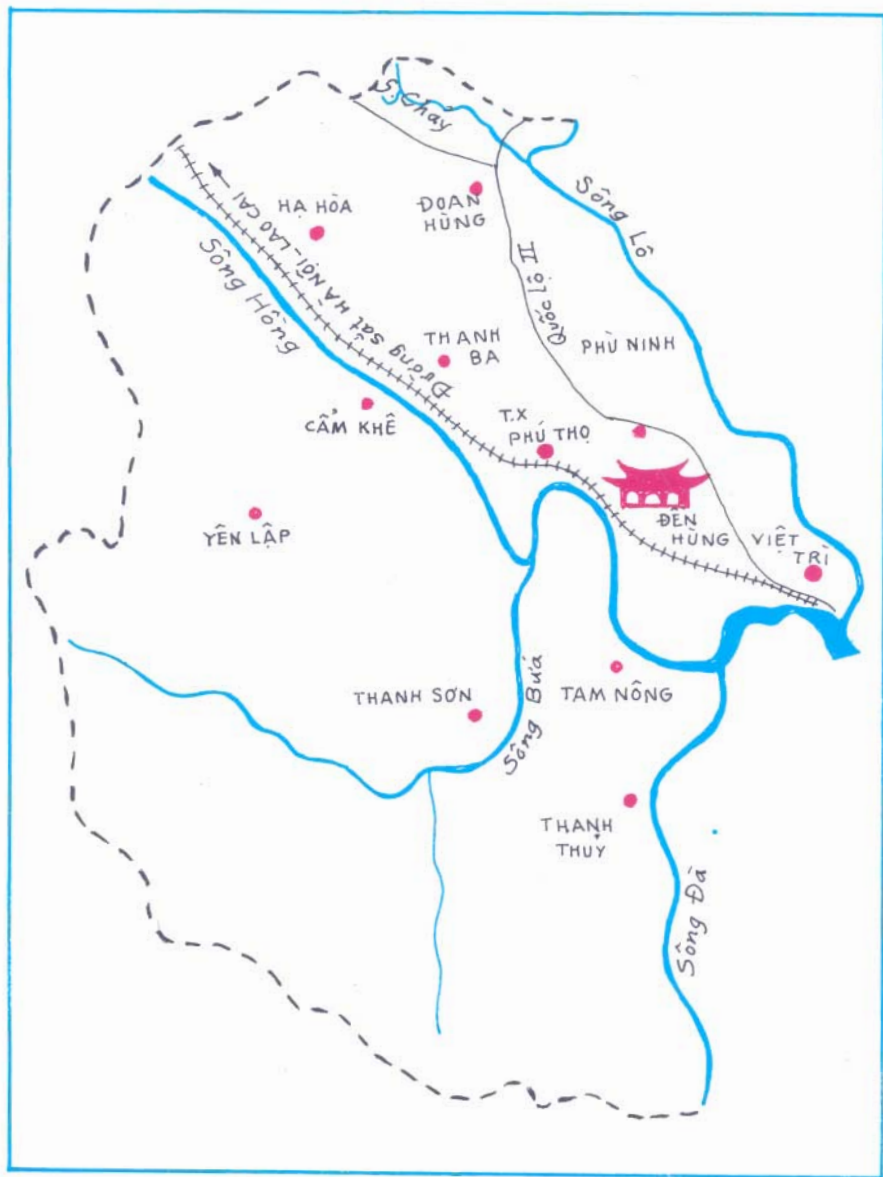


SỞ VĂN HÓA THÔNG TIN PHÚ THỌ

XUẤT BẢN NĂM 2008



TỈNH PHÚ THỌ - VỊ TRÍ ĐỀN HÙNG



TỈNH PHÚ THỌ - VỊ TRÍ ĐỀN HÙNG

VŨ KIM BIÊN

Sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn

Giới thiệu khu di tích lịch sử

ĐỀN HÙNG

**INTRODUCTION TO THE HISTORICAL
VESTIGE AREA OF HUNG PAGODA**

25 chuyên mục và 22 ảnh

In lần thứ V (25)

(Lần đầu in năm 1974)

**SỞ VĂN HÓA THÔNG TIN PHÚ THỌ
XUẤT BẢN NĂM 2008**

TÁC GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN

Điện thoại: (0210) 840 248

**TỦ
SÁCH
CHẤT
LƯỢNG
CAO**

LỜI GIỚI THIỆU

Từ năm 1973 tới nay, tác giả Vũ Kim Biên đã viết 7 cuốn sách và bướm gập giới thiệu Đền Hùng (in và tái bản nhiều lần). Các tài liệu đó thường chỉ bố cục từ 5 - 10 chuyên mục. Lần này tác giả soạn 14 chuyên mục, nói đến cả các khía cạnh lịch sử của thời đại Hùng Vương và trích lục cổ bản ngọc phả, là những tư liệu và kiến thức trước đây chỉ riêng người làm công tác nghiên cứu biết đến. Ngoài ra còn có chuyên mục thứ 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25 tức phụ lục, làm cho cuốn sách thêm quy củ về mặt khoa học và thi vị thêm về mặt văn chương.

Như vậy vừa đáp ứng được bạn đọc phổ thông vừa đáp ứng được đối tượng muốn tìm hiểu sâu hơn. Tóm lại là cuốn sách này cung cấp tất cả những thông tin cần thiết phục vụ đồng bào tham khảo khi về thăm Mộ Tổ.

Sở Văn hóa - Thông tin Phú Thọ xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

SỞ VĂN HÓA THÔNG TIN PHÚ THỌ

1

HÌNH THỂ THIÊN NHIÊN

Núi Hùng (còn gọi là Nghĩa Lĩnh, Nghĩa Cương, Bảo Thiếu Lĩnh bốn mùa xanh ngắt thâm u với 458 loài cây cỏ xưa kia có nhiều loài sơn cầm dã thú, cao 175m so với biển) thuộc thôn Cổ Tích xã Hy Cương thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Người xưa nói:

Núi Hùng là chiếc đầu rồng hướng về phía Nam, mình uốn khúc thành dãy núi Trọc, núi Vặn, núi Pheo ở phía sau.

Từ núi Hùng nhìn ra:

- Phía trước, ngã ba Việt Trì có hàng chục quả đồi thấp là đàn rùa bò từ ao nước lớn lên.

- Phía sau, mảnh đất làng Hy Sơn (Tiên Kiên) là hình một con phượng cặp thư.

- Phía bên phải, quả đồi Khang Phụ (Chu Hóa) là hình một con hổ phục.

- Phía bên trái, quả đồi An Thái (Phượng Lâu) hình vị tướng quân bắn nỏ.

- Làng Cổ Tích bên chân núi, nằm trên lưng một con ngựa ghè cương.

- Dãy đồi từ Phú Lộc đến Thập Thình là 99 con voi châu về đất Tổ.

Xa xa phía Tây dòng sông Thao nước đỏ, phía Đông dòng sông Lô nước xanh, như hai dải lụa màu viền làm ranh giới của cố đô xưa. Đặc biệt không khí trên núi rất thông thoáng, mát dịu và quanh năm thoang thoang hương thơm.

Tương truyền Vua Hùng đi khắp trong nước, cuối cùng mới chọn được vùng sơn thủy hữu tình này làm đất đóng đô.

2 THỜ TỰ

Khu di tích Đền Hùng có 4 đền, 1 chùa và lăng Vua Hùng, phân bố như sau:

- ĐỀN THƯỢNG VÀ LĂNG TRÊN ĐỈNH NÚI:

Nơi đây các Vua Hùng lập miếu thờ Trời “Kính thiên linh điện”, thờ 3 ngọn núi thiêng là Đột Ngột Cao Sơn (núi Hùng), Ấp Sơn (núi Trọc), Viễn Sơn (núi Vặn), thờ Thần lúa (có mảnh vỏ trấu bằng chiếc thuyền câu, mới mất trong kháng chiến chống Pháp).

Giữa thế kỷ 3 trước công nguyên, Thục Phán được Vua Hùng 18 nhường ngôi, mới lập hai cột đá thờ trên đỉnh núi và làm đền thờ 18 đời Vua Hùng. Lại mời dòng tộc nhà vua đến ở chân núi giao cho việc thờ cúng.

Sau đời An Dương Vương, nhân dân địa phương vẫn tiếp tục thực hiện các tín ngưỡng trên qua suốt thời Bắc thuộc. Đến thời phong kiến tự chủ các Vua Hùng được tôn lên là Tổ tiên của dân tộc và việc thờ tự dần dần mang tính chất chung của cả nước “Nam Việt triệu tổ”.

Hiện nay vẫn thờ danh hiệu 18 đời Vua Hùng và 3 vị thần núi: “Hùng đồ thập bát thế Thánh Vương thánh vị”, “Đột Ngột Cao Sơn”, “Áp Sơn”, “Viễn Sơn”.

Lăng chính là mộ Vua Hùng thứ 6. Tương truyền khi đuổi xong giặc Ân, ngài cởi áo vắt trên cành kim giao rồi hóa, táng tại đó.

- ĐỀN TRUNG:

Nơi này trên 2300 năm trước là quán nghỉ ngơi khi lên lễ bái Điện Kính Thiên và ngắm cảnh của Vua Hùng, đôi khi họp bàn việc nước cơ mật với các Lạc hầu, Lạc tướng. Tương truyền còn là nơi hoàng tử Lang Liêu dâng bánh dày bánh chưng.

Sau thời Hùng Vương nhân dân lập miếu thờ các Vua Hùng “Hùng Vương tổ miếu”.

- ĐỀN HẠ VÀ CHÙA:

Theo truyền thuyết, bãi bằng lưng chừng núi này là nơi tổ mẫu Âu Cơ chuyển dạ sinh ra bọc trăm trứng nở thành trăm con trai. Do sự tích này mà nhân dân lập ra Đền Hạ để thờ các Vua Hùng. Bên phải là chùa Sơn cảnh Thừa Long tự. (Sử ký viết là Vĩnh Long tự, làm năm Đại Định thứ 5 (1145) đời vua Lý Anh Tông). Thời Lê làm lại gọi là Thiên Quang thiền tự. Phía trước chùa là tháp sư và gác chuông. Phía trước đền là nhà bia công đức.

- ĐỀN GIẾNG:

Ở đây có giếng Ngọc của hai công chúa Tiên Dung và Ngọc Hoa con Vua Hùng 18. Tương truyền giếng này hai nàng dùng rửa mặt chải tóc chít khăn. Đền thờ hai công chúa làm chùm lên giếng.

Ngọc phả Đền Hùng viết sớm nhất là triều Tiên Lê (vào năm Thiên Phúc nguyên niên, tức 980 tây lịch). Viết lại và sao thì triều nào cũng làm, nhưng phong sắc thì không thấy triều nào phong, có lẽ vì là Tổ tiên.

Bản ngọc phả soạn thời Trần (thế kỷ 13), năm Hồng Đức thứ nhất Hậu Lê (1470) san nhuận lại viết: "... Từ nhà Triệu, nhà Đinh, nhà Lê, nhà Lý, nhà Trần đến triều đại ta bây giờ là Hồng Đức Hậu Lê vẫn cùng hương khói trong ngôi đền ở làng Trung Nghĩa (Đền Hùng - VKB). Những ruộng đất sưu thuế từ xưa để lại dùng vào việc cúng tế vẫn không thay đổi. Ở đây nhân dân toàn quốc đều đến lễ bái để tưởng nhớ công ơn gây dựng nước nhà của các đấng thánh tổ ngày xưa...".

3

KIẾN THIẾT

Về kiến trúc đền chùa, qua khảo sát thực địa thì thấy: Đền miếu các thời đại xa xăm đã bị hư hoại hết. Chỉ còn những di vật nói lên tình hình kiến thiết cũ mà thôi.

Tim thấy 15 hiện vật thời Hùng Vương (13 chất liệu đá, 2 chất liệu đồng thau); mẫu tháp đất nung, mảnh bát đĩa gốm sứ có niên đại Lý Trần trở về trước, 3 cột đá cổ, lỗ xà bị bào mòn chứng tỏ rất lâu đời (một chiếc dựng trên bệ trước cửa Đền Thượng).

Kiến trúc hiện còn là của thời Hậu Lê và Nguyễn. Bản ngọc phả viết năm Hồng Đức nguyên niên (1470) sao năm Hoàng Định thứ nhất (1601) nói trên núi Hùng có Đền Thượng, mộ Vua Hùng thứ 6, hai cột đá thê của Thục Phán, Đền Trung, Đền Hạ và chùa. Đền Giếng làm vào đời vua Quang Trung (1788 - 1792) ⁽¹⁾. Năm 1874 vua Tự Đức nhà Nguyễn sai Tổng đốc tam tuyên xây lại Đền Thượng và Lăng. Trong dịp đại trùng tu 6 năm liền 1917 - 1922, nhân dân 18 tỉnh Bắc Bộ cung tiến được 6000 đồng (tiền Đông Dương) tôn tạo Đền Thượng, Lăng và Đền Giếng. Nhà tư sản Nghĩa Lợi cung tiến 1000 đồng xây 539 bậc xi măng (từ cổng lên Đền Hạ 225 bậc, Đền Hạ lên Đền Trung 168 bậc, Đền Trung lên Đền Thượng 102 bậc, Đền Hạ xuống Đền Giếng 44 bậc). Nhà tư sản Đồng Thịnh cung tiến tiền xây cổng chính (biển đề: Cao Sơn cảnh hành = núi cao đường rộng).

Qua nhiều lần trùng tu, kiến trúc Hậu Lê chỉ còn Đền Trung, Đền Hạ và gác Chuông.

(1) Căn cứ lời dặn nhân dân quanh núi của Vua Hùng Duệ Vương "Hãy thờ con gái ta bên cạnh ta". Trước khi làm Đền Giếng, thờ riêng, hai công chúa được thờ phụng trên các Đền Thượng, Trung, Hạ. Vì vậy hiện còn di tích là những cỗ long ngai không có bài vị, nguyên để thờ vợ con vua.

Năm 1962 UBND tỉnh Phú Thọ tổ chức xổ số được 24.000 đồng, xây khu nhà Công Quán trưng bày hiện vật và tiếp khách. Năm 1973 UBND tỉnh Vĩnh Phú quyết định khoanh 1.562 ha làm khu bảo vệ Đền Hùng, trong đó khu trung tâm bất khả xâm phạm gồm: Núi Nghĩa Lĩnh, núi Trọc lớn, núi Trọc con, núi Vặn, núi Yên Ngựa, núi Nỏn, đồi Cò Kè, đồi Cao Lồ, đồi Cao Phầy, đồi Phân Đậu và đồi Công Quán. Năm 1976 đắp đập hồ Đa Vao. Năm 1980 xây nhà tiếp khách mở tuyến đường nhựa. Năm 1983 khởi thảo kế hoạch xây dựng nhà Bảo tàng trên đồi Công Quán. Năm 1995 hoàn thành. Nguồn kinh phí dựa vào Nhà nước cấp và nhân dân cung tiến, tổng cộng trên 3.000 triệu đồng. Bên khu đền làm thêm sân Lãng và tuyến đường phụ từ Lãng xuống Đền Giếng.

Năm 2000 khởi công xây dựng Đền Mẫu Âu Cơ trên núi Vặn, hoàn thành năm 2004 chi hết 25 tỷ đồng.

Như vậy là bên cạnh khu di tích lịch sử trên núi Nghĩa Lĩnh, còn có công trình văn hóa Đền Mẫu trên núi Vặn, khu phục vụ ở đồi Công Quán gồm có nhà bảo tàng, nhà khách, sân giữ xe, được trang điểm bởi các bồn hoa cây cảnh; và các kiến thiết như: chống xói mòn, lát đá bậc lên, vườn cây, ao sen, đường dạo, hồ Gò Cong, hồ Khuôn Muối, đài phun nước... Chi hết 50 tỷ đồng.

*
* *

Vài nét về nhà bảo tàng

Nhà bảo tàng tuy trưng bày làm nhiều phòng, nhưng chung quy có thể hiểu tổng quát là, tại đây trưng bày 5 loại hiện vật.

1. Hiện vật tìm thấy tại Đền Hùng, gồm 13 hiện vật bằng đá (rìu, cuốc, chày nghiền, đục, lao, vòng tay) và 2 mũi giáo đồng, có từ thời Hùng Vương và nhiều hiện vật có sau thời Hùng Vương. Những hiện vật đó cho biết từ thời Vua Hùng con người đã lên núi này khá đông đúc và bỏ sót lại đồ dùng. Những mẫu đá, gốm xây dựng và đồ thờ có niên đại từ sau công nguyên đến các thời Lý, Trần, Hậu Lê cho thấy khu vực này được thờ liên tục ngay từ khi triều đại Hùng Vương kết thúc đến bây giờ.

2. Hiện vật lấy ở các di chỉ khảo cổ thuộc thời Vua Hùng hoặc có liên quan tới thời Vua Hùng, ở nhiều nơi tập hợp về. Những hiện vật này giống như hiện vật ở mọi bảo tàng.

3. Những cuốn sách sử, những mẫu trích từ các sách cổ của người Trung Quốc và nước ta nói về thời Hùng Vương. Những hiện vật này cũng giống như ở mọi bảo tàng, nghĩa là muốn nói rằng thời Hùng Vương là có thật.

4. Hiện vật phản ánh các hình thức tín ngưỡng Vua Hùng của nhân dân, ở trong cũng như ngoài khu vực Đền Hùng. Đó là các bản ngọc phả, đồ thờ tự, tranh vẽ và ảnh chụp các đình đền, các lễ hội.

5. Hiện vật lưu niệm đồng bào về thăm mộ Tổ. Đó là những quà tặng, những ảnh chụp các nhà lãnh đạo, các đoàn đại biểu và nhân dân tới thăm Đền Hùng.

4

LỄ HỘI CỔ TRUYỀN

1. Thời phong kiến

Từ nhà Lê trở về trước việc trông nom, tu bổ đền đài, đèn hương sóc vọng và làm giỗ Tổ hàng năm, triều đình giao khoán cho dân sở tại, theo ngọc phủ thì đó là dòng tộc Vua Hùng được Thục Phán mời về trông nom đèn miếu, gọi là dân Trưởng tạo lệ (Hy Cương). Bù lại dân được miễn thuế 500 mẫu ruộng, miễn đi phu đi lính, miễn đóng sưu. Ngoài ra còn được trích một khoản tiền từ thuế điền thổ của các trấn Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang giao cho họ để phục vụ Đền Hùng.

Ngày giỗ Tổ 11 tháng 3 âm lịch, dân Hy Cương rước lòng văn trên Đền Thượng về đình làng tế lễ - Sắc của Vua Quang Trung (năm 1789) vẫn nói duy trì chế độ trên.

Sang triều Nguyễn, đời vua Minh Mệnh, năm 1823 rước bài vị Vua Hùng vào Huế thờ trong miếu Lịch đại đế vương. Đời vua Tự Đức, năm 1874 sai Tổng đốc Tam Tuyên (Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang) Nguyễn Bá Nghi trùng tu Đền Thượng và Lăng, đặt lệ quốc tế vào mùa thu. Năm 1917 tuần phủ Phú Thọ Lê Trung Ngọc đề nghị triều đình cho tế vào ngày 10 tháng 3 trước giỗ Vua Hùng một ngày, để hôm sau dân sở tại làm lễ. Từ đó ấn định hàng năm Nhà nước tế vào ngày mồng 10 tháng 3, phẩm vật là tam sinh (trâu, dê, lợn). Kinh phí lấy từ hoa lợi phát canh 25 mẫu ruộng triều đình giao cho các xã cấy nộp thóc về Hy Cương và cấp thêm 100 đồng bạc trắng (khoảng 20 triệu ngày nay).

Riêng Vua Nguyễn gửi về 3 đấu gạo nếp thơm làm xôi cúng (khoảng 18kg). Triều đình ủy nhiệm cho Tuần phủ Phú Thọ đứng chủ tế hàng năm. Các bồi tế, thông đạo tán, chấp sự là các quan tỉnh, huyện.

Nhà Nguyễn đặt lệ 5 năm mở hội lớn một lần (hội chính) vào những năm chẵn 5.

Năm hội chính người ta treo lá cờ thần trên đỉnh núi Nỏn báo cho đồng bào từ tháng giêng. Ngoài việc quan triều đình và quan hàng tỉnh đứng tế, các làng xã có đình thờ Vua Hùng, vợ con vua hoặc tướng lĩnh thời Hùng Vương còn rước kiệu đến châu. Trên địa bàn Vĩnh Phú có hơn 600 nơi thờ nhưng chỉ hơn 40 làng quanh đền là có điều kiện rước châu ⁽¹⁾.

- Rước kiệu là một hoạt động tín ngưỡng hết sức nghiêm trang và vui vẻ. Hầu kiệu có những người che lọng, vác cờ, bát bửu, tấu nhạc bát âm, đánh chiêng trống, phường chèo đóng đường (vừa đi vừa diễn). Làng ở xa phải rước hai ba ngày mới tới đền.

(1) Bộ lễ thời Lê thống kê những diếm thờ Vua Hùng, vợ, con và tướng lĩnh của các vua như sau: Hưng Hóa: 158; Kinh Bắc: 112; Hải Dương: 112; Thanh Hóa: 261; Sơn Nam: 231; Nghệ An: 70. Tài liệu kiểm kê di tích của tỉnh Vĩnh Phú qua 2 đợt 1962 - 1972 phát hiện 627 diếm thờ.

Hiện nay ở thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa, Vũng Tàu, Nha Trang, Lâm Đồng, Bảo Lộc, Tiền Giang cũng có đền thờ vọng Vua Hùng. Kiểu bảo ta ở Pháp, Mỹ, Xirilanca còn về Đền Hùng lảy chân hương mang sang thờ.

- Trò chơi: Thường có các mục đu tiên, ném còn, kéo co, chọi gà, đánh vật, bắn nỏ thi, kéo lửa nấu cơm thi, bịt mắt bắt dê...

- Văn nghệ: Ban ngày có hát sẩm, hát ví, hát trống quân, cò lả, sa mạc... Sẩm là nghệ sĩ dân gian hát lấy tiền thưởng, còn các điệu hát khác do thanh niên nam nữ các làng tự biên tự diễn hát đối đáp nhau cho vui. Đêm đến có hát chèo, tuồng ở ngoài các bãi rộng chân núi. Riêng đêm 10-3 phường Xoan An Thái, Kim Động múa hát hầu Thánh tại Đền Thượng từ chập tối đến sáng hôm sau.

- Một số sinh hoạt ngày nay cấm đoán nhưng xưa rất thịnh là đồng bóng, bói toán, cờ bạc.

2. Từ sau Cách mạng tháng Tám - 1945 đến nay

Giỗ Tổ năm 1946, cụ Huỳnh Thúc Kháng Phó Chủ tịch nước lên làm lễ dâng hương, dâng tấu bản đồ Việt Nam và thanh kiếm, cáo với Tổ họa xâm lăng và hứa quyết tâm giữ nước.

Trong kháng chiến chống Pháp, không tổ chức được lễ hội. Ngày giỗ 10-3 nhân dân quanh núi tự động cúng bái với tư cách cá nhân.

Sau hòa bình lập lại, năm 1956 Bộ Văn hóa phối hợp với UBND tỉnh Phú Thọ tổ chức Lễ hội rất rầm rộ đông vui, có rước kiệu. Rồi bị phê bình phục hồi lệ cổ phong kiến.

Kể từ 1957 đến 1980, việc giỗ Tổ hoàn toàn cách tân gọn nhẹ, không phân ra năm chính năm thường, nghi thức thống nhất là: Sáng mùng 9-3 các thành phần tham gia tập trung tại Công Quán gồm đại biểu Quân, Dân, Chính của tỉnh, huyện Lâm Thao và xã Hy Cương do Phó Chủ tịch phụ trách văn xã tỉnh làm trưởng đoàn, tất cả mặc thường phục tùy hoàn cảnh. Khi lên đền thì đoàn thiếu nhi xã Hy Cương cầm cờ đỏ sao vàng và đánh trống cà rinh đi trước. Tới Đền Thượng, vị trưởng đoàn đem bó hoa huệ tươi đặt lên bàn thờ, rồi đại diện quân sự hô “nghiêm, mặc niệm một phút”. Mặc niệm xong là kết thúc.

Thập kỷ 80 có một chút cải tiến là thay đoàn thiếu nhi Hy Cương bằng tốp nữ văn công mặc áo dài, hai người đi đầu ôm 2 bó hoa. Rồi lại thay tốp nữ văn công bằng đội nữ múa sinh tiền và đội nhạc cử bài “lưu thủy kim tiền”. Năm 1988 lúc lễ tưởng niệm ở Đền Thượng dùng bộ gõ trống đồng và đàn bầu diễn tấu bản nhạc do nhạc sĩ Đào Đăng Hoàn sáng tác - sau đó xuống Lăng đặt lẵng hoa, kết thúc.

Từ năm 1995 đến nay về nghi thức ngày càng phong phú, có các vị lãnh đạo Bộ Văn hóa thông tin về làm đồng chủ lễ với Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ, có các vị lãnh đạo Đảng, Chính phủ về đọc diễn văn: Lễ vật là

bánh dày bánh chưng, hương hoa, ngũ quả. Tạo điều kiện cho một số làng rước kiệu về châu...

Năm 2005 Trung ương Quyết định chương trình giỗ Tổ diễn ra 5 ngày. Sáng 6-3 khai mạc tại Việt Trì với màn biểu diễn của 3000 nghệ sĩ. Hơn 20 làng rước kiệu về châu Đền Hùng. Khoảng 9 giờ tế tại Đền Thượng do Chủ tịch xã Hy Cương làm chủ tế. Sáng 10-3 vị lãnh đạo Trung ương lên Đền dâng hương và đọc diễn văn trước đồng bào.

Hội Đền Hùng có chiều hướng ngày càng đông và kéo dài. Vào những năm 60 của thế kỷ 20 ước độ 10 vạn người về dự hội; những năm 70 ước độ 20 vạn; những năm 80 ước độ 30 vạn; những năm 90 lên tới 50 vạn. Những năm tới có thể lên đến 70 - 80 vạn hoặc hơn nữa. Những ngày ấy đứng trên đỉnh núi nhìn xuống xung quanh sẽ thấy từ mọi con đường tới Đền Hùng, người ta đổ về dự hội như những dòng sông đổ về biển cả. Đứng từ xa nhìn lên núi sẽ thấy muôn vàn chấm động đủ màu sắc hòa lẫn cây xanh như một rừng hoa tươi thắm trước gió xuân.

Mọi người già, trẻ, gái, trai náo nức lúc đi, hân hoan lúc đến, lưu luyến lúc ra về, cảnh trí tình người thân thương tha thiết vô cùng. Thật là một dịp hội để đồng bào cả nước: miền ngược, miền xuôi, miền Nam, miền Bắc gặp nhau sum họp trên đất Tổ quê hương, bộc lộ những tình cảm thiêng liêng tự đáy lòng.



Cổng đền (chính)



Đền Thượng



Đền Trung



Chùa Thiên Quang thiền tự



Đền Hạ



Bia Đền Thượng



Rước kiệu lên Đền Thượng



Tháp sư



Gác chuông



Đền Giếng



Cổng Đền Giếng



Cột miếu cổ



Nhà bia công đức (sân Đền Hạ)

5

TRUYỀN THUYẾT TIÊU BIỂU

(Tóm tắt)

+ *Bọc trăm trứng:*

Vua đầu nước ta là Kinh Dương Vương cháu bốn đời Viêm Đế Thần Nông (vị thần coi về nông nghiệp của Trời) Kinh Dương Vương lấy Thần Long nữ sinh ra Lạc Long Quân. Lạc Long Quân đi tuần thú gặp Âu Cơ ở động Lăng Xương kết làm vợ chồng, đưa về núi Nghĩa Lĩnh. Âu Cơ sinh ra một bọc trăm trứng nở thành trăm con trai. Khi các con lớn khôn, Lạc Long Quân nói: “Ta giống Rồng, nàng giống Tiên không thể ở lâu với nhau được” bèn chia 50 con cho Âu Cơ đem lên núi, Lạc Long Quân dẫn 49 người con xuống biển, để lại người con cả nối ngôi hiệu là Hùng Vương, đặt tên nước là Văn Lang đóng đô ở thành Văn Lang (Việt Trì - VKB), truyền được 18 đời đều gọi là Hùng Vương ⁽¹⁾.

+ *Phù Đổng Thiên Vương (Thánh Gióng)*

Về thời Hùng Vương thứ 6, nước Văn Lang bị giặc Ân xâm lược. Vua cho sứ giả đi rao người tài ra giúp nước. Ở làng Phù Đổng bộ Vũ Ninh có một cậu bé 3 tuổi, nghe tiếng sứ giả bèn vươn thành người cao lớn, xin vua rèn ngựa sắt, nón sắt, roi sắt để đánh giặc. Đuổi xong giặc Ân chàng cưỡi ngựa bay lên trời. Vua Hùng

(1) Xin xem “Truyền thuyết Hùng Vương thần thoại vùng Đất Tổ”.

phong là Phù Đổng Thiên Vương, sai dân lập miếu thờ tại làng Phù Đổng.

+ *Bánh dày bánh chưng:*

Vua Hùng thứ 6 muốn chọn con hiền cho nối ngôi, mới ban lệnh thi cử. Các hoàng tử ra sức tìm kiếm sơn hào hải vị bày biện. Riêng Lang Liêu mẹ mới mất không đi xa được, chàng nghĩ cách dùng gạo nếp thơm chế ra bánh dày, bánh chưng. Vua thấy Lang Liêu hiểu thảo và tài trí, cho làm Hùng Vương thứ 7⁽¹⁾.

+ *Dưa hấu:*

An Tiêm là con nuôi Vua Hùng, nói năng kiêu ngạo, bị đày ra đảo hoang. Vợ chồng An Tiêm chỉ được mang theo một số lương thực và con dao phát. Chàng thấy đàn quạ đến đảo ăn thứ quả da xanh lòng đỏ, dây bò trên mặt đất. An Tiêm lấy một quả ăn thử thấy ngon ngọt khỏe người, bèn trồng đất rắc hạt trồng khắp đảo. Đến vụ thu hoạch chàng gọi thuyền buôn vào bán. Vua biết tin liền cho đón về.

+ *Chử Đồng Tử:*

Công chúa Tiên Dung con Vua Hùng 18 thích du chơi phóng khoáng. Nàng cưỡi thuyền xuôi sông Cái, đến bãi Tự Nhiên sai căng màn tắm. Không ngờ dội lớp cát trôi lộ ra một chàng đánh cá trần truồng vui mình trong hố, tên là Chử Đồng Tử. Tiên Dung cho rằng duyên Trời xe, bèn lấy chàng làm chồng. Vua cha biết tin giận sai quân đến bắt, thì toàn bộ khu vực của Chử Đồng Tử tách khỏi đất bay lên trời.

(1) Xem truyện “Vua Hùng thứ 7 và Tây Thiên quốc mẫu”.

+ Sơn Tinh - Thủy Tinh:

Sơn Tinh và Thủy Tinh đều đến cầu hôn công chúa Ngọc Hoa con Vua Hùng 18. Nhà vua hẹn ai đem lễ vật đến trước sẽ được lấy công chúa. Sơn Tinh nhờ có sách ước và các thần thổ địa giúp sức nên sớm có lễ vật đem đến trình Vua. Vua bèn gả Ngọc Hoa cho Sơn Tinh đem về núi Tản Viên. Thủy Tinh đến sau thất bại, liền hô phong hoán vũ đánh đuổi Sơn Tinh. Sơn Tinh huy động các loài dã thú đánh lui các loài thủy tộc và làm cho núi luôn luôn cao hơn nước. Thủy Tinh thua nhưng vẫn chưa nguôi tức giận, mỗi năm dâng nước đánh Sơn Tinh một lần, gây ra lũ lụt.

+ Cột đá thề:

Vua Hùng 18 không có con trai, nhường ngôi cho con rể là Nguyễn Tuấn (tức Tản Viên). Thục Phán là cháu Vua Hùng, làm Lạc tướng bộ lạc Tây Vu, đem quân đến tranh ngôi, xảy ra chiến tranh Hùng - Thục. Tản Viên khuyên Vua Hùng nhường ngôi cho Thục Phán. Phán cảm kích dựng hai cột đá thề trên đỉnh núi Nghĩa Lĩnh, thề rằng sẽ kế tục giữ nước và thờ tự các Vua Hùng. Phán sai thợ đẽo đá dựng miếu trên núi và cho mời dòng tộc nhà vua đến ở chân núi lập ra làng Trung Nghĩa, giao cho trông nom đền miếu, cấp cho đất ngụ lộc từ Việt Trì trở ngược đến hết địa giới nước nhà. Lại sai dựng miếu ở động Lăng Xương thờ bà mẹ Tản Viên, cấp đất ngụ lộc cho Tản Viên từ cửa sông Đà trở lên phía Tây Bắc. Sau đó Phán xưng là An Dương Vương, đóng đô ở Cổ Loa đặt tên nước là Âu Lạc⁽¹⁾.

(1) Xem truyện "Cột đá thề".

6

PHỔ HỆ HỌ HỒNG BÀNG⁽¹⁾

1. Kinh Dương Vương: Húy là Lộc Tục, làm vua 215 năm, sống 260 tuổi. Kinh Dương Vương có 6 vợ, sinh 24 con trai, 20 con gái. Có 36 chi sinh 596 cháu chất trị nước. Dân sống thái bình.

2. Lạc Long Quân (Hùng Hiền Vương): Húy là Sùng Lãm, làm vua 400 năm, sống 506 tuổi, truyền 100 người trị nước. Lạc Long Quân lấy Âu Cơ đưa về núi Nghĩa Lĩnh, sinh bọc trăm trứng nở trăm con trai là thủy tổ Bách Việt. Lạc Long Quân có 9 vợ sinh 180 con trai và 29 con gái, có 141 chi sinh 3599 cháu chất trị nước. Phân ra 100 khu cho trăm họ, một nhà truyền mãi.

3. Hùng Quốc Vương: Húy là Lân Lang, làm vua 221 năm sống 260 tuổi. Hùng Quốc Vương có 12 vợ,

(1) Trong điều kiện hiện nay chúng ta chưa thể hiểu hết được nội dung bản phả hệ họ Hồng Bàng. Về thời gian tồn tại của nước Văn Lang 2796 năm với 18 đời Vua Hùng hoặc 165 người được truyền nối, số vợ, số con trai, con gái, số chi phái, cháu chất, còn là điều bí ẩn.

Chúng tôi công bố đúng theo ngọc phả để đồng bào cùng nghiên cứu. Quan niệm chính thức của chúng tôi là: 18 đời Vua Hùng và nước Văn Lang tồn tại khoảng 500 năm, ứng với văn hóa khảo cổ Gò Mun - Đông Sơn. Còn trước nữa là thời kỳ bộ lạc. Tuy nhiên ngay ở thời kỳ bộ lạc, vị thủ lĩnh bộ lạc Văn Lang gọi là Vua Lạc hay Vua Hùng vẫn được.

sinh 33 con trai và 10 con gái. Diệp Vương là con trưởng làm vua. Có 51 chi sinh 900 con cháu trị nước.

4. Hùng Diệp Vương: Húy là Bảo Lang, làm vua 300 năm, sống 646 năm. Sinh Hy Vương con trưởng, truyền 8 vua trị vì. Diệp Vương có 24 vợ sinh 49 con trai và 20 con gái. Có 59 chi và 1591 cháu chắt.

5. Hùng Hy Vương: Húy Viên Lang, làm vua 200 năm, sống 599 tuổi. Sinh Huy Vương là con trưởng, truyền cho 5 con trị nước. Huy Vương có 36 vợ, sinh 52 con trai và 9 con gái, có 61 chi sinh 1600 cháu chắt.

6. Hùng Huy Vương: Húy Pháp Hải Lang, làm vua 87 năm sống 500 tuổi. Sinh Chiêu Vương là con trưởng, truyền 2 người trị nước. Huy Vương có 48 vợ, sinh 33 con trai và 19 con gái. Có 52 chi sinh 599 cháu chắt. Có giặc Ân ở phương Bắc xâm lấn.

7. Hùng Chiêu Vương: Húy Lang Liêu Lang, làm vua 200 năm, sống 692 năm. Sinh Vi Vương là con trưởng, truyền 5 con kế vị, các con truyền 7 người trị quốc. Chiêu Vương có 60 vợ, sinh 23 con trai và 36 con gái. Có 59 chi sinh 750 cháu chắt.

8. Hùng Vi Vương: Húy Thừa Vân Lang, làm vua 100 năm thọ 642 tuổi. Sinh Định Vương là con trưởng, truyền ngôi cho 5 người. Vi Vương có 39 vợ sinh 31 con trai và 16 con gái. Có 47 chi, sinh 579 cháu chắt.

9. Hùng Định Vương: Húy Quốc Lang, làm vua 80 năm, sống 602 tuổi. Sinh Uy Vương là con trưởng, truyền ngôi 3 người. Định Vương có 46 vợ sinh 39 con trai và 9 con gái. Có 42 chi sinh 559 cháu chắt.

10. Hùng Uy Vương: Húy Hùng Hải Lang, làm vua 90 năm, sống 512 tuổi. Sinh Chinh Vương là con trưởng, truyền ngôi cho 3 người. Uy Vương có 40 vợ sinh 29 con trai và 30 con gái. Có 59 chi, sinh 434 cháu chắt.

11. Hùng Chinh Vương: Húy Hưng Đức Lang, làm vua 107 năm, sống 514 tuổi. Sinh Vũ Vương là con trưởng, truyền 4 người trị nước. Chinh Vương có 36 vợ, sinh 46 con trai và 18 con gái. Có 64 chi sinh 409 cháu chắt.

12. Hùng Vũ Vương: Húy Đức Hiền Lang, làm vua 96 năm, sống 456 tuổi. Sinh Việt Vương là con trưởng, truyền 3 người trị nước. Vũ Vương có 25 vợ, sinh 50 con trai và 6 con gái. Có 56 chi, sinh 305 cháu chắt.

13. Hùng Việt Vương: Húy Tuấn Lang, làm vua 105 năm, sống 502 tuổi. Sinh Anh Vương là con trưởng, truyền 5 người trị nước. Việt Vương có 31 vợ, sinh 27 con trai và 30 con gái, sinh 541 cháu chắt.

14. Hùng Anh Vương: Húy Chân Nhân Lang, làm vua 99 năm, sống 386 tuổi. Sinh Triệu Vương là con trưởng, truyền 3 người trị quốc - Anh Vương có 18 vợ, sinh 18 con trai và 22 con gái. Có 40 chi, sinh 309 cháu chắt.

15. Hùng Triệu Vương: Húy Cảnh Chiêu Lang, làm vua 94 năm, sống 286 tuổi. Sinh Tạo Vương là con trưởng, truyền 3 người trị nước. Triệu Vương có 60 vợ, sinh 40 con trai và 16 con gái. Có 56 chi, sinh 399 cháu chắt.

16. Hùng Tạo Vương: Húy Đức Quân Lang, làm vua 92 năm, thọ 273 tuổi. Sinh Nghị Vương là con

trưởng, truyền 3 người trị nước. Tạo Vương có 26 vợ, sinh 30 con trai và 7 con gái. Có 37 chi, sinh 319 cháu chắt.

17. Hùng Nghị Vương: Húy Bảo Quang Lang, làm vua 160 năm, sống 217 tuổi. Sinh Duệ Vương là con trưởng, truyền 4 người trị nước. Có 30 vợ, sinh 22 con trai và 15 con gái. Có 37 chi, sinh 291 cháu chắt.

18. Hùng Duệ Vương: Húy Huệ Lang, làm vua 150 năm, sống 221 tuổi. Truyền Kính Vương là con trưởng làm vua được 6 năm thì mất, truyền cho Tản Viên 10 năm, sau truyền cho Thục Phán - Duệ Vương có 100 vợ, hay rượu và gái. Có 26 chi, sinh 194 cháu chắt. 20 con trai và 4 con gái đều mất sớm, còn Tiên Dung lấy Chử Đồng Tử và Ngọc Hoa lấy Tản Viên.

DANH SÁCH 100 NGƯỜI CON TRAI TỪ BỌC TRĂM TRÚNG

LÂN LANG LÀM VUA

49 người con theo cha Lạc Long Quân là:

Xích Lang, Quỳnh Lang, Mật Lang, Thái Lang, Vĩ Lang, Huân Lang, Yên Lang, Tiên Lang, Diên Lang, Tích Lang, Tập Lang, Ngộ Lang, Cấp Lang, Tiểu Lang, Hộ Lang, Thục Lang, Khuyển Lang, Chiêm Lang, Vân Lang, Khương Lang, La Lang, Tuần Lang, Tân Lang, Quyền Lang, Đường Lang, Kiều Lang, Dũng Lang, Ấc Lang, Tảo Lang, Liệt Lang, Ưu Lang, Nhiêu Lang,

Lý Lang, Châm Lang, Tường Lang, Chóc Lang, Sáp Lang, Cốc Lang, Nhật Lang, Sái Lang, Chiêu Lang, Hoạt Lang, Điển Lang, Trảng Lang, Thuận Lang, Tâm Lang, Thái Lang, Triệu Lang, Ích Lang.

50 người con trai theo mẹ Âu Cơ là:

Hương Lang, Kiểm Lang, Thần Lang, Văn Lang, Vũ Lang, Linh Lang, Hắc Lang, Thịnh Lang, Quân Lang, Kiên Lang, Tế Lang, Mã Lang, Chiến Lang, Khang Lang, Chinh Lang, Đào Lang, Nguyên Lang, Phiên Lang, Xuyên Lang, Yển Lang, Thiếp Lang, Bảo Lang, Chùng Lang, Tài Lang, Chiểu Lang, Cổ Lang, Lưu Lang, Lô Lang, Quế Lang, Diêm Lang, Huyền Lang, Nhị Lang, Tào Lang, Nguyệt Lang, Sâm Lang, Lâm Lang, Triều Lang, Quán Lang, Cảnh Lang, Ốc Lang, Lôi Lang, Châu Lang, Việt Lang, Vệ Lang, Mãn Lang, Long Lang, Trình Lang, Tòng Lang, Tuấn Lang, Thanh Lang.

7

DI TÍCH KHẢO CỔ

Trên địa bàn Phú Thọ và Vĩnh Phúc (tức bộ Văn Lang cũ) phát hiện được trên 70 di chỉ khảo cổ thời Hùng Vương (tính tới 1992). Nếu lấy Đền Hùng làm trung tâm quay một vòng bán kính 20 km thì có gần 50 di tích nằm trong vòng tròn đó, phần lớn tập trung ở vùng Lâm Thao và Việt Trì.

Gần 50 di tích đó là: Phùng Nguyên, Gò Mun, Đồi Dung, Gò.Ông Kế, Gò Miếu, Ngổ Đổ, Nội Gan, Bản Nguyên, Đồng Đường, Chùa Cao, Thành Dền, Đồng Đậu Con, Gò Chiền, Mã Ngụon, Liên Minh, Xóm Kiếu, Gò Con Lợn, Gò Mồng, Gò Tro Trên, Gò Tro Dưới, Đồng Xấu, Gò Tôm, Gò Thế, Gò Gai, Gò Con Cá, Gò Thờ, Gò Ghệ, Đồi Hoàng Long, Mả Nứa, Lê Lợi, Đồi Giàm, Làng Cả, Mã Lao, Núi Voi, Gò Vũng, Gò Dền, Đôn Nhân, Bình Sơn, Đồng Quế, Gò Re, Gò Diến, Gò Bún, Gò Sanh, Gò Ông Tiễn, Gò Ma Lầy, Thọ Sơn.

Hơn 20 di chỉ phân bố tương đối tản mạn ngoài bán kính nói trên là: Gò Chùa, Gò Trại, Gò Vôi, Vạn Thắng, Nhà Quỳnh, (huyện Cẩm Khê); Hồng Đà, Đậu Dương, Gò Bông, Gò Cháy, Gò Chè, Núi Ngần (Tam Nông); La Phù, Văn Minh, Đoan Thượng, Đào Xá, (Thanh Thủy); Lũng Hoà, Nghĩa Lập, Ma Cả (Vĩnh Tường); Đồng Đậu, Đình Xá (Yên Lạc); Gò Ngành (Bình Xuyên); Suối Trại (Tam Dương); Cự Triều, Tháp Miếu, Núi Cả, (Mê Linh).

Các di tích trên chia làm 4 loại:

- Loại Phùng Nguyên trên dưới 4000 năm cách đây ⁽¹⁾.
- Loại Đồng Đậu trên dưới 3500 năm⁽²⁾.

(1) Loại di tích này phát hiện đầu tiên ở thôn Phùng Nguyên xã Kinh Kế huyện Lâm Thao Phú Thọ vào năm 1958. Vì vậy lấy Phùng Nguyên đặt tên cho loại di tích này.

(2) Gò Đồng Đậu thuộc xã Minh Tân, Yên Lạc, Vĩnh Phúc, phát hiện năm 1965.

- Loại Gò Mun trên dưới 3000 năm⁽¹⁾.
- Loại Đông Sơn khoảng 2800 năm đến đầu công nguyên⁽²⁾.

Di chỉ nói trên là những địa điểm người Việt cổ cư trú còn để lại trong lòng đất các hiện vật gồm đồ đá như rìu, đục, cuốc, vòng tay, hoa tai, hạt chuỗi, đồi xe sợi, mũi tên... Đồ gốm như nồi niêu, bát đĩa, cốc chén, vại lọ, tượng súc vật. Vết tích thức ăn như lúa gạo, hạt quả, xương cá, vỏ ốc trai hến, xương thú rừng và gia súc v.v...

Đặc biệt là theo truyền thuyết cung điện nhà vua ở thôn Việt Trì, thì khảo cổ học đã tìm thấy ở di chỉ Làng Cả (khu Mì Chính) những hiện vật nói lên sự có mặt của vua quan như mũi tên đồng, rìu chiến trang trí đẹp, giáo đồng, khóa thắt lưng bằng đồng tạc 8 con rùa, thạp, trống, tượng cóc bằng đồng thau.

8

SỬ CŨ NÓI VỀ VUA HÙNG

Sách Trung Quốc: “Ở thời xưa, Giao Chỉ chưa có quận huyện (tức là chưa có sự đô hộ của phương Bắc -

(1) Gò Mun thuộc xã Tứ Xã, Lâm Thao, phát hiện 1961.

(2) Đông Sơn thuộc huyện Thiệu Hóa tỉnh Thanh Hoá. Loại Đông Sơn ở Vĩnh Phú có các di chỉ: Làng Cả, Gò Re, Vạn Thắng...

VKB) thì đất đai có ruộng Lạc, ruộng ấy theo nước triều lên xuống mà làm. Dân khẩn ruộng ấy mà ăn nên gọi là dân Lạc. Đặt Lạc Vương, Lạc hầu để làm chủ các quận huyện. Các quận huyện phần nhiều là những Lạc tướng, Lạc tướng thì có ấn đồng giải xanh” (Giao Châu ngoại vực ký - thế kỷ 3 - 4).

“Đất Giao Chỉ phì nhiêu, nhiều dân cư đến đó, họ là những người đầu tiên khai khẩn, đất đen và bốc hơi mạnh lắm. Bấy giờ những cánh đồng đó gọi là Hùng điền và dân gọi là Hùng dân, có một công chúa gọi là Hùng Vương. Hùng Vương có các chức viên giúp việc gọi là Hùng hầu. Lãnh thổ đất Hùng thì chia cho các Hùng tướng” (Nam Việt chí thế kỷ 5).

Sách nước ta: Đại Việt sử lược (viết thế kỷ 14) “Đến đời Trang vương nhà Chu (696 - 682 TCN) ở bộ Gia Ninh có người lạ dùng ảo thuật áp phục được các bộ lạc, tự xưng là Hùng Vương, đóng đô ở thành Văn Lang, hiệu nước là Văn Lang, truyền được 18 đời đều gọi là Hùng Vương”.

Đại Việt Sử ký toàn thư (viết thế kỷ 15), chính sử triều Lê:

“Kỷ Hồng Bàng Thị

Kinh Dương Vương

Tên húy là Lộc Tục, con cháu họ Thần Nông...

Lạc Long Quân

Tên Húy là Sùng Lãm, con của Kinh Dương Vương...

Hùng Vương

Con Lạc Long Quân, đóng đô ở Phong Châu (nay là huyện Bạch Hạc).

Hùng Vương lên ngôi đặt quốc hiệu là nước Văn Lang (nước này Đông giáp biển Nam Hải, Tây đến Ba Thục, Bắc đến hồ Động Đình, Nam giáp nước Hồ Tôn tức Chiêm Thành, nay là Quảng Nam). Chia nước làm 15 bộ là: Giao Chỉ, Chu Diên, Vũ Ninh, Phúc Lộc, Việt Thường, Ninh Hải, Dương Truyền, Lục Hải, Vũ Định, Hoài Hoan, Cửu Chân, Bình Văn, Tân Hưng, Cửu Đức, các bộ đó đều thần thuộc, còn bộ gọi là Văn Lang là nơi vua đóng đô. Đặt tướng văn gọi là Lạc Hầu, tướng võ gọi là Lạc Tướng (chữ Lạc Tướng sau chép sai là Hùng Tướng) con trai vua gọi là Quan Lang, con gái vua gọi là Mị Nương. Quan coi việc gọi là Bô Chính, đời đời cha truyền con nối gọi là phụ đạo. Vua các đời đều gọi là Hùng Vương.

Bấy giờ dân ở rừng núi thấy có cá tôm đều tụ họp ở sông ngòi, kéo nhau bắt cá để ăn thường bị thuồng luồng làm hại, đến thưa với vua, vua nói: “Giống người Nam ở núi khác với loài thủy tộc, loài ấy ưa cùng loài mà ghét khác loài, cho nên có tai nạn ấy”. Vua bèn sai lấy mực vẽ hình thủy quái ở mình. Từ đấy giống thuồng luồng trông thấy không cắn lại nữa. Tục vẽ mình của người Bách Việt có lẽ bắt đầu từ đấy.

Đời Hùng Vương thứ 6, ở hương Phù Đổng bộ Vũ Ninh có người nhà giàu, sinh một con trai, đến năm lên ba tuổi ăn uống béo lớn nhưng không biết nói cười - Gặp lúc trong nước có tin nguy cấp, vua sai bề tôi đi tìm người có thể đánh lui được giặc. Ngày hôm ấy đưa trẻ

bồng nói được, bảo mẹ ra mời thiên sứ vào nói: “Xin cho một thanh gươm và một con ngựa, vua không phải lo gì hết”. Vua ban cho gươm và ngựa, đưa trẻ lên phi ngựa vung gươm tiến lên trước, quan quân theo sau, đánh tan quân giặc ở chân núi Vũ Ninh...

Thời Thành Vương nhà Chu (1063 - 1026 TCN) nước Việt ta lần đầu sang thăm nhà Chu (không rõ vào đời Hùng Vương thứ mấy) xưng là Việt Thường thị, hiến chim trĩ trắng. Chu Công nói “Chính lệnh không ban đến thì người quân tử không coi người ta là bề tôi của mình”, rồi sai làm xe chỉ nam đưa sứ giả về nước.

Cuối đời Hùng Vương vua có con gái gọi là Mị Nương người xinh đẹp - Thục Vương nghe tiếng tới cầu hôn - Vua muốn gả nhưng Hùng hầu can rằng: “Họ muốn chiếm nước ta, chỉ lấy việc hôn nhân làm cớ mà thôi”. Thục Vương vì chuyện ấy để bụng oán giận. Vua muốn tìm người xứng đáng để gả, bảo các bề tôi rằng: “Đứa con gái này là giống tiên, người nào có đủ tài đức mới cho làm rể”. Bấy giờ có hai người từ ngoài đến, lạy dưới sân để cầu hôn - Vua lấy làm lạ, hỏi thì họ thưa rằng một người là Sơn Tinh, một người là Thủy Tinh, đều ở trong cõi cả, nghe nhà vua có thánh nữ, đánh bạo đến xin lĩnh mệnh. Vua nói “Ta có một người con gái, lẽ nào lại được cả hai rể hiền”. Bèn hẹn đến ngày hôm sau ai mang đủ sính lễ đến trước thì gả cho người ấy. Hai người vâng lời lạy tạ ra về. Hôm sau Sơn Tinh đem các đồ châu báu vàng bạc, chim núi thú rừng đến dâng. Vua hẹn gả cho, Sơn Tinh đón vợ về ở ngọn cao trên núi Tản Viên...”.

9

NUỐC VĂN LANG

Thời đại Hùng Vương tồn tại khoảng hơn 2000 năm trước công nguyên (tính tới nay gọi là 4000 năm văn hiến). Chia làm hai thời kỳ.

+ Thời kỳ bộ lạc khoảng từ thế kỷ 10 trước công nguyên trở về trước, ứng với văn hoá Đồng Đậu - Phùng Nguyên.

+ Thời kỳ dựng nước Văn Lang khoảng từ thế kỷ 10 trước công nguyên đến giữa thế kỷ 3 trước công nguyên ứng với văn hoá Gò Mun - Đông Sơn.

Nước Văn Lang do 15 bộ lạc hợp thành là: Văn Lang, Giao Chỉ, Việt Thường, Vũ Ninh, Quân Ninh, Gia Ninh, Ninh Hải, Lục Hải, Thang Tuyên, Cửu Đức, Chu Diên, Tân Xương, Bình Văn, Kê Từ, Bắc Đái (Theo VSL).

Cương vực này tương đương Bắc Bộ và Trung Bộ ngày nay ⁽¹⁾ dân số nước Văn Lang khoảng 1 triệu người⁽²⁾.

(1) Các sách sử thời phong kiến nói cương vực nước Văn Lang đến tận hồ Động Đình thuộc tỉnh Hồ Nam Trung Quốc. Vấn đề này theo chúng tôi hiểu là: Cương vực ấy chính là địa bàn Bách Việt, tức là hàng trăm bộ lạc thuộc giống người Việt cư trú ở Việt Nam, Lào, Quảng Đông, Quảng Tây từ rất xa xưa. Khoảng đầu thiên niên kỷ 1 trước công nguyên, trăm bộ lạc này liên kết lại với nhau thành từng nhóm lập các quốc gia, trong đó có nước Văn Lang của Vua Hùng. Các sử gia phong kiến không phân biệt rõ ràng, đã đẩy cương vực nước Văn Lang sang tận hồ Động Đình. Hoặc giả các vị đó cài mật mã để sau này con cháu tìm hiểu về nguồn gốc Bách Việt cũng nên.

(2) Thế kỷ 1 chính quyền đô hộ Hán kiểm kê được 981.735 người. Con số này chắc chưa đầy đủ.

Mô hình xã hội:

- Đứng đầu đất nước là Vua Hùng thế lập cha truyền con nối.

- Giúp việc bên cạnh Vua có các quan Lạc hầu (gọi là Hồn).

- Lạc tướng là chức quan cai quản một bộ (tức bộ lạc cũ).

- Dưới Lạc tướng là chức Bồ chính đứng đầu các làng, bản.

- Dân gọi là Lạc dân - Lạc dân làm kinh tế gia đình, nộp tỷ lệ nhỏ sản phẩm cho Nhà nước. Nghề chính là cấy lúa nước kết hợp với chăn nuôi trâu bò, lợn, gà, đánh cá, săn bắn. Ngoài ra còn có các nghề thủ công như làm gốm, chế tác đồ đá, đan lát tre nứa, đan lưới, dệt vải, nấu đúc đồng, rèn sắt, đóng thuyền, sản xuất đồ gỗ, đồ mỹ nghệ v.v... Đã xuất hiện ở một bộ phận làm nghề buôn bán đổi chác.

- Có một tỷ lệ nhỏ nô tỳ (gọi là xảo, xứng, thần bộc, nữ lệ) phục vụ trong gia đình quý tộc. Ở nước ta không thiết lập chế độ chiếm hữu nô lệ, đại đa số dân trong nước là dân tự do tức Lạc dân. Quan hệ giữa Vua Hùng và Lạc dân rất gần gũi "cùng cày ruộng, cùng tắm sông cùng săn bắn, cùng xem hội" sử cũ gọi là "đời hồn nhiên" (Lĩnh Nam chích quái thế kỷ 15).

Đời sống vật chất:

- Ăn: Lương thực chủ yếu là gạo tẻ, gạo nếp nấu cơm; bữa ăn có thịt, cá, cua, lợn, ốc, ếch, rau, dưa,

cà, kiệu. Gia vị dùng hành, tỏi, gừng, riềng, nghệ, ớt và nhiều loại rau thơm. Đã biết làm nhiều loại bánh kẹo, quốc tục là bánh dày, bánh chưng. Rượu dùng cúng lễ, cưới xin, tiệc ngọt, đãi khách.

- Ở: Kiểu nhà sàn là chủ yếu. Cung điện lầu các của vua cũng làm theo lối gác sàn.

- Mặc: Vải còn hiếm. Ngày thường nữ mặc váy ngắn và yếm che ngực, nam đóng khố cởi trần. Ngày hội nữ mặc áo và váy dài, nam mặc áo và quần dài, đầu chít khăn cài lông chim, tay đeo vòng, cổ đeo hạt chuỗi, tai đeo hoa.

- Đời sống tinh thần:

Tín ngưỡng trời đất, núi sông, thần lúa, tổ tiên, linh hồn người qua đời và các vật thiêng khác.

Cư dân thích trang trí nhà cửa đồ dùng, thích đồ trang sức, rất yêu văn nghệ ca hát nhảy múa. Nhạc cụ có sáo, nhị, kèn, trống, chiêng, cồng, mõ, đàn bầu. Ca dao tục ngữ và chuyện kể đã phát triển.

- Về quốc phòng:

Lực lượng quân sự có quân thường trực và quân hương dưng (dân binh), vũ khí có gậy, tay thước, giáo, lao, nỏ, rìu chiến, dao găm. Hành quân đi bộ hoặc đi thuyền, các vị tướng cưỡi ngựa hoặc voi. Trường huấn luyện quân sĩ đặt ở Cẩm Đội (Thụy Văn).

- Về ngoại giao:

Phương lược ngoại giao của các Vua Hùng là mềm dẻo thân thiện và bảo vệ chủ quyền. Đời Chu Thành Vương, vua sai đem biểu con chim trĩ trắng,

vua Chu biểu lại cỗ xe chỉ Nam¹. Song đã cự tuyệt gay gắt và chuẩn bị đối phó khi Việt Vương Câu Tiễn muốn ép làm chư hầu.”

- Kinh đô Văn Lang:

Triều Hùng Vương đóng đô ở thành Văn Lang (nay là Việt Trì). Tập truyền rằng:

- Cung điện nhà vua dựng ở gò Làng Cả thôn Việt Trì (khu Mì Chính).

- Tháp Lọng (Kim Đúc) là nơi các Lạc Hầu ở.

- Cẩm Đội (Thụy Vân) đặt trường huấn luyện quân sĩ.

- Nông Trang là nơi đặt kho thóc của nhà vua.

- Chợ Lú là chợ mua bán lúa gạo.

- Đồng Lú Minh Nông là xứ đồng vua dạy dân cấy lúa nước.

- Gò Tiên Cát là nơi dựng lầu kén chồng cho công chúa Ngọc Hoa và xảy ra câu chuyện Sơn Tinh - Thủy Tinh.

- Xứ đồng Hương Trầm hoàng tử Lang Liêu trồng lúa nếp thơm, làm bánh dày, bánh chưng.

- Lầu Thượng, Lầu Hạ là khu lầu các vợ con vua ở.

- Thập Thình là tiếng tượng thanh nhắc lại làng đó đã có lần gĩa gạo mấy ngày đêm, dâng vua.

- Làng Khang Phụ, làng Cổ Tích có mộ của các vua.

. * Khoảng năm 1115 đến 1104 trước công nguyên. Có lẽ vào đời Hùng Vương thứ 7.

** Việc này vào cuối thời Hùng Vương.

10

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ CÁC NHÀ LÃNH ĐẠO VIỆT NAM THĂM ĐỀN HÙNG

| | |
|--|--|
| Chủ tịch Hồ Chí Minh | Ngày 19-9-1954 19-8-1962 |
| Tổng Bí thư Lê Duẩn: | Ngày 5-5-1977 |
| Chủ tịch Hội đồng Nhà nước: | Ngày 6-2-1959 |
| Trường Chinh: | 9-5-1971, 5-2-1978 |
| Chủ tịch HĐBT: | Ngày 6-2-1969 |
| Phạm Văn Đồng: | 27-8-1978 4-1995 |
| Đại tướng Võ Nguyên Giáp | Ngày... |
| Tổng Bí thư Đỗ Mười: | Ngày 27-4-1993 7-4-1995 14-4-2000 |
| Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam | Ngày 25-2-1994 |
| Lê Đức Anh | 13-4-2000 |
| Chủ tịch nước Trần Đức Lương | Ngày 18-6-1994 14-2-2000 |
| Thủ tướng Võ Văn Kiệt | Ngày 12-5-1996 16-4-2000 |
| Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu | Ngày 22-2-1998 3-2-2000 |
| Chủ tịch Quốc hội, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh | Ngày 16-2-1998 14-4-2000 16-12-2001 24-4-2007 |



Ngày 19-9-1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Đền Hùng, nói chuyện với cán bộ Đại đoàn quân Tiên Phong.

Thủ tướng Phan Văn Khải

Ngày 1-3-1999

24-4-2002

Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phú Trọng Ngày 20-2-2007

Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Nguyễn Minh Triết

Ngày...

Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng

Ngày...

*

* *

“... Sau cuộc hành quân đầy phấn hứng từ Việt Bắc xuôi về tập kết ở vùng ngoại vi Thủ đô Hà Nội, toàn Đại đoàn vừa tấp nập bắt tay vào công tác chuẩn bị tiếp quản, thì một số cán bộ từ đại đội trở lên được triệu tập đi họp gấp...”

Vừa xuống xe các cán bộ đã nhìn thấy đồng chí Đại đoàn trưởng tươi cười đứng đón và nhanh nhẹn dẫn anh em lên núi.

Trèo được hơn trăm bậc gạch chữ chi, mọi người nhìn lên hành lang đèn giữa, bỗng thoáng thấy một cụ già quốc thước đang vui vẻ vẫy gọi:

- Các chú đến đây à? Nhanh lên chứ !

- Bác, Bác, đúng Bác rồi !

... Theo hiệu của Bác, mọi cán bộ đều nhất loạt ngồi cả xuống bậc thềm xúm quanh lấy Bác.

Mở đầu câu chuyện, Bác chỉ tay lên Đền thân mật hỏi:

- Các chú có biết đây là nơi nào không? Đây chính là đền thờ Vua Hùng, tổ tiên của chúng ta, Bác cháu ta gặp nhau ở đây tuy tình cờ nhưng lại rất có ý nghĩa, ngày xưa các Vua Hùng dựng nước, nay Bác cháu ta là những người giành lại đất nước. Trải qua bao nhiêu thời đại đấu tranh, ông cha ta mới giữ được thủ đô.

Tám chín năm nay do quân dân ta kiên quyết kháng chiến mới có thắng lợi trở về Hà Nội. Vì thế các chú được Trung ương và Chính phủ giao cho nhiệm vụ tiếp quản thủ đô là được nhận một vinh dự rất lớn...⁽¹⁾.

*
* * *

“... Cách đây hai năm, tôi đã cùng đồng bào từ khắp mọi miền đất nước tụ hội nơi đây, làm lễ dâng hương tưởng nhớ các Vua Hùng. Hôm nay, trong không khí cả nước tung bừng kỷ niệm những ngày lịch sử trọng đại của dân tộc, trong đó có ngày Giỗ Tổ Hùng Vương, tôi rất vui mừng được trở lại Đền Hùng. Mỗi chúng ta ai nấy đều xúc động tự hào khi đặt chân lên Đất Tổ, về với cội nguồn thắm đượm hồn thiêng sông núi, tưởng nghe tiếng vọng của ngàn xưa, như thấy hình ảnh Tổ tiên Lạc Hồng vẫn đang hiển hiện, đứng như câu đối ở Đền Hùng:

Lăng tẩm tự năm nào, núi Tản, sông Đà, non nước vẫn quay về Đất Tổ.

Văn minh đương buổi mới, con Hồng, cháu Lạc, giống nòi còn biết nhớ Mô ông.

Sự nghiệp đấu tranh dựng nước và giữ nước của Tổ tiên, cha ông qua hàng ngàn năm lịch sử đã hun đúc

(1) Trích “Đại đoàn quân Tiên Phong”. Phóng sự tường thuật sự kiện ngày 19-9-1954.

Theo mô tả, thi câu nói được tóm tắt lại “Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước” Chủ tịch Hồ Chí Minh nói tại Đền Hạ. Cây vạ tuế trước Chùa bên cạnh Đền Hạ được xác định là chỗ cụ ngồi.

nên tâm hồn, bản lĩnh và năng lực sáng tạo của dân tộc Việt Nam. Các thế hệ ngày nay rất sung sướng được kế thừa truyền thống đó, nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, ý chí tự lực, tự cường, nỗ lực vượt qua khó khăn, thử thách, quyết vươn tới giành những thành tựu to lớn về mọi mặt... Nắm bắt vận hội, tận dụng thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, quyết tâm đưa đất nước thoát khỏi lạc hậu nghèo nàn, làm cho dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh, biến lý tưởng mục tiêu cao cả của chủ nghĩa xã hội thành hiện thực trên đất nước Việt Nam yêu quý mà các Vua Hùng đã có công gây dựng...”(1).

11

CHÁU CHÁT Ở XA HƯƠNG VỀ MỘ TỔ

Ghi số vàng:

“Đây là lần đầu tiên đoàn cán bộ tỉnh Long Châu Tiển được đến Đền Hùng kính viếng tổ tiên và chiêm ngưỡng thắng cảnh nơi đây, rất mong rồi đây lần lượt đồng bào đồng chí miền Nam đều được về thăm đất cội nguồn”.

Ngày 6-8-1975

Đoàn cán bộ tỉnh Long Châu Tiển

(1) Trích bài phát biểu của Tổng Bí thư Đỗ Mười tại Lễ Giỗ Tổ 8-3 Ất Hợi (1995).

“Được về Vĩnh Phú kính viếng các Vua Hùng. Chúng tôi hết sức xúc động vui mừng, biết ơn tổ tiên đã có công dựng nước và giữ nước. Tưởng nhớ các Vua Hùng, chúng tôi về Nam nguyện làm đúng lời Bác Hồ dạy “Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước...””.

9-1975

Đoàn cán bộ tỉnh Bến Tre

“Chim tìm tổ, người tìm tông, Việt kiều ở Pháp chúng tôi sau nhiều năm xa cách Tổ quốc nhưng vẫn luôn hướng về đất nước thân yêu. Chúng tôi đến Đền Hùng là tìm về cội nguồn dân tộc”.

Đoàn Việt kiều ở Pháp về thăm Tổ quốc năm 1976



Công trình văn hóa Đền Mẫu Âu Cơ trên núi Văn

“Đến viếng Đền Hùng, chúng tôi như giọt máu trên đường trở về tim”.

Vũ Ngọc Sơn Việt kiều ở Mỹ

“Trước khi là người tôn giáo tôi là người Việt Nam. Đã là người Việt Nam thì phải có tổ tiên...”

16-11-1984

Phan Khắc Thứ - Linh mục

- V.v...

Cung tiến:

- Năm 1981, bà Nguyễn Thị Mịch ở Ba Vì Hà Tây:
20.000 đ,00

- Bà Nguyễn Thị Truyền, Việt kiều ở Mỹ: Một bộ trống lớn.

- Ông Vũ Tiến Thanh, Việt kiều ở Nhật: 300 đô la.

- Ông Nguyễn Xuân Hội, Việt kiều ở Pháp:
100.000 đ,00

- Ông Lê Văn Bắc, Việt kiều ở Canada:
1.000.000 đ,00

- Tỉnh Đồng Nai: 2 lọ lục bình bằng sứ quý đắp nổi hình Thánh Gióng và Bác Hồ ngồi nói chuyện ở Đền Hùng, 2 chậu mai chiếu thủy, nhiều voi, nghê và chậu hoa bằng sứ đẹp.

- Tỉnh Tiền Giang: Tủ thờ cỡ lớn bằng gỗ cẩm lai khảm xà cừ ngồi Đền Thượng và lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, 4 cảnh khảm trang trí mô-típ trống đồng.

- Giới phụ lão và nhân sĩ thành phố Hồ Chí Minh: 2 cây sáp rồng vàng và 19 cây hương lớn.
- Tỉnh Bến Tre: Bộ đỉnh và cây nến đồng.
- Sở Văn hóa thông tin Quảng Nam Đà Nẵng: 2 nôi hương đá màu Ngũ Hành Sơn.
- Thành phố Hà Nội: 10.000.000 đ,00
- Tỉnh An Giang: 10.000.000 đ,00
- Hợp tác xã thủ công Thành Trung 200.000 đ.00
- V.v...

12

KHÁCH QUỐC TẾ ĐỐI VỚI ĐỀN HÙNG

“Đền Hùng Vương là một di tích vô giá của nhân dân Việt Nam. Chúng tôi coi đây - Đền Hùng - là biểu tượng của tổ tiên dân tộc Việt Nam, một dân tộc đã có truyền thống dựng nước và giữ nước hàng nghìn năm”.

Đoàn cán bộ BTBT Campuchia

“Đền Hùng là nơi đặt nền móng đầu tiên của lịch sử Việt Nam...”.

M.Giơri-gô-rốp

Phó Chủ tịch HDBT Bun-ga-ri

“... Hôm nay tôi đã có niềm vui may mắn được đi theo những dấu vết của các Vua Hùng”.

C.W Oanta - giáo sư đại học Conen (Mỹ)

“... Ấn tượng to lớn gây cho chúng tôi chứng cứ của lịch sử ngàn năm của Việt Nam”.

Đại sứ vương quốc Thụy Điển

“... Đây là nơi chúng tôi đã gặp gỡ lịch sử Việt Nam và các truyền thống tuyệt vời...”.

Tiến sĩ F. Rāngtiscisita

Viện Hàn lâm khoa học Tiệp Khắc.

“... Tôi được đến đây thăm một di tích đặc biệt có ý nghĩa. Di tích cổ xưa của dân tộc Việt Nam anh hùng. Tôi rất lấy làm hài lòng vì di tích lịch sử này đã được bảo vệ một cách chu đáo...”.

Giáo sư tiến sĩ Bôrixcôpxki

(Liên Xô)

“Chúng tôi đến thăm viếng Đền Hùng với tình cảm sâu sắc. Đền Hùng nơi có lịch sử 4000 năm...”.

Kim Sang Ghun - Đại sứ CHDCND Triều Tiên

- V.v...

Tứ thiên niên tiên diệu quốc cơ

Địa linh nhân kiệt khởi Hùng kỳ

**Thế đại truyền lai tôn hoàng vận
Văn minh tiềm phát Phú Thọ nghi ⁽¹⁾**

Dịch nghĩa

Bốn ngàn năm trước đã rực sáng cơ đồ của nước nhà

Vùng đất thiêng với những người tài trí lớn đã dựng lên thời Hùng Vương.

Qua các đời truyền lại, đến nay vận hội càng thêm tốt đẹp.

Nên văn minh tiềm ẩn càng nảy nở tiến lên, là từ đất Phú Thọ vậy.

**13
BIỂN HOÀNH CÂU ĐỐI Ở ĐỀN HÙNG**

LĂNG:

陵王雄
Hùng Vương lăng :

Dịch: Lăng Vua Hùng

正表
Biểu Chính

(1) Bài thơ này nhà thơ Long Tế Quang (Trung Quốc) làm tại Côn Minh, trao cho Đoàn lão thành cách mạng tỉnh Phú Thọ trong dịp sang thăm Trung Quốc năm 2002. (Tài liệu của ông Phạm Dự - nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phú).

Dịch: Lãng Chính

1. 雲閣動瀛龍涉漾
月皎頻表鶴歸仙

Vân ám Động Đình Long chắc dạng
Nguyệt khuê Linh Biểu Hạc qui tiên

Dịch: Mây phủ Động Đình Rồng xuất thế
Trăng soi Nghĩa Linh Hạc bay về

2. 帝裔皇皇配天共澤帝而祖
恩德蔚蔚得地之靈山亦雄

Duyệt duệ hoàng hoàng phối thiên kỳ trạch đế
nhị tổ.

Thông thông uất uất đắc địa chi linh sơn
diệp hùng.

Dịch: Đẹp đẹp tươi tươi sánh ơn lớn của trời, Vua còn
là Tổ.

Xanh xanh, tốt tốt được khí thiêng của đất, núi
cũng rất hùng.

3. 維祖國精神光八傳根本地
考輿圖名勝紀千古載帝王陵

Duy Tổ quốc tinh thần, nhất thập bát truyền căn
bản địa.

Khảo dư đồ danh thắng, kỷ thiên cổ tải đế
vương lăng.

Dịch: Vì tinh thần Tổ quốc, qua mười tám đời truyền
đất này là căn bản.

Khảo danh thắng nước nhà, sau mấy nghìn năm
lẻ nơi đây còn lãng vua.

Lãng tâm tự năm nào, núi Tản sông Đà non nước
vẫn quay về Đất Tổ.

Văn minh đương buổi mới, con Hồng cháu Lạc
giống nòi còn biết nhớ Mồ ông (Nôm).

ĐỀN THƯỢNG:

南越肇祖

Nam Việt triệu tổ

Dịch: Tổ muôn đời của nước Việt Nam.

肇基王迹

Triệu Cơ vương tích

Dịch: Vết tích vua trên nền đầu tiên

春初生民

Quyển sơ sinh dân

Dịch: Dân buổi ban đầu

南國山河

Nam quốc sơn hà

Dịch : Sông núi nước Nam

子孫保之

Tử tôn bảo chi

Dịch: Con cháu phải giữ gìn lấy

1. 神聖歆楚邦至今地不改
關民不改聚
烹烹奉清廟是謂木之有
本水之有源

Thần thánh khải viêm bang chí kim, địa bất cải
tịch dân bất cải tụ.

Huân lao phụng thánh miếu thị vị, mộc chi hữu
bản thủy chi hữu nguyên.

Dịch: Thần thánh mở cơ đồ, đến nay đất vẫn thế dân
vẫn thế.

Công huân thờ đền miếu, đó là cây có gốc nước
có nguồn.

2. 鴻貉故基存壘嶂層巒
群水合
帝王靈氣在號風旋雨
一峰高

Hồng lạc cố cơ tồn điệp chương tầng loan quần
thủy hợp.

Đế Vương linh khí tại, hào phong nộ vũ nhất
sơn cao.

Dịch: Cung cũ Hồng Lạc còn đây, trùng điệp núi đôi,
nhiều dòng sông hợp lại.

Khí thiêng Đế vương vẫn đó, hét gào mưa gió
một ngọn núi đứng cao.

3. 此地此山中國紀
吾王吾祖北宸尊

Thử địa thử sơn Nam quốc kỷ
Ngô vương ngô tổ Bắc thần tôn

Dịch: Đất này núi này bờ cõi nước Nam
Vua ta, tổ ta, phương Bắc nể vì.

4. 蕙蕙蔚蔚中有陵焉寢焉龍父
仙母之精靈 啟佑後人罔缺
古古今今見此山也永世聖祖
神尊之創造於嘻前人不忘

Thông Thông uất uất, trung hữu lăng yên tẩm
yên, long phục tiên mẫu chi tinh linh, khả hữu
hậu nhân vãng khuyết.

Cổ cổ kim kim, thử sơn dã thủy, dã thánh tổ
thần tông chi sáng tạo, y hi tiên vương bất vong.

Dịch: Trong cây cỏ tốt xanh vẫn có miếu có lăng,
hồn thiêng cha mẹ Rồng Tiên phù hộ đời sau
không thiếu sót.

Suốt thời gian dài dặc thấy kia sông kia núi,
công đức tổ tiên thần thánh, nhớ ơn Vua nước
chẳng hề quên.

5. 過故國盼瀟湘依然碧浪
紅濤襟帶雙流迴白鶴
登新亭拜陵寢猶是神州赤縣
山河四面控朱鷺

Quá cố quốc, miền Lô Thao, y nhiên bích lãng
hồng đào, khâm đài song lưu hồi Bạch Hạc.

Đăng tư đình, bãi lãng tắm, do thị thần châu xích
huyện, sơn hà tứ diện khổng Chu Diên.

Dịch: Qua nước cũ, ngắm Lô Thao, vẫn hồng đào
bích lãng như xưa, sông hai dải bao quanh châu
Bạch Hạc.

Lên đền này, vái lãng tắm, kia xích huyện thân
châu còn đó, núi bốn bên quay lại giữ
Chu Diên.

6. Khải ngā Nam giao Hồng Lạc thiên thu tôn
đế quốc

Hiển vu Tây thổ Tấn Lô nhất đài thọ tân từ

Dịch : Hồng Lạc mở Nam giao, ngàn năm tôn làm
vua của nước.

Hiển linh miền Tây Thổ, ngôi miếu nằm giữa
giải núi Tấn sông Lô

7. Thiên thư định phận chính thống triệu minh
đô Bách Việt sơn hà tri hữu Tổ.

Quang nhạc hiệp linh cố cung thành tụy miếu
tam giang khâm đài thượng triều môn.

Dịch : Sách Trời định phận, mở kinh đô chính thống
của tổ tiên Bách Việt.

Núi tỏa sáng linh thiêng, cung điện cũ lập thành
miếu ba sông châu về.

8. Con cháu còn, tôn tổ vẫn còn, nòi giống nhà
ta sinh sản mãi.

- Nắng mưa thế, miếu lăng vẫn thế, non sông đất nước vững bền lâu.

(Chữ nôm)

9. Con cháu ba kỳ thăm mộ Tổ

Non sông muôn thuở rạng non Tiên

(Quốc ngữ)

ĐỀN TRUNG

肇祖南邦

Triệu Tổ Nam bang

Dịch: Tổ muôn đời của nước Nam

雄王祖廟

Hùng Vương tổ miếu

Dịch: Miếu thờ tổ Hùng Vương

雄王靈迹

Hùng Vương linh tích

Dịch: Vết tích linh thiêng của Vua Hùng

Vấn lai dĩ sự tu vi sử

Tế nhận như đồ dục mệnh thi

Dịch: Hỏi lại việc xưa nên chép sử

Ngắm xem phong cảnh muốn đề thơ.

(Câu đối của chúa Trịnh Sâm).

ĐỀN GIẾNG

山水金玉

Sơn thủy kim ngọc

Dịch: Núi sông quý báu như vàng ngọc

飲河思源

Âm hà tư nguyên

Dịch: Uống nước nhớ nguồn

1. 皇家衍出龍仙派
帝闕端門竈姝花

Hoàng gia diên xuất long tiên phái

Đế quyết đoan môn tử muội hoa

Dịch: Dòng dõi Rồng Tiên nơi quý phái

Nhánh hoa em chị của nhà vua

2. 雄朝陵寢皇都在
南國神仙帝女家

Hùng triều lăng tẩm hoàng đô tại

Nam quốc thần tiên đế nữ tông

Dịch: Triều Hùng lăng tẩm kinh đô tại đây

Nước Việt có các vị tiên nữ là con gái Vua.

3. Hoàng gia tử muội, nữ sử độc khai thiên, giai
Triệu Âu, Trưng Vương, thần tiên hợp truyện.

Đế tử lâu dài, Hùng phong cao đối chữ, dữ Tản
Viên Dạ Trạch hương hỏa vĩnh niên.

Dịch: Chị em chỗ Hoàng gia mở ra nữ sử đầu tiên
cùng bà Triệu bà Trưng thần thiên một truyện.
Lâu dài nơi đế tử, nhìn núi Hùng cao ngất với
Tản Viên Dạ Trạch, hương lửa nghìn thu.

4. 十八傳為君為王重出
仙娥維末造
五十子歸山歸海別鍾
神女紹英風

Thập bát truyền vì quân vì vương, trùng xuất tiên
nga duy mạt tạo.

Ngũ thập tử quy sơn quy hải, biệt trung thân nữ
thiệu anh phong.

Dịch: Mười tám đời truyền làm quân làm vương, hai
vị tiên nga cuối dòng họ.

Năm mươi con lên núi xuống biển, một nàng
thần nữ nối ngôi cha.

5. 井用汲其福並受
山不高有仙則名

Tỉnh dụng cấp kỳ phúc tịnh thụ

Sơn bất cao hữu tiên tắc danh

Dịch: Giếng ấy mức cùng uống vì là nguồn phúc

Núi tuy thấp nhưng nổi danh vì có tiên.

6. 字典歷蜀趙丁幸陳榮興
徵朝 = 女王名千古
仙界合老臣父子夫女孀繼祖
圖百男錄具傳奇

Tự điển lịch Thục Triệu Đinh Lý Trần Lê dữ Trưng
triều nhị nữ vương danh thiên cổ

Tiên giới hợp quần thần phụ tử phu phụ kế Tổ
quốc bách nam lục cụ truyền kỳ.

Dịch: *Điển lễ trải các triều Thục, Triệu, Đinh, Lý,
Trần, Lê cùng hai Trưng nữ vương lưu danh
thiên cổ.*

*Chép rõ trong truyền kỳ đất nước trăm trai, kế
vua tôi, vợ chồng cha con hội quân tiên.*

7. 神種朝仙龍合注濔心
施德水
故部屬鴻務重報廟貌
壽名山

Thần chủng triều Tiên Long hợp chú bà tâm thi
đức thủy

Cố đô thuộc Hồng Lạc trùng tân miếu mạo thọ
danh sơn.

Dịch: *Giống Tiên Rồng thần thánh, lòng nhân từ
đức thủy*

*Cố đô thời Hồng Lạc, sửa sang miếu mạo vững
danh sơn.*

8. 鴻務出英姿一故神甲故化
仙龍鍾秀氣山則名水則靈

Hồng Lạc xuất anh tư nhất cố thần lương cố hóa.

Tiên Long chung tú khí sơn tắc danh thủy tắc linh.

Dịch: *Hồng Lạc lộ tinh anh, gốc thần thánh biến hóa*

Rồng Tiên họp tú khí, núi thì đẹp sông thì
thiêng.

CỔNG ĐỀN CHÍNH

高山景行

Cao sơn cảnh hành

Dịch: Núi cao đường lớn

拓始開基四顧山河
歸版籍
登高望遠群峰羅列似
兒孫

Thác thủy khai cơ tứ cố sơn hà quy bản tịch

Đăng cao vọng viễn quần phong la liệt tự nhi tôn

Dịch: Mở lối đắp nền bốn mặt non sông quy một mối

Lên cao nhìn rộng nghìn trùng đôi núi tựa
đàn con

登者休遊思萬古江山
締造始
佳哉猶旺氣千年城
郭野庵開

Đăng giả hệ hà tứ, vạn cổ giang sơn đế tạo thủy

Giai tai do vượng khí thiên niên thành quách úy
thông gian.

Dịch: Lên đây nhớ về cội, vạn cổ giang sơn chốn này
vua tạo dựng

*Đẹp thay nhờ vương khí, nghìn năm thành
quách cỏ cây tốt tươi.*

CỔNG ĐỀN GIẾNG

中山山室

Trung sơn triệt thất

Dịch: Nhà cỏ trong núi

傘山地近岩光接
夜澤雲高月影停

Tản Viên địa cận nham quang tiếp

Dạ Trạch vân cao nguyệt ảnh đình

Dịch: Núi Tản Viên chót vót gần kề hào khí tỏa đến

Đêm trăng hình ảnh đầm Dạ Trạch in trên
mây cao

月殿降雙娥桂影端
瓏峯母井
石屏依半嶺松濤翻
大王祠

Nguyệt điện giáng song nga quế ảnh đoan lung
vân mẫu tỉnh

Thạch bình y bán lĩnh tùng đào thanh động Đại
Vương từ

Dịch: Từ cung trăng bay xuống hai nàng tiên, bóng
quế mây lồng soi giếng ngọc

Đá như bình phong lung núi, thông reo vang
vọng miếu Đại Vương.

14

THƠ VỀ ĐỀN HÙNG

(Chọn lọc)

Vua LÊ HIỂN TÔNG (1740 - 1786)

Quốc tịch Văn Lang cổ
Vương thư Việt sử tiền
Hiển thừa thập bát đại
Hình thắng nhất tam xuyên
Cự trưng cao phong bán
Sùng từ tuần lĩnh biên
Phương dân ngưng trắc giáng
Hương hỏa đảo kim truyền

Dịch:

*Nước mở Văn Lang xưa
Dòng vua đầu viết sử
Mười tám đời nối nhau
Ba sông đẹp như vẽ
Mộ cũ ở lưng đồi
Đền thờ trên sườn núi
Muôn dân đến phụng thờ
Khói hương còn mãi mãi*

NGUYỄN QUANG BÍCH (1832 - 1890)

THU NGUYỆT ĐĂNG HÙNG VƯƠNG SƠN TỬ

Thiên khai địa tịch triệu Thần Châu
Toàn bức giang sơn nhập tổ thu
Khê thủy khúc tùy nham kính thứ
Yên vân phi quá lĩnh đầu thu
Đài xâm cổ miếu sương tiền lục
Thu đới tà dương vũ hậu u
Chiêm bái hữu hoài ngưng vông diểu
Tản Viên nam tử Hạc đông lưu

Dịch:

MÙA THU LÊN THĂM ĐỀN HÙNG

*Đất trời thuở trước dựng Thần Châu
Một dải non sông đẹp cảnh thu
Đỉnh núi lững lờ mây nhẹ lướt
Sườn non róc rách suối quanh co
Rêu phong miếu cũ sương sa đượm
Cổ thụ mưa chiều cảnh tịch u
Chiêm bái lòng thành xa ngắm cảnh
Tản Viên, sông Hạc vọng về châu.*

DƯƠNG TỰ NHU

Miền tây cao ngất núi Vua Hùng
Đất ấy xưa là đất Lạc Long
Mười tám đời vua gây mãi giống
Bốn nghìn năm cháu chửa quên ông

Xây lăng sửa miếu khen ai khéo
Ăn quả trèo cây nhớ kẻ trồng
Đất Tổ dấu thơm còn để đó
Làm bia ghi tạc với non sông

1918

TRẦN TỰ TÌNH

Đế Tổ nhà ta tích ở đây
Trăm con truyện cũ nói xưa nay
Bốn ngàn năm lễ cơ ngơi ấy
Hăm bảy triệu dư cháu chắt này
Lăng miếu ba ngôi lên chót vót
Lô - Thao đôi nước chảy sum vầy
Mồng mười quốc tế xuân già dặn
Ăn quả ai mà chẳng nhớ cây.

1920

T.T.T

DIỄN HỌC ĐẦU

HÙNG VƯƠNG

Đã công cả mở mang trời đất
Lại ân sâu chứa chất giống nòi
Non cao sông rộng đời đời
Cháu con đội đức, tôi đòi thấm ân
Hai năm triệu quốc dân thân ái
Bốn nghìn năm tộc loại vững bền
Dấu chia Nam Bắc đôi bên
Vẫn cùng một giống con Tiên cháu Rồng

LÊ NHƯ HOÁN

HỘI ĐẾN HÙNG

Xem sự tích trong Nam quốc sử
Họ Thần Nông thứ tử phân phong
Kinh Dương rồi đến Lạc Long
Trăm trai một bọc cha Rồng mẹ Tiên
Niềm hiếu nghĩa kính xin lời dạy
Theo hai thân đi trấn sơn hà
Vua đầu thánh tổ nước ta
Đời truyền mười tám gọi là Hùng Vương
Hai nghìn lẻ năm trường vẫn thịnh
Ngôi đế vương đồ định Phong Châu
Bốn nghìn năm lẻ về sau
Miếu lăng ở hạt Lâm Thao núi Hùng
Xem địa thế trùng trùng long hổ
Tả Đảo sơn mà hữu Tản Viên
Lô Đà hai nước hai bên
Giữa sông Thao thủy, dòng trên nhị hà
Trên núi ấy chia ba tầng cấp
Trên hai đền dưới thắp một chùa
Dưới đền có giếng thanh u
Cỏ cây man mác, bốn mùa trong xanh
Nào những bậc hào anh tuấn tú
Ấy cũng nhờ Đất Tổ sinh ra
Hơn hai mươi triệu dân ta
Uống sông nên nghĩ dòng xa nguồn nhiều.

HỌC TRÒ TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG LÂM

Trời đặt phần non nước
Trúng Rỗng lại nở ra
Bao năm nòi giống cũ
Mấy triệu họ hàng nhà
Quốc Tổ là đây nhĩ
Hùng sơn vẫn đây mà
Ruộng triều chăm nhật cỏ
Ta giữ nghiệp nhà ta.

1925

BÚT TRE

ĐỀN HÙNG

Vùng đôi bát ngát Lâm Thao
Non chi biêng biếc in vào trời xanh
Tường vôi trắng, nắng vàng hanh
Phải chăng thủy mặc treo tranh giữa đôi
Đền Hùng công dựng tuyệt vời
Ba tầng núi nối Đất - Trời - Người - Cây
Ngàn năm cổ tích là đây
Nhấp nhô gò phục đồi quây núi Hùng
Lên cao bao khắp sông Hồng
Sông Lô tầm mắt vọng trông sông Đà
Đêm nhìn bốn phía trời xa
Sao rơi trời thắm sao sa khắp đồi
Việt Trì thành phố tinh khôi
Lâm Thao nhà máy xếp ngói đồi hoang
Đỉnh quê hương núi non Hùng
Miếu lăng đền tạ trập trùng bên trên
Đền Hùng chung bóng tỏ tiên
Dài lâu đất nước vững bền niềm tin...

1962

BÀNG SĨ NGUYÊN

Dùng chân thăm mộ Tổ
Tường đá ong mưa xói cảnh hoang sơ
Nơi trứng nở ra người tiên sử
Ấp trong cánh vàng mẹ xưa Âu Cơ
Chia đôi con lên rừng xuống biển
Mở nước ta trăm họ trăm nhà
Hình voi đắp lên hàng gạch lở
Tưởng thấy bóng bầy voi cây võ
Cánh tay gà gieo hạt đất hồng hoang
Giếng ngọc chiếu gương tròn
Sau buổi chăm đồng chúa ngời chải tóc
Khi nắng chiều rục cháy ở đầu non
Ngôi gọi voi về vua thổi ốc
Tiếng chuông đồng vương cảnh thông nhỏ giọt
Đĩa trăng vàng lấp ló cửa đền xưa...

LẠC DÂN (T.G)

TAN CHẦU

Cổng đền rục rờ ánh thiên quang
Thấp thoáng xe Vua lọng tán vàng
Ngựa đợi Lạc hầu đang gõ móng
Vùng đông sắp rạng buổi chầu tan
Trải mấy ngàn năm Vua vẫn làm
Lạc hầu Lạc tướng vẫn họp bàn
Trong cõi u linh mà sống động
Lo mãi cho đời cho cháu con.

1980

VĂN LANG THÀNH CỔ (Đường luật)

Văn Lang thành cổ vẫn còn đây
Lầu Thượng huy hoàng cánh Lạc bay
Vua họp quần thần trên Nghĩa Lĩnh
Hy Cương xe ngựa ngợp trời mây
Núi sông kim cổ vàng son thế
Bách Việt ngàn xưa dấu tích này
Lúa nước vẫn minh từ thuở ấy
Bát cơm vua để lại ơn đây.

2004

L.D

HỌ HỒNG BÀNG (Đường luật)

Trăm trứng trăm con sinh một nhà
Nửa đi theo mẹ nửa theo cha
Về xuôi lên ngược không quên gốc
Bách Việt hồng hoàng thuở ấy mà
Nghĩa Lĩnh còn ghi sự tích này
Tiên Rồng gặp gỡ lại chia tay
Lẩn trong huyền thoại là pho sử
Tâm thức ông cha trác việt thay.

2006

L.D

15

TRÍCH VĂN BẢN CỔ VỀ ĐỀN HÙNG LỆNH CHỈ CỦA CHÚA TRỊNH KHẢI

Do xã Hy Cương nguyên là dân Trưởng tạo lệ đồng trà phụng sự vị Đột Ngột Cao Sơn và 18 vị thánh vương họ Hùng nước Việt Cổ; đã sửa chữa Đền Thượng, Đền Trung, Đền Hạ cho đến Chùa trên núi, tiền hậu chính đường, các cửa nghi môn, đều kiểm tra thực thấy tiện dụng.

Phần phạt binh, thuế hộ, thuế tô dung điệu, các thuế phát sinh chuẩn thành tiền, cùng việc bồi đắp dựng lập đường xá nối kết các đình trong năm, các vật tế thờ cho đến các vật mua sắm luân dịch và sửa sai các dịch đều được miễn trừ.

Hễ trong đền nếu có hư hỏng cho sửa chữa lại theo khuôn mẫu cũ, để tiện thờ cúng giúp mạch nước thọ lâu.

Dân xã thi hành công việc, còn các nha môn tuân hành phụng sự - Nếu ai vi phạm sẽ xử theo quốc pháp hiện hành.

*Ngày 23 tháng 2 niên hiệu Cảnh Hưng thứ 46
Nguyên soái Tổng quốc chính Đoàn Nam Vương.*

SẮC CHỈ CỦA VUA QUANG TRUNG

Nay Trẫm vâng mệnh trời giữ việc giáo hóa. Xét theo điển cũ thờ tự, chuẩn cho xã Hy Cương được làm dân hộ nhi, ban xuống cho hợp hành ân điển, theo cũ làm trưởng tạo lệ - Do xã này là đô ấp sở tại của họ Việt Thường thời cổ, trước vốn là dân trưởng tạo lệ hộ nhi. Trung Nghĩa hương nối đời đèn nhang phụng thờ Hùng Vương sơn thánh tổ Nam thiên đại báo tiền hoàng đế khởi dựng cơ đồ thủy tổ của Nam Việt. Đại thánh Đột Ngột Cao Sơn cùng 18 vị thánh vương họ Hùng nước Việt cổ nổi truyền danh hiệu trải hơn 2650 năm, mạch thọ trường tồn hưởng nguồn từ đó.

Còn cung điện Đền Thượng, Đền Trung, Đền Hạ cho đến chùa miếu, giếng đền, rồi đến hậu thượng đường, các cổng nghi môn, các vật kiệu nghi vệ tế khí, kiệu rồng, tàn, biểu, cờ, trống giữ nguyên như cũ. Phàm binh phạm, hộ phạm, tiền gạo tô



Bia Điện lệ Giỗ Tổ

dung, thuế điền thuế cửa đình, các khoản thuế lệ tự đên phát sinh, cùng vật tế thờ chuẩn giao cho viên giám tri điện được kê lập để cùng dân xã Hy Cương này thu nhận, chiếu theo công việc mà tế tự... Sinh thời, kỳ thời cùng ngày nhập kị hàng năm cho mở hội lệ xướng ca, múa rối, kéo co. Ngày sóc vọng tứ thời bát tiết lo sửa lễ vật tế theo nghi thức. Còn việc tu sửa cung miếu điện vũ phải chăm lo cẩn thận, cốt tiện phụng sự khiến mạch nước dài lâu sông núi trường tồn...

Ngày 16 tháng 2 niên hiệu Quang Trung thứ hai

NHÀ NGUYỄN ĐỊNH LỄ GIỖ TỔ

Bộ lễ chuẩn nghị hàng năm cứ đến ngày mùng 10 tháng 3, Nhà nước định nhật kỳ ngày quốc tế về tu lễ theo tục lệ của dân sở tại. Tu lễ tại Công Quán, làm lễ cúng tế tại Đền Thượng vào giờ tỵ.

Lễ vật là tam sinh (trâu, dê, lợn) do ông phủ đường quan Thượng thư sắp lễ tại xã - Quan tỉnh duyệt lễ trước ngày mùng 9 tháng 3.

Tiền sấm lễ mỗi năm Nhà nước cấp 100 đồng bạc, còn lại Hội đồng trích từ tiền hoa lợi ruộng tại phủ Lâm Thao 25 mẫu 8 sào 22 tấc 4 thước, làm lễ cúng tại Đền.

Hùng miếu điển lệ bia Khải Định năm thứ 8.

16

LỄ HỘI ĐỀN HÙNG THỜI PHONG KIẾN

Lễ hội là một hình thức tín ngưỡng và sinh hoạt văn hóa dân gian của một cộng đồng người có cuộc sống định cư bền vững.

Khác hẳn với lễ hội của làng xã chỉ tiến hành với dân cư trong làng xã, lễ hội Đền Hùng được tiến hành với sự tham gia của nhân dân cả nước. Nhưng về chủ thể việc cúng giỗ Vua Hùng do 3 cấp tiến hành: của Nhà nước phong kiến, của các làng xã sở tại và của từng người. Nhà nước phong kiến tiến hành tế lễ (quốc tế)



Giỗ Tổ Hùng Vương năm 1905

vào ngày 10-3 âm lịch là ngày giỗ Vua Hùng thứ nhất (Kinh Dương Vương). Lệ này cứ 5 năm một lần vào năm chẵn (ví dụ 1920 - 1925) gọi là hội chính. Năm ấy, ngay từ tháng giêng, người ta đã treo lá cờ thần trên đỉnh núi Nỏ báo cho đồng bào xa gần biết. Phẩm vật tế lễ do dân Trung Nghĩa (Hy Cương) phải lo, gọi là dân Trường tạo lệ. Vì là dân sở tại nên triều đình giao cho nhiệm vụ trông nom đền miếu và phục vụ ngày giỗ Tổ. Bù lại, Nhà nước miễn cho khoản sưu thuế phu phen. Ngoài ra còn được cấp thêm chi phí lấy từ thuế điền thổ của hạt Sơn Hưng Tuyên. Sau khi đã tiến hành quốc tế thì đến lượt các làng xã xung quanh Đền Hùng tế lễ. Đó là những nơi thờ Vua Hùng và vợ con của các vua. Chính các cuộc hành lễ của làng xã mới tạo nên sự xúc động tâm linh mạnh mẽ hướng về cội nguồn. Có khoảng trên 40 làng rước kiệu từ đình làng mình tới châu, tất cả đều được đặt ở chân núi để chám giải. Giải là một bức trướng vua ban chứ không có gì khác. Riêng kiệu làng Cổ Tích (trường tạo lệ) được rước lên núi, nhưng cũng chỉ đến bãi bằng Đền Hạ là dừng lại. Được thay mặt cả đoàn kiệu rước lên đền dự tế Tổ rất vinh dự.

Đây là một hoạt động tín ngưỡng rất tôn nghiêm và vui vẻ. Một đám rước như vậy tổ chức hết sức công phu, gồm 3 cỗ kiệu đi liền nhau. Kiệu được sơn son thiếp vàng đục chạm rất tinh vi. Thân kiệu là 2 con rồng dài gần 4 mét do 16 người khiêng. Cỗ đi đầu bày hương hoa, đèn nến, trâu cau, bình nước và nậm rượu. Cỗ thứ

hai rước nhang án bài vị thánh, có lọng che. Cỗ thứ ba rước bánh dày, bánh chưng (hoặc xôi), **thủ lợn luộc** (hoặc cá con). Đi trước nhất là viên quan dịch loa cầm loa quả bầu báo cho nhân dân hai bên đường và khách bộ hành biết có kiệu sắp tới, để họ nghênh xem hoặc thu xếp dọn dẹp những gì trở ngại khiếm nhã. Thứ đến là phường chèo đóng đường. Tiếp theo là chiêng trống nện theo nhịp “Tùng boong” hoặc “Tùng tùng boong boong”. Dịch loa, phường chèo và chiêng trống có thể xem là một ê kíp tiền trạm. Ê kíp chính của đáp rước gồm người vác lá cờ thần dẫn đầu 8 người vác cờ đuôi nheo, 8 người vác bát bửu. Ông chủ tế mặc áo hoàng bào thụng kiếu nhà vua đi sau kiệu, các quan viên chức sắc đi theo hộ giá. Riêng kiệu nhang án có phường bát âm tấu nhạc hầu thánh đi hai bên. Trừ phường bát âm mặc lễ phục cổ điển thông thường (quần trắng áo the khăn xếp) còn các quan viên rước kiệu đều ăn mặc phồng theo lối văn võ và binh sĩ trong triều. Những làng ở xa phải rước hai ba ngày mới tới đền. Bởi vậy có thể xem đội quân hậu cần là ê kíp thứ 3. Hàng ngày họ phải đem cơm nắm, thức ăn, nước uống từ nhà đến cho đám rước, đi đi về về rậm rịch.

Cũng nằm trong lễ thức tại Đền Hùng còn có tiết mục hát Xoan. Hát Xoan xưa gọi là hát Xuân, do công chúa Nguyệt Cư con Vua Hùng 17, tập hợp từ múa hát dân gian trong kinh đô Văn Lang (Việt Trì). Vì kiêng tên bà là Lê Thị Lan Xuân vợ vua Lý Thần Tông người

Hương Nộn (Tam Nông) nên gọi chệch là hát Xoan. Bà là người yêu thích hát Xoan, đã có công giúp phường hát Xoan hoạt động. Điệu múa hát này vốn lưu hành ở ngã ba sông Hồng, Lô, Đà từ thời Hùng Vương, đến triều Lý được các bà hoàng hậu công chúa ưa thích, đặc biệt là bà Lan Xuân cho sưu tầm tổ chức thành điệu hát lễ ở một số đình đền thờ Vua Hùng. Đêm hát Xoan kéo dài từ chập tối đến sáng, trình diễn một bài bản có 3 phần: năm đoạn lễ lối, 14 đoạn quả cách và 8 đoạn nam nữ đối đáp. Đội Xoan có 6 nam 12 nữ trẻ đẹp hát bằng nhiều giọng khác nhau, có lúc dùng điệu bộ chân tay, có lúc múa nhảy, kèm theo trống phách đưa đệm.

Trên đây là miêu tả sơ bộ phần lễ, có thể xem là hạt nhân của hội. Hành động Hội là một tổng thể nhiều khía cạnh gây nên hưng phấn cho người có mặt bao gồm lễ thức, trò chơi, văn nghệ, mua bán hàng hóa, ăn uống và kể cả con người (con người góp vào đây bộ mặt tươi tỉnh, áo quần diện đẹp và sự đông đúc ồn ào). Dân địa phương bán hoa quả, quà bánh, cơm phở, nước sôi gần như phục vụ khách thập phương để cầu phúc và lấy tiếng khen là chính, chỉ tính một chút công làm lãi. Tối đến, ít người về nhà dù ở gần, tục lệ là ngủ lại. Bởi vậy họ đi xem, đi chơi cho mệt rã rời rồi tiện đâu ngủ đấy. Giữa bầu không khí cởi mở ấy là hàng loạt trò chơi, văn nghệ biểu diễn ngày cũng như đêm, tự do thưởng thức không mất tiền. Ban khánh tiết chỉ cần treo lên ít giải thưởng làm vui là các làng xã tự đem đến gà chọi, bịt mắt bắt dê, kéo co, bắn nỏ thi, kéo lửa nấu cơm thi, ném còn, đấu vật, cờ người. Cờ người dùng người thật

làm quân, tử tướng, sĩ, tượng, xe, pháo, mã, tốt đều là các cô thanh nữ xinh đẹp. Lứa tuổi thanh niên tùm tùm nhau trên các ngọn đồi trở tài hát ví, hát trống quân, sa mạc, cò lả... Các cụ già lại thích nghe nghệ sĩ dân gian hát xẩm, kéo nhị, hồ. Nghe xong thưởng ít tiền.

Ban đêm bao giờ cũng có hát chèo tuồng ở các bãi rộng. Phường chèo tuồng đón ở các rạp về hoặc tự họ xin đến. Cũng có cả các đoàn nghiệp dư của làng xã đến trở tài ở Hội. Tất cả các đoàn đó được ban khánh tiết cho ăn cơm cá thịt và ít tiền lộ phí, biểu diễn cho toàn dân xem không bán vé. Nói chung đi tới Hội là gặp không khí cởi mở thân thương tha thiết nghĩa tình.

Không có những trò chơi, những tiết mục văn nghệ lố lăng âm ỉ trái với bầu không khí sâu lắng trang nghiêm, hướng thượng.

Lễ hội Đền Hùng xưa kéo dài từ mồng 7, mồng 8 tới 17, 18 tháng ba âm lịch. Kể từ năm 1922 Đền Hùng được xây dựng quy mô như hiện có, nhà Nguyễn quyết định lấy ngày 10-3 triều đình tế lễ (giao cho Tuần phủ tỉnh Phú Thọ làm), sau đó để làng xã tế lễ. Bởi vậy hội giữa thế kỷ 20, một nhà thơ dân gian người Phú Thọ làm bài ca đăng báo địa phương có câu:

Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày giỗ Tổ mồng mười tháng ba

Câu ca dao này diễn tả đúng tâm lý, nên trở thành cố định trong lòng mỗi người Việt Nam từ Bắc chí Nam, tưởng như tự ngàn xưa để lại.

17

BÀN VỀ ƠN ĐỨC CỦA CÁC VUA HÙNG

Các nhà Nho nói nước ta có 4000 năm văn hiến, là kể từ thời Hùng Vương. Mà nhà Nho thì rất cẩn thận về hai từ văn hiến. Nói đến văn hiến là nói một xã hội có nhiều nhân tài, có nền văn hóa cao đã định hình và được thừa nhận là di sản quý.

Vậy các Vua Hùng đã để lại cho dân tộc ta những di sản gì, khiến bao đời nay vẫn in sâu công ơn ấy. Chúng ta có thể khái quát vào 4 lĩnh vực sau:

1. Lĩnh vực kinh tế:

Dân tộc ta vốn sống bằng hạt gạo. Buổi đầu cây lúa là loại thực vật mọc tự nhiên, người ta thu lấy hạt mà ăn. Rồi bắt chước tự nhiên trồng trọt theo mùa vụ sinh trưởng của chúng. Lễ tất nhiên lúc đầu là gieo thẳng xuống bãi phù sa ven sông ngòi sau mùa lũ lụt; hoặc đốt nương trọc lỗ mà tra hạt. Sản lượng này không được cao, so với nhu cầu của con người phải có nhiều hơn mới đủ.

Căn cứ vào đồng đất của xứ ta phần lớn láng trũng ngâm nước quanh năm, trong đó chu kỳ ngập sâu theo lũ lụt của các con sông là tháng 5 đến tháng 10 âm lịch, chu kỳ ngập nông hoặc cạn sệt sệt sau mùa lũ từ tháng 11 âm lịch đến tháng tư năm sau. Muốn sử dụng được đất đai ở xứ đại đồng chiêm này thì phải chia đời

sống cây lúa thành 2 giai đoạn: Giai đoạn cây mạ gieo hạt trên ruộng cạn; cây mạ đã cao đủ cắm xuống ruộng nước thì mới đem cấy thành cây lúa. Sự sáng tạo là do các vua Hùng. Sau khi thí nghiệm thành công mãi mãi rồi, nhà vua dùng xứ Đồng Lú (Minh Nông Việt Trì) làm nơi truyền dạy cho dân. Nhờ có phương pháp làm lúa nước dễ dàng năng suất cao mà dân ta no nê sung túc, an cư lạc nghiệp, nên gọi ngài là con cháu Thần Nông. Cũng từ nông nghiệp phát đạt làm nền tảng mà các nghề thủ công khác tiến triển theo, tạo nên nền kinh tế phồn thịnh, mà kỹ nghệ luyện đúc đồng đạt tới đỉnh cao. Văn Lang là một quốc gia giàu mạnh so với các nước láng giềng lúc bấy giờ.

Bản Ngọc phả Đền Hùng (và hầu hết các ngọc phả khác) nói Vua Hùng là con cháu Thần Nông, có công lao dạy dân trồng lúa nước (Thần Nông giáo dân). Theo tín ngưỡng dân gian, Thần Nông là vị thần trên trời coi về trồng trọt, thực chất là hình ảnh thăng hoa của Vua Hùng mà thôi. Cũng như thiên đình Ngọc Hoàng thượng đế là hình ảnh thăng hoa của vương triều phong kiến Trung Hoa cổ đại mà thôi.

Tóm lại là Vua Hùng đã giải quyết được điều gốc rễ nhất của cuộc sống là lương ăn nuôi sống con người trên đồng đất xứ ta. “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, trước đây mỗi làng đều có đàn thờ Thần Nông, mỗi năm 2 lần tế bái vào vụ cấy chiêm tháng 11 âm lịch (Hạ điền) và vụ gặt tháng 6 âm lịch (Thượng điền), còn gọi là hội xuống đồng và tết cơm mới. Cũng có làng làm lễ hạ điền vào vụ mùa tháng 6 và tết cơm mới vào tháng 10.

2. Lĩnh vực chính trị:

Sau khi chế độ thị tộc nguyên thủy tan rã, để thích ứng với nền sản xuất mới theo đơn vị gia đình nhỏ, các Vua Hùng đã không thiết lập chế độ chiếm hữu nô lệ, nghĩa là cho phép anh em thân thích của mình cùng quan lại, xí đồ lấy từng vùng lãnh địa biến dân cư trong vùng thành nô lệ. Mà trái lại mở rộng quyền dân chủ thiết lập chế độ làng chạ tự quản. Trong đó ruộng đất phân phối cho tất cả mọi thành viên làng chạ. Duy những chức viên đứng đầu làng làm công việc hành chính, thuộc hạ của triều đình thì được hưởng phần ruộng đất nhiều hơn và các ân huệ khác. Cơ cấu xã hội gồm 4 đẳng cấp: Vua Hùng, Lạc hầu (quan triều), Lạc tướng (quan địa phương), Lạc dân (dân tự do). Như vậy những người đứng đầu làng chạ cũng chỉ là dân như tất cả mọi người, họ do làng bầu lên chứ không phải vua bổ nhiệm. Nếu không xứng đáng thì dân phết đi bầu người khác.

Mô hình làng chạ tự quản duy trì suốt mấy nghìn năm, đến thời phong kiến có cải tiến một chút về bộ máy và chế độ tô thuế ở đồng bằng, còn miền núi vẫn bảo lưu gần như nguyên vẹn.

Làng chạ tự quản là chế độ chính trị ưu việt mà dân ta mong muốn. Trong đó gia đình, họ hàng, làng nước là một tổng thể gắn bó với nhau bằng quyền lợi và tình cảm. Làng chỉ chấp hành mệnh lệnh của Lý trưởng khi ông ta phải thi hành chức trách của chính quyền Nhà nước như thu thuế, bắt phu, bắt lính... Còn công việc

nội bộ của làng thì do Hội đồng tộc biểu bàn bạc thỏa thuận với nhau. Đến nhà Nguyễn hội đồng tộc biểu bổ sung thêm tầng lớp trí thức của làng (người đỗ Sectiphica trở lên) và chức Đội trở lên trong quân lính về hưu. Tất cả thành viên trong làng đều phải tuân theo hương ước, tức là bản luật tục do dân xây dựng nên.

Nhờ được sống tự do nên làng xưa khá giàu có. Mỗi làng thường làm được đình chùa to đẹp, trồng cây cổ thụ xung quanh tạo nên cảnh vật tươi vui lắng đọng tâm linh, là nơi sinh hoạt văn hóa của cộng đồng khắc sâu nhiều kỷ niệm, dù đi đâu về đâu cũng không sao quên được làng quê.

Sau khi trấn áp được phong trào Cần Vương cuối thế kỷ 19, thực dân Pháp khôn ngoan và xảo quyệt đã bảo lưu mô hình làng xã cổ truyền, nhưng nong thêm quyền hạn cho bộ máy hào lý để dễ biến họ thành tay sai. Do đó bầu không khí dân chủ ở nông thôn bị ô nhiễm tệ cường hào. Tuy vậy những truyền thống vững chãi về nếp làm ăn, nếp nhà, nếp làng nước, nếp phong tục vẫn không thay đổi.

3. Lĩnh vực quân sự

Hơn 3000 năm trước, Vua Hùng thứ 6 đã đánh thắng giặc Ân, để lại bài học phát động chiến tranh toàn dân toàn diện. Về sau, các cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, Lý Nam Đế; các cuộc kháng chiến chống Nguyên - Minh dưới thời Trần - Lê... đã vận dụng thành công kinh nghiệm ấy.

Chế độ xã hội ưu việt kết hợp với truyền thống quân sự, cả hai đều lấy dân làm gốc là một tài sản quý báu của tổ tiên ta để lại. Cũng vì lẽ dân ta sống với vua ta cởi mở theo nghĩa đồng bào, nên sẵn sàng chống ngoại xâm theo lời hiệu triệu của vua. Lịch sử cũng đã chứng minh mỗi làng là một pháo đài bảo vệ Tổ quốc trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước.

4. Lĩnh vực văn hóa

Làng quê ta sao lắm điển thờ, sao lắm phong tục, hội hè, tết nhất. Có thể một phần là do “phú quý sinh lễ nghĩa”, còn phần khác là do tổ tiên ông cha ta chủ trương gây dựng nên như thế làm điểm tựa tinh thần đưa con cháu lên con đường văn minh và nhân ái, sống có tình, có đạo lý, hài hòa và êm ấm.

Nay đem bóc tách các lớp áo văn hóa của các thời đại sau, ta thấy phần lớn lộ ra phong tục tập quán được nảy sinh từ dưới thời Hùng Vương. Ví như tết Nguyên Đán (truyền thuyết bánh chưng bánh dày) hội mùa (truyền thuyết Vua Hùng dạy dân cấy lúa). Các tục lệ cưới hỏi, tang ma, ăn uống, thờ thần sông, núi, thờ gia tiên mà sách Lĩnh nam trích quái chép hồi thế kỷ 15 nói là của thời Hùng Vương, nay vẫn còn lưu dấu. Nhiều điệu múa, giọng hát, nhiều nhạc cụ, nhiều trò chơi thể thao, nhiều tác phẩm điêu khắc hội họa hiện đang khai thác. Nhiều áng văn truyền miệng mô phỏng sự thật lịch sử như Thánh Gióng, Dưa Hấu, Chử Đồng Tử, Sơn Tinh Thủy Tinh và các truyền thuyết khác, là những sáng tác bất hủ của Tổ tiên ta, trải mấy nghìn năm còn đến bây giờ.

18

NIÊN BIỂU THỜI DỰNG NƯỚC

- 2070 triệu năm trước thành tạo núi Nghĩa Lĩnh

- 50 triệu năm trước: Kiến tạo các sông Hồng, Lô, Đà với những đồi núi, đồng bằng, đầm hồ, xuất lộ bộ mặt địa hình Vĩnh Phú, trong đó có dãy đồi 99 con voi châu về đất Tổ.

- Khoảng 1,5 vạn năm cách đây các dải đồi hai bên bờ sông Thao có mấy chục thị tộc người nguyên thủy cư trú. Họ là chủ nhân nền văn hóa hậu kỳ đồ đá cũ Sơn Vi.

- Từ ngót hai vạn năm đến 8000 năm cách đây biển tiến sau băng hà Vuyéc-mơ, tràn vào ngập toàn bộ đồng bằng và vùng thấp ven đồi núi. Người nguyên thủy Sơn Vi tạm lánh lên vùng núi Hòa Bình - Bắc Sơn.

- Khoảng 6.000 năm cách đây, nước biển rút khỏi đồng bằng. Sau đó trải hàng ngàn năm mưa lũ thau chua rửa mặn và phù sa màu mỡ các con sông bồi đắp làm hồi sinh thảm thực vật. Quần thể động vật như chim thú, cá tôm nhuyễn thể trở nên sầm uất, tạo nên môi trường sống hết sức thuận lợi cho con người.

- Khoảng 3.000 năm trước công nguyên có 15 bộ lạc Việt cổ sinh sống trên đồng bằng và trung du Bắc Bộ. Trong số này bộ lạc Văn Lang của thủ lĩnh họ Hùng nhờ địa lợi tuyệt đối của vùng ngã ba sông Hồng, Lô, Đà trở lên lớn mạnh nhất. Ngoài ra còn có rất

nhiều bộ lạc người Việt tộc cư trú ở Lào. ở Quảng Đông, Quảng Tây (Trung Quốc) sử cũ gọi chung là Bách Việt.

- Khoảng 2.500 năm trước công nguyên, Vua Hùng (Lạc) phát minh kỹ thuật trồng lúa nước, truyền bá tại Đồng Lú (Minh Nông Việt Trì). Nhờ có lương thực dồi dào thúc đẩy các nghề thủ công phát triển, bộ lạc Văn Lang trở lên lớn mạnh nhất, tạo tiền đề cho việc dựng nước Văn Lang.

- Khoảng hơn 1.000 năm trước công nguyên, thủ lĩnh Văn Lang đứng lên thành lập nước Văn Lang gồm 15 bộ lạc. Ông được suy tôn là Hùng Vương (xem mục 8 nước Văn Lang).

- Năm 258 trước công nguyên Vua Hùng thứ 18 nhường ngôi cho cháu họ xa là Thục Phán (xem truyền thuyết ở mục 5).

- Năm 179 trước công nguyên An Dương Vương đánh bại cuộc xâm lược của Triệu Đà - Đà lập kế cho con trai sang ở rể lấy cắp nỏ thần. Tướng Đinh Công Tuấn can ngăn An Dương Vương không được, bèn cáo quan về quê lập sẵn đồn ải ở Á Nguyên để chống Triệu Đà. Bên kia sông Hồng các tướng họ Hà cũng lập đồn ở Bi Châu. Nghĩa quân chống Triệu được một thời gian.

- Năm 111 trước công nguyên nhà Hán tiêu diệt nhà Triệu cướp nước Nam Việt.

Thừa tướng Triệu là Lữ Gia bỏ kinh đô Phiên Ngung sang liên lạc với các thổ hào bộ Văn Lang lập căn cứ ở

Long Động Sơn (Lập Thạch) chống nhà Hán được hơn mười năm.

- Năm 40 Hai Bà Trưng cháu Vua Hùng dấy nghĩa binh đánh đuổi thái thú Tô Định nhà Hán. Hai bà lên Đền Hùng làm lễ khấn rằng:

Một xin rửa sạch nước thù

Hai xin nối lại nghiệp xưa họ Hùng

(Xin xem truyện lịch sử: Trưng Nữ Vương)

19

MỘT THI PHẨM ĐẶC SẮC VỀ NGỌC HOA CÔNG CHÚA

SƠN TINH THỦY TINH

NGUYỄN NHƯỢC PHÁP

I

Ngày xưa, khi rừng mây u ám,

Sông núi còn vang um tiếng thần,

Con vua Hùng Vương thứ mười tám,

Mỵ Nương, xinh như tiên trên trần...

Tóc xanh viền má hây hây đỏ;
Miệng nàng bé thắm như san hô;
Tay ngà trắng nõn, hai chân nhỏ;
Mê nàng, bao nhiêu người làm thơ.

Hùng Vương thường nhìn con yêu quá,
Chấp tay ngẩng lên giới tạ ân;
Rồi cười bảo: Xứng ngôi phò mã,
Trừ có ai ngang vi thần nhân.

Hay đâu thần tiên đi lấy vợ !
Sơn Tinh, Thủy Tinh lòng tơ vương,
Không quản rừng cao, sông cách trở
Cùng đến Phong Châu xin Mỹ Nương.

Sơn Tinh có một mắt ở trán
Thủy Tinh râu ria quăn xanh rì.
Một thần phi bạch hổ trên cạn,
Một thần cười lưng rồng uy nghi.

Hai thần bên cửa thành thi lễ
Hùng Vương âu yếm nhìn con yêu.
Nhưng có một nàng mà hai rể,
Vua cho rằng thế cũng hơi nhiều !



Bậc lên Đền Thượng

Thủy Tinh khoe thần có phép lạ;
Dứt lời tay hất chòm râu xanh,
Bất quyết hò mây to nước cả,
Dậm chân rung khắp làng gần quanh.

Ào ào mưa đổ xuống như thác,
Cây xiêu, cầu gãy, nước hò reo,
Lăn, cuốn, gằm, lay, tung sóng bạc.
Bò, lợn và cột nhà trôi theo.

Mị Nương ôm Hùng Vương kinh hãi
Sơn Tinh cười, xin nàng đừng lo;
Vung tay niệm chú: núi từng dải,
Nhà lớn, đôi con lợn ngổm bò.

Chạy mưa vua tùy con kén chọn.
Mị Nương khép nép như cành hoa;
“Con đây phận đào tơ bé mọn,
Nhân duyên cú để quyền mẹ cha !”.

Vua nghĩ lâu hơn bàn việc nước,
Rồi bảo: Mai lửa hồng nhuộm sương
Lễ vật thần nào mang tới trước,
Vui lòng vua gả nàng Mị Nương.

II

Bình minh má ửng đào phơn phớt.
Ngọc đỏ rung trên đầu lá xanh.
Ngọn liễu chim vàng ca thánh thót.
Ngự giá Hùng Vương lên mặt thành.

Mị Nương bên lầu son tựa cửa,
Rèm ngọc lơ thơ phủ áo hồng.
Cánh nhận long lanh vờn ánh lửa;
Mê nàng chim ngẩn lưng giờ đông.

Rừng xanh thả mây đào man mác.
Sơn Tinh ngồi bạch hổ đi đầu,
Minh phủ áo bào hồng ngọc dát,
Tay ghi cương hổ, tay cầm lau.

Theo sau năm chục con voi xám
Hục hặc, lưng cong phủ gấm điều,
Tải bạc, kim cương, vàng lấp lánh,
Sừng tê, ngà voi và sừng hươu.

Hùng Vương trên mặt thành liễu rủ,
Hớn hở thần trông, thoáng nụ cười.
Thần suốt đêm dài sao không ngủ,
Mày ngài, mắt phượng vẫn còn tươi.

Sơn Tinh đến lạy chào bên cửa.
Vua thân ngự đón nàng Mị Nương.
Lầu son nàng ngoạn trông lần nữa.
Mi xanh lệ ngọc mờ hơi sương.

Quý lạy cha già lên kiệu bạc,
Thương người, thương cảnh sót lòng đau.
Nhìn quanh, khói tỏa buồn man mác.
Nàng kêu: "Phụ vương ôi ! Phong Châu !".

Kiệu nhỏ đưa nàng đi thoãn thoắt,
Hùng Vương mơ, vịn tay bờ thành.
Trông bụi hồng tuôn xa, xa lắt,
Mắt nhòa lệ ngọc ngấn đầm quanh...

Thoảng gió vù vù như gió bẻ
Thủy Tinh ngồi trên lưng rồng vàng,
Yên gấm tung dài bay đở chóa,
Minh khoác bào xanh da gời quang.

Theo sau cua đỏ và tôm cá,
Chia đội năm mươi hòm ngọc trai,
Khập khiễng bò lên trên đất lạ;
Trước thành tấp tểnh đi hàng hai.

Hùng Vương mặt rồng chau ủ rũ.
Chân gời còn phảng bóng người yêu
Thủy Tinh thúc rồng đau kêu rú.
Vừa uất vì thương, vừa bởi kiêu.

Co hết gân, nghiêng răng, thần quát:
“Giết, giết Sơn Tinh hả hờn ta!”.
Tức thời nước sủi reo như thác;
Tôm cá quăng ngọc trai và hoa.

III

Sơn Tinh đang kèm theo sau kiệu
áo bào phơ phát nụ cười bay.
(Vui chỉ mê ai xinh mới hiểu)
Thần trông kiệu nhỏ hồn thêm say.

Choàng nghe sóng vỗ reo như sấm,
Bạch hổ dừng chân, lùi, vểnh tai.
Mị Nương tung bức rèm đỏ thắm,
Sơn Tinh trông thấy càng dương oai.

Sóng cả gầm reo lăn như chớp,
Thủy Tinh cười lưng rỗng hung hăng,
Cá voi quác mồm to muốn đớp;
Cá mập quẫy đuôi cuồng nhe răng;

Càng cua lồm chồm giờ như mác;
Tôm kènh chạy quặp đuôi xôn xao,
Sơn Tinh hiểu thần ghen, tức khắc
Niệm chú, đất nẩy vù lên cao.

Hoa tay thân vẫy hùm, voi, báo;
Đuôi quắp, nhe nanh, giơ vuốt đồng.
Đạp long đất núi, gầm, xông xáo,
Máu vọt phì reo muôn ngàn hồng.

Mây đen hãm hở bay mù mịt,
Sấm ran, sét động nổ lòe xanh
Tôm cá xưa nay im thin thít,
Mở quác mồm to kêu thất thanh...

Mị Nương kinh hãi ngồi trong kiệu.
Bỗng chợt nàng kêu, mắt lệ nhòa
(Giọng kiêu hay buồn, không ai hiểu,
Nhưng thật dễ thương): “Ôi ! Vì ta !”.

Thủy Tinh năm năm dâng nước bể,
Đục núi hò reo đòi Mị Nương.
Trần gian đâu có người dai thế,
Cũng bởi thần yêu nên khác thường.

4-1933

N.N.P

20

NGỌC PHẢ ĐỀN HÙNG NÓI VỀ VUA HÙNG THỨ 7 VÀ TÂY THIÊN QUỐC MẪU

(Bản phiên âm chữ Hán)

... Vương nghiệm lai thiên lý thậm thị huyền vi, sùng trọng chi tâm, dù nhật dũ đốc. Thời nhất thiên thanh lãng, vạn cảnh câu tân, hồng tử mãn thành tận tại thiếu quang thỏa thiếp. Quần thần giai kiến ngôn viết: “Phong văn Tam Đảo sơn, đa hữu quần tiên lai hội”. Vương tố trọng quý thần chi sự, khả nhất phiên ngoạn thưởng - Vương nãi đại giá ngự quan phong cảnh, loan xa đảo xứ, hỷ kiến cấm phong tú lĩnh, thiên tâm quang điệp điệp chi lâu đài, bích giản thanh Khê, vạn pháĩ tinh sần sần chi ba thủy, phong quang dẫu diệm, hoa thảo tranh phương tiểu tiểu sơn đầu, hữu bạch long giảng khí, cổ lập Tây Thiên nhất tự. Vương nãi thiết lập đàn tràng, chỉnh hành trai lễ, sử quần thần thương tiến triều thị. Vương yết bái chi khai nhất trường công đức ư tự trung chiêu đảo mộ kỳ, thất nhật thất dạ. Văn tập tứ phương sĩ nữ cộng lạc quan chiêm, tuy sơn lâm chi điểu điệp thính tuyên kinh, Khê hức chi ngự lai văn giảng kệ, công đức viên thành. Vương phục ngự Thạch Bàn Khê thượng dĩ quan tiên cảnh, hốt kiến điểu vũ nguy nga yên hà yểm ảnh, long vân tứ bích, mang yên trúc quốc chi lâu đài, sơn thủy nhất hồ, tiện thị bồng lai chi thú vị.

Vương nãi nhập Phù Nghi tự, lập vọng tiên đàn, mật đảo hoàng thiên, sử văn vũ bách quan lập triều trang túc. Vương yết lễ chúc viết: “Nguyện Thiên giáng hạ thần tiên, hạnh đắc tao phùng, thứ phó tam sinh chi lạc dã, chúc tất”. Vương bái tạ chi kinh tam nhật bất kiến tiên tông, vương bối hồi lung lý, vô khả nại hà - Vương nãi ngự đảo long đầu, lập vọng tiên đàn, kiên tâm mật đảo. Dạ mộng kiến thân linh thị viết: “Tây Đại Sơn nhân thượng, Bất kiến tâm hạ tướng, Hội đồng túc danh nhân, Doãn cư thượng khẩu vọng”. Vương đắc thần thi tứ cư, phản giá nhi hồi, ngự chí sơn hạ kiến nhất mỹ nhân phong tư tú diễm, cốt cách thanh kỳ, lập ư Cẩm Miếu điện bàng, vong quan giá ngự. Vương duyệt kỳ sắc nãi thú chi, cập hoàn cung vấn viết: “Nương gia an tại?”. Nữ viết: “Thiếp thị tiên nhân, giáng sinh vu Đông Lộ, vi trưởng giả ông tử dã, kỳ thu mao tất, vịnh sử ngâm kinh, ẩn ngọc tàng châu, dĩ đãi anh hùng chi thủ. Giam giả thiết văn bệ hạ đài giá Tây Thiên thiết lập đàn tràng, chí cầu tiên tử. Thứ thiếp sở dĩ bất viễn nhi lan can dã. hạnh chi thiên duyên tiền định giải cấu quân vương, nguyện phụng thị trưởng trung, thứ bất phụ tam sinh chi tổ ước”. Vương văn kỳ ngôn chi thiên dĩ thần tiên thuộc ngā hī, ư thị vương khiển quần thần bị tương sinh lễ, xuyên giá Đông Lộ lâm trưởng giả gia sinh chi. Giá hoàn Phong Đô, lập vị vương phi chính khố. Vị cập nhất niên thời Ngọc Tiêu hữu dụng, sinh đắc nhất nam, tư bẩm thông minh anh tài trác việt. Cập gia quan vương nãi lập vị hoàng thái tử, dĩ tự quốc thống kiêu hiệu Hùng Vi Vương (Hùng Vi Vương hiển

tôn duệ chí hoàng đế). Hậu vương giữ hoàng phi hữu tiên thuật, hưởng quốc nhị bách niên, thọ đối Kiều Bành tuế nguyệt, hóa sinh bất diệt...

Dịch

... Vua nghiệm lại, thấy lẽ Trời là huyền vi. Tấm lòng sùng trọng càng ngày càng hậu. Lúc ấy muôn phương trong sáng, muôn cảnh đều mới, tía đỏ đầy thành, không thể tả hết được sắc xuân êm ái. Quần thần đều tiến lên nói rằng: “Nghe đồn ở núi Tam Đảo có bầy tiên về tụ hội”. Vua vốn trọng việc thần tiên, nên muốn đến xem cho rõ, mới sai đóng xe loan sang đây. Đến nơi, vua rất mừng thấy núi non như gấm vóc, lâu đài trùng điệp, khe biếc suối xanh, sóng nước rập rờn muôn vẻ, phong quang đua đẹp, hoa cỏ tốt tươi, lối nhỏ đầu non như rồng vàng giáng khí, thời trước lập một ngôi chùa gọi là chùa Tây Thiên. Vua vào bái yết, bèn lập đàn tràng ăn chay làm lễ bảy ngày bảy đêm, sai quần thần châu tực. Tài tử giai nhân bốn phương tấp nập lại xem, chim chóc trên cành lắng nghe kinh, cá dưới khe ngóng giăng kệ, công đức viên thành. Vua lại ngự trên Thạch Bàn để xem tiên cảnh, nhác thấy điệu vũ nguy nga, rắng chiếu óng ánh, rồng mây bốn vách lờ mờ, tưởng như đất Phật bên Thiên Trúc, như non nước bồng lai. Vua bèn vào chùa Phù Nghi lập đàn vọng tiên, mật cầu Hoàng thiên, sai văn võ bách quan đứng nghiêm trang túc tực. Vua khẩn rằng: “Xin trời cho thần tiên giáng hạ, may được gặp thì thật và vui sướng đến 3 đời”. Khẩn xong, vua bái tạ. Đã 3 hôm vẫn chẳng thấy

dấu tiên, vua bùi ngùi chẳng biết làm sao. Vua bèn đến mỏm Đâu Rộng dựng đàn cầu tiên lần nữa. Đêm mơ thấy thần linh bảo rằng: “Người trên Tây Đại Sơn, chẳng thấy tướng đầu mà, gặp mỹ nhân phương đông, tin ở trong lời nói”. Vua được bốn câu thơ thần, bèn xa giá trở về. Xuống đến chân núi bỗng lại gặp một cô gái mặt hoa da phấn cốt cách thanh kỳ, đứng cạnh đền Cẩm Miếu, xem xa giá nhà vua. Vua trông thấy cô gái rất lấy làm ưng ý, mời lên xe đưa về cung, hỏi rằng : “Nhà nàng ở đâu?”. Người con gái nói: “Thiếp là người tiên, giáng sinh ở trang Đông Lộ làm con ông trưởng giả. Mấy năm ở nơi nhà tranh vách sậy, giấu ngọc chứa châu để chờ bậc anh hùng. Trộm nghe bệ hạ chơi ở chùa Tây Thiên, thiết lập đàn tràng chí tâm cầu tiên tử. Vì vậy thiếp không nề hà lại xem vậy. May mà duyên trời định trước, gặp gỡ quân vương. Thiếp nguyện châu trục trong trường, ngô hầu không phụ ước cầu ba sinh”. Vua nghe lời nói, biết là trời cho thần tiên tác hợp. Bấy giờ mới sai quần thần đem sính lễ sang Đông Lộ, tới nhà ông trưởng giả để cưới. Xe loan quay trở lại Phong Châu, dựng bà làm Vương phi chính khốn. Chưa đầy một năm thì bà Ngọc Tiêu có mang, đẻ được một người con trai tư bẩm sáng suốt, anh tài vượt trội. Khi lớn lên vua bèn dựng làm hoàng thái tử, nối quốc thống hiệu là Hùng Vi Vương (Hùng Vi Vương Hiến tông duệ chí hoàng đế).

Vua hưởng nước 200 năm, cùng bà hoàng phi Ngọc Tiêu có tiên thuật, thọ ngang Kiều Tùng Bành Tổ, hoá sinh bất diệt...

21

NGỌC PHẢ ĐỀN HÙNG NÓI VỀ VUA HÙNG 18 TRAO NỎ THẦN VÀ NHƯỜNG NGÔI CHO THỤC PHẢN THỤC PHẢN DỰNG CỘT ĐÁ THỀ TRÊN NÚI NGHĨA LĨNH

(Bản phiên âm chữ Hán)

... Vương mệnh thần Cao Lỗ tạo thần nỏ ⁽¹⁾, di linh trảo vi cơ, danh viết “Linh quang kim trảo thần nỏ”. Vương ký đắc thần nỏ, nãi khu tán tốt, giản thủ dân binh, di văn ư Tản Viên viết: “Kim Thục binh lai xâm chiếm ngã thành đô, nhữ nghi tốc tương binh mã viện chi”. Tản viên nãi để tương binh mã, trực đảo Loa Thành, giữ vương thiết lập trận đồ di tương thanh thế. Hậu sở nhật Tản Viên giáng vương viết: “Hùng đồ hưởng quốc lịch dĩ cứu trường, ý tất thiên tâm hựu hạn, trí sử Thục Vương thừa hấn lai chiếm Trung Hoa. Thả Thục bản Ai Lao bộ chúa diệp tiền hoàng đế chi tôn phái dã. Quốc thế mỹ thường giai do tiền định. Vương hà ái nhất phương nam cảnh, nhi cường thiên ý dĩ hại sinh linh. Thả bệ hạ giữ thần, ký hựu thần tiên chi thuật, mạc nhược bông hồ lãng uyển, thiếu giao bất lão chi hương, phương các long lâu, ninh khước nhiễm trần chi cấu, hoàng kim đại bảo khinh thị nhất mao, ngọc nữ tiên đồng khoái quan song nhãn, thử kỳ chí thái cao già”. Vương văn chi, tự thị di thư ư Thục Vương, toại nhượng kỳ quốc. Thục Vương sử sứ lai tạ. Vương nhân tử Thục Vương thần nỏ. Nãi hồi Nghĩa Lĩnh, ước giữ

Tản Viên Sơn Tinh hóa sinh bắt diệt. Ký nhi Thục An Vương đắc quốc, cảm kỳ Duệ Vương chi nhượng, đức đồng thiên địa, nãi đại giá vu Nghĩa Lĩnh kiến lập giao đài dĩ vi quốc gia phụng tự. Lập lưỡng thạch trụ ư sơn trung, chỉ thiên nhi trúc viết: “Nguyện thiên thượng khô băng, giám lâm bất viễn, Nam quốc trường tồn, trường tại Hùng Vương chi miếu. Thảng nhược hậu vương kế trị, bội ước hàn minh, nguyệt phủ phong cân, bất cô phụ tiền nhân chi thệ, chúc tất”. Vương bài yết chi giá hoàn Phong Đô, toại triệu Hùng Vương kim chi ngọc phái, phụng ban vi Trung Nghĩa hương trưởng tạo lệ dân, cấp điền tại bản hương Hy Cương ngũ bách mẫu, hựu cấp các xứ điền tô thuế, thượng tự Tuyên Quang Hưng Hóa, hạ chí Việt Trì các xã dân, đệ nạp dĩ vi hương hỏa phụng tự thập bát diệp Hùng Đồ, tự thánh tổ Cao hoàng đế, liệt vương kế tập dĩ lai, dữ quốc đồng hưu, ức niên bất tuyệt. An Vương kế trị lịch ngũ thập niên...

Dịch

... Vua sai bày tôi là Cao Lỗ làm nỏ thần⁽¹⁾, đem móng thiêng (của Rùa Vàng) làm máy, đặt tên là

(1) Trong sách “Truyền thống giữ nước của nhân dân vùng Đất Tổ”, chúng tôi đã bàn về vấn đề này. Cho tới nay, chúng ta có 2 truyền thuyết về nỏ thần.

- Truyền thuyết Rùa Vàng nói, Rùa Vàng cho Thục Phán móng chân để chế nỏ thần,

- Ngọc phả Đền Hùng nói, Rùa Vàng trao móng chân cho Vua Hùng để chế nỏ thần - Sau đó vua đem ban tứ cho Thục Phán. Nỏ thần là cách nói tôn vinh uy lực của loại nỏ cứng bản tên mũi bằng đồng.

Xét lịch sử mũi tên đồng thì dưới thời Hùng Vương thấy có tới 10 loại mũi tên đồng hình dáng khác nhau - ở di chỉ Đông Đậu tìm thấy cả khuôn đúc bằng đá, mỗi mẻ hai mũi tên.

Như vậy không phải đến An Dương Vương nỏ thần mới ra đời, mà là tiếp thu của thời Hùng Vương truyền lại.

Linh Quang kim trảo thần nỏ. Vua đã được nỏ thần, bèn thu nhặt tàn quân sĩ tốt, kén chọn thêm dân binh. Rồi đưa tờ hịch cho thần Tản Viên rằng: “Nay quân Thục lại lấn chiếm đô thành của ta, người nên chóng đem binh mã lại viện trợ”. Tản Viên liền đem binh tới Loa Thành cùng vua thiết lập trận đồ, dương oai thanh thế. Vài ngày sau, Tản Viên can vua rằng: Nhà Hùng hưởng nước trái đã lâu dài, ý hẳn lòng Trời có hạn, mới khiến Thục Vương thừa lúc hở cơ lại chiếm nước ta. Vả lại Thục Chúa vốn là chủ bộ Ai Lao, cũng trong tông phái của các đời hoàng đế trước vậy. Thế nước chẳng được yên đều bởi tiên định. Vua tiếc gì một cỡi phương nam mà trái ý Trời để hại đến sinh linh. Vả bề hạ cùng thần đã có thuật thần tiên, chẳng gì bằng đi khắp bồng lai lãng uyển rong chơi gác phương lầu rồng vui cùng tiên đồng ngọc nữ, tránh được bụi đời như bản, vàng bạc châu báu coi nhẹ như lông hồng. Đó là chí lớn vậy”. Vua nghe theo, nhân đấy đưa thư cho Thục Vương, bảo nhường y cả nước.

Thục Vương sai sứ lại tạ ơn. Vua nhân đó trao cho Thục Vương nỏ thần, rồi quay về núi Nghĩa Lĩnh hẹn với Tản Viên Sơn Tinh hoá sinh bất diệt. Thục An Dương Vương được nước, cảm thấy công đức của Duệ Vương lớn như trời đất. Bèn đóng xe về núi Nghĩa Lĩnh dựng giao đài để cả nước thờ tự. Dựng hai cột đá ở giữa núi, chỉ lên trời mà khấn rằng: “Nguyện có trời cao lồng lộng soi xét, chẳng dám sai lời. Nước Nam trường tồn lưu ở miếu Hùng Vương. Ví bằng vua sau nối nghiệp trái ước phai thể sẽ bị trắng vùi gió dập, trời đất cùng

tru diệt”. Khẩn xong vua bái yết, rồi quay về kinh đô Phong Châu, mời họ hàng chi phái của Vua Hùng, tôn là dân con trưởng lập ra hương Trung Nghĩa, cấp ruộng 500 mẫu tại Hy Cương. Lại cấp cho tô thuế thu của các xứ trên từ Tuyên Quang, Hưng Hóa, dưới đến Việt Trì để làm hương hỏa thờ cúng 18 đời Vua Hùng, kể từ thánh tổ cao hoàng đế và các vua nối dõi, cùng cả nước vui tốt lành, muôn năm không dứt. An Vương nối nghiệp trải 50 năm...

22

SỰ LIÊN QUAN GIỮA LỄ HỘI XUỐNG ĐỒNG (HẠ ĐIỀN) VÀ BẢN NGỌC PHẢ ĐỀN HÙNG

Bài đăng báo Phú Thọ số 276 (4124)

Lễ hội xuống đồng là một lễ hội lớn, phổ biến trên toàn vùng Đất Tổ và ở những cư dân trồng lúa nước nhiều nơi khác. Trước cách mạng 1945, ở Phú Thọ bất cứ làng nào cũng có đàn Thần Nông, để một năm hai lần làm lễ hạ điền và hai lần làm lễ thượng điền vào hai vụ chiêm mùa. Dù hạ điền hay thượng điền đều mang tính chất tâm linh, là cầu mong sự phù trợ cho mùa màng và tạ ơn vị Thần Nông đã dạy dân làm ruộng.

So với tất cả mọi thôn làng, thì lễ hội hạ điền Đồng Lú xã Minh Nông, Việt Trì là nguồn gốc và điển hình

nhất. Lễ hội này gắn với truyền thuyết Vua Hùng dạy dân cấy lúa, vì vậy nó được chia làm 2 nghi thức, thứ nhất là tế Thần Nông, thứ hai là làm hèm xuống đồng.

a) Tế Thần Nông về bài bản tế cũng giống như tế thành hoàng làng, nghĩa là có chủ tế, đông tây xướng, đọc chúc, bồi tế, có chiêng trống nhạc bát âm. Sau cùng là tất cả phụ lão chức sắc trong làng và 14 ông trưởng giáp đều vào làm lễ.

Điều giá trị nhất ở đây là người xưa xác định vị trí vua Thần Nông ở phía tây nam bầu trời, cho nên đàn xây theo trục đông bắc - tây nam, khi tế lễ thì những người hành lễ nhìn về hướng tây nam. Vị trí đó là nơi xuất hiện tròn sao Thần Nông hình người đội nón cúi lom khom. Chòm sao này vào đêm rằm tháng 8 âm lịch có thể trắc nghiệm vụ lúa chiêm: Nếu sao sáng tỏ hình ông Thần Nông rõ ràng thì được mùa, nếu sao mờ hình Thần Nông không hiện rõ thì vụ lúa đó kém sút. Do hiện tượng này mà người ta thờ chòm sao Thần Nông để cầu mùa màng tươi tốt.

Thời Hùng Vương dân ta chỉ làm ruộng chiêm hay ruộng nước, sách cổ của người Hán gọi là Ruộng Lạc. Cũng từ Ruộng Lạc mà khởi ra tín ngưỡng Thần Nông.

b) Nghi thức thứ hai là làm hèm xuống đồng, diễn tả Vua Hùng dạy dân cấy lúa. Người đóng giả Vua Hùng chính là ông chủ tế, vẫn lễ phục ấy ông đi từ đàn ra ruộng cấy mấy con mạ, có lọng che, nhạc bát âm tấu theo.

Bản văn tế đàn Thần Nông Đồng Lú viết năm Bảo Đại tam niên (1928) có 367 chữ Hán, nội dung có 3 ý lớn:

- Cung thỉnh Tiên thánh đế Thần Nông hưởng lễ phẩm tế hạ điền (hoặc thượng điền).

- Dân chúng ở đây từ cổ chí kim vẫn ghi nhớ ơn đức của họ Thần Nông dạy dân cấy gặt chế tạo đồ dùng làm ruộng. (Giáo dân giá sắc... đức đại nhân thiên, giáo dân canh vân điền khí bí hĩ, giáo dân thụ nghệ nông sự hưng yên).

- Cầu Tiên thánh đế Thần Nông phù hộ cho mùa màng sai bông chắc hạt và ban phúc lộc tốt lành đức lớn cho dân.

Vậy là lễ hội này có tính chất lưỡng hợp, vừa cầu Thần Nông hộ mệnh cho cây lúa, vừa cầu người có công dạy dân làm ruộng, cấy hái (Vua Hùng). Ông chủ tế làm vai trò kép, vừa thay mặt dân cư cúng bái Thần Nông, vừa thay mặt Thần Nông tái hiện việc cấy lúa dạy dân.

Xin lưu ý rằng, trong quan niệm của phụ lão làng Lú, kể cả lời lẽ của bản văn tế đều nói Thần Nông dạy dân cấy hái, chứ không phải chỉ là thiên thần cứu trợ.

Kết hợp cả hai nghi lễ trên lại, đối chiếu với các tư liệu khác, đưa ta đến nhận định: Vua Hùng là người phát minh kỹ thuật trồng lúa nước, thoạt đầu là lúa chiêm. Kỹ thuật đó chia đời sống cây lúa làm 2 giai đoạn: Giai đoạn đầu cây mạ ở trên cạn, khi đủ chiều cao thì đem cấy xuống đồng nước. Mặt khác phải nắm vững quy luật thời tiết và thủy chế các dòng sông để định ra lịch canh tác. Chính Ngài phát hiện ra chòm sao Thần Nông có liên quan với lúa chiêm nên lập đàn cầu ở bờ Đồng Lú.

Với địa hình và khí hậu thủy văn vùng ngā ba sông Hồng, Lô, Đà, đồng chiêm mỗi năm đưa lại cho dân cư một vụ lúa thỏa mãn nhu cầu lương thực.

Do chỗ việc làm của Vua Hùng quá khác thường, vượt xa khả năng của người phàm tục, đáng được tôn lên hàng thần thánh. Trong tư duy của người Việt cổ, giữa Vua Hùng và vị Thần Nông trên trời, nhất định phải có mối quan hệ mật thiết với nhau. Bởi vậy họ đem ghép Ngài làm con cháu Thần Nông. Và vị Thần Nông vốn chỉ có hình thức là chòm sao hình người, đã được gán cho hành trạng của Hùng Vương dạy dân cấy gặt chế tạo cày bừa. Tức là sự nghiệp sáng tạo nghề làm ruộng nước của Hùng Vương đã thăng hoa nhập cuộc với Thần Nông. Các nhà nho phong kiến căn cứ vào quan niệm dân gian trong truyền thuyết và thêm bớt theo kiến thức của họ, đã viết Ngọc phả Đền Hùng rằng: Đế Minh là cháu ba đời Viêm Đế Thần Nông⁽¹⁾. Đế Minh sinh ra Kinh Dương Vương. Phổ hệ là: Kinh Dương Vương - Lạc Long Quân - Hùng Quốc Vương - Hùng Diệp Vương - Hùng Hy Vương - Hùng Huy Vương - Hùng Chiêu Vương - Hùng Vi Vương - Hùng Định Vương - Hùng Uy Vương - Hùng Chính Vương - Hùng Vũ Vương -

(1) Ở tác phẩm “Luận văn khoa học Đông Lú” chúng tôi đã chứng minh Thần Nông là thần linh lúa nước của người Lạc Việt. Viêm Đế là vua một bộ lạc người Hán ở miền Thiểm Tây (Trung Quốc). Các nhà nho dựng nên danh hiệu Viêm Đế Thần Nông chưa rõ nguyên nhân.

Dự đoán của chúng tôi, đây là cách cài mật mã để con cháu đời sau hiểu rằng mở đầu thời Hùng Vương ngay với thời Viêm Đế ở Trung Hoa.

Hùng Việt Vương - Hùng Ánh Vương - Hùng Triều Vương - Hùng Tạo Vương - Hùng Nghị Vương - Hùng Duệ Vương.

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đền Thượng treo mảnh trấu hạt Lúa Thần, đục bằng gỗ to như chiếc thuyền câu, chính là biểu tượng nghề làm ruộng của các vị thánh tổ Hùng Vương.

23

NGUỒN GỐC CỦA TẾT NGUYÊN ĐÁN

(Bài đăng báo Phú Thọ số 265 (4080) và báo Văn hóa thể thao Phú Thọ số xuân Quý Mùi (2003))

Tết Nguyên đán là tết lớn và dài ngày nhất, chứa đựng các yếu tố văn hoá tâm linh và văn hóa đời sống phong phú nhất của dân tộc ta.

Đã có nhiều người nêu ý kiến về nguồn gốc của cái tết này. Tôi không tranh luận với các tác giả đó, mà chỉ trình bày nhận thức của mình.

Về phong tục tết nhất của dân ta, trên thực tế có một số tiếp thu của các nước gần xa theo con đường tôn giáo tín ngưỡng, như: Tết Hàn thực mồng 3 tháng 3 vốn từ Trung Quốc, tết Vu lan bồn rằm tháng 7 vốn từ Phật giáo ấn Độ. Còn tết Nguyên đán từ mồng 1 đến mồng 3 tháng giêng thì gốc gác bản địa của ta rất rõ ràng. Xin biện giải như sau:

1. Về từ ngữ, hai tiếng Nguyên đán (元旦) của Hán tự có nghĩa là mở đầu. Nguyên là xếp thứ nhất, đứng đầu (như Hồng Đức nguyên niên: năm đầu niên hiệu Hồng Đức, Trạng nguyên: người đỗ đầu kỳ thi tiến sĩ...). •Đán là rất sớm, lúc trời chưa sáng rõ.

Vậy tết Nguyên đán chỉ có nghĩa là Tết vào ngày mở đầu năm mới, chứ hoàn toàn không phải Nguyên đán là danh xưng một phong tục xuất phát từ đất nước Trung Hoa. Ví dụ : Tết Nguyên đán của người Khơme là ngày 25 - 26 tháng 2 lịch trăng, vì ngày đó mở đầu năm mới của họ (gọi là tết Chan tơ nam thơ mây); Tết Nguyên đán của người Hồi giáo là ngày 16 tháng 7, vì lịch Hồi giáo bắt đầu từ ngày 16 tháng 7 năm 622. - ngày giáo chủ Mô ha mét thoát hiểm, ra khỏi vòng vây của phái đa thần giáo.

Tương tự như vậy, các dân tộc hoặc tôn giáo khác cũng đều có tết Nguyên đán của mình bởi những lý do riêng.

2. Về điều kiện phát sinh

Do cấu tạo địa hình, khí hậu thủy văn và khả năng nông cụ, thời Hùng Vương tổ tiên ta chỉ làm ruộng chiêm tức ruộng nước, tiếng cổ phát âm là ruộng nác. Người Hán hồi đầu công nguyên cho đó là tên ruộng nên phiên âm là Lạc điền (từ Lạc điền mà họ gọi dân ta là Lạc dân, quan là Lạc tướng, vua là Lạc vương).

Làm lúa chiêm rất thuận lợi là suốt mùa lũ lụt nó ngập nước sông, cỏ giã ngấu nát cùng phù sa tạo thành bùn rất mầu mỡ Sang mùa cạn người ta chỉ cần trảng cào qua loa là cấy được, có câu "làm bờn ăn thật". Điều

quan trọng là phải nắm vững thời tiết và nhu cầu sinh lý cây lúa chiêm. Kinh nghiệm chỉ ra rằng: lúa trổ tháng 2 là hạt lép mất mùa.

Câu ca: *Đói thì ăn củ ăn khoai*

Đừng thấy lúa trổ tháng hai mà mừng.

Lúa chiêm phải trổ tháng 3 mới chắc hạt. Nhưng trổ muộn quá sẽ bị mất bởi những cơn lũ sớm tháng 5. Bởi vậy phải tính toán sao cho lúa trổ vào giữa tháng 3. Muốn thế thì phải cấy giống chiêm bầu dài ngày trong tháng một, và cấy giống chiêm chanh ngắn ngày trong tháng chạp, không được kéo dài sang tháng giêng. Hai tháng một chạp làm lụng khẩn trương, sáng đi từ từ mờ đất, chiều tối vít mới về, “hai sương một nắng” để hoàn thành vụ cấy chiêm. Sang tháng giêng người nông dân nghỉ ngơi, chơi bời xả hơi thỏa thích. Tuy cuối tháng có đi làm cỏ, nhưng chẳng nhọc nhằn gì, chủ yếu khóa cho sục bùn tốt lúa.

Bài ca:

Tháng giêng là tháng ăn chơi

Tháng hai cò bạc tháng ba hội hè

Tháng tư trồng đậu nấu chè

Ăn tết Đoan ngọ trở về tháng năm

Tháng sáu buôn nhơn bán trâm

Tháng bảy ngày rằm xá tội vong nhân

Tháng tám chơi đèn kéo quân

Bước sang tháng chín chung chôn buôn hồng.

Tháng mười buôn bác bán bông

Tháng một tháng chạp nên công hoàn toàn.

Bài ca của dân đồng chiêm vùng Đất Tổ cho thấy, từ tháng giêng đến tháng mười chỉ toàn ăn chơi và làm việc nhà nhà. Sự dốc sức để tạo ra thành quả là tháng một tháng chạp.

“Tháng một tháng chạp nên công hoàn toàn”.

Căn cứ vào nếp làm ăn sinh hoạt của cư dân đồng chiêm, ta thấy rõ 2 điều:

- Họ phải xác định lịch cây lúa trở đồng là tháng 3, từ đó tính lùi lại lịch cấy là tháng một tháng chạp (tùy theo giống ngắn hay dài ngày).

- Cấy xong là bước vào ăn tết năm mới, chơi bởi xả láng cả tháng giêng.



Bảo tàng Hùng Vương

Đã hàng ngàn năm nay, nông dân ta không chỉ làm vụ lúa chiêm, mà còn cấy cả lúa mùa. Nhưng tục chơi tết kéo dài nhiều ngày trong tháng giêng vẫn duy trì theo truyền thống.

3. Về lịch pháp. Tổ tiên ta đã quan sát bầu trời phát hiện ra chòm sao Thần Nông ở phía tây nam có ảnh hưởng tới vụ lúa chiêm, nên lập đàn cầu cúng bên bờ ruộng. Điều đó chứng tỏ tổ tiên ta cũng biết quan sát độ số của các vì sao để tính chu kỳ một năm 12 tháng. Sự đặt lịch 12 tháng được hình tượng hóa bằng 12 tia mặt trời trên mặt trống đồng loại cổ xưa nhất, cách nay ngót 3.000 năm. Người thời Hùng Vương còn biết chiêm nghiệm thời tiết nóng lạnh, nắng mưa, gió bão và sự tiêu trưởng của thảo mộc, sự phát dục của động thực vật, mà chia một năm ra làm 4 mùa xuân, hạ, thu, đông. Còn tính mỗi tháng có 30 ngày hay 29 ngày thì, đơn giản là họ theo dõi mặt trăng tròn khuyết. Lịch nông nghiệp của ta lấy tháng mở đầu mùa xuân là tháng giêng, tháng kết thúc mùa đông là tháng chạp. Tên của 12 tháng là: Giêng, hai, ba, tư, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, một, chạp.

Lịch của người Trung Hoa cũng giống như lịch ta, tức là năm theo chu kỳ tiết khí, tháng theo chu kỳ mặt trăng tròn khuyết. Họ đặt tên tháng theo can chi. (Can: giáp, ất, bình, đinh, mậu, kỷ, canh, tân, nhâm, quý. Chi: tý, Sửu, dần, mao, thìn, tỵ, ngọ, mùi, thân, dậu, tuất, hợi). Hàng can của tháng phụ thuộc theo can năm;

can năm luân chuyển vòng tròn chu kỳ 60 năm. Hàng chi của tháng là cố định: tháng 1 là tháng Dần, tháng 2 là Mão, tháng 3 là Thìn, tháng 4 là Tỵ, tháng 5 là Ngọ, tháng 6 là Mùi, tháng 7 là Thân, tháng 8 là Dậu, tháng 9 là Tuất, tháng 10 là Hợi, tháng 11 là Tý, tháng 12 là Sửu.

Các triều đại phong kiến Trung Quốc đặt lịch lấy tháng đầu năm khác nhau: Nhà Thương lấy tháng Sửu (12), nhà Chu lấy tháng Tý (11), nhà Tần lấy tháng Hợi (10), Do đó tết Nguyên đán của họ nhật kỳ thay đổi, nhà Thương là mồng 1 tháng 12 lịch trăng, nhà Chu là mồng 1 tháng 11, nhà Tần là mồng 1 tháng 10. Còn tết Nguyên đán của dân tộc ta luôn luôn cố định là từ ngày mồng 1 đến mồng 3 tháng giêng, sau vụ cấy chiêm. Đến triều nhà Hán lấy tháng Dần (tức tháng giêng ta) làm tháng đầu năm, từ đó tết Nguyên đán của người Trung Hoa mới trùng với tết Nguyên đán của ta.

Tóm lại: Tết mở đầu mùa xuân năm mới của dân tộc ta có nguồn gốc từ nghề làm ruộng Lạc thời Hùng Vương (trồng lúa chiêm). Truyền thuyết bánh dày bánh chưng phản ánh một sự thật lịch sử là, mấy nghìn năm trước tổ tiên ta đã lựa chọn món ăn cho ngày tết, lấy bánh dày bánh chưng đặc sản từ cây lúa làm lễ phẩm dâng cúng và ăn tết.

Mãi sau này các nhà nho gọi ngày đầu năm mới là ngày Nguyên đán, mà tết mở đầu năm mới của dân ta cũng được gọi là tết Nguyên đán.

24

BÀN VỀ TỔ CHỨC GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG

*Bài đăng Tập san Văn hóa Phú Thọ
số đặc biệt Canh Thìn (2000)*

I - TRƯỚC HẾT PHẢI NÓI ĐẾN TÍNH CHẤT LỊCH SỬ ĐẶC BIỆT CỦA ĐỀN HÙNG VƯƠNG

Theo kết quả nghiên cứu của chúng tôi gần 40 năm nay, thì từ thế kỷ 3 trước công nguyên trở về trước, trên núi Nghĩa Lĩnh có 4 di tích:

a) Miếu thờ Trời “*Kính thiên linh điện*”, thờ Thần lúa (mảnh trấu thần) và thần Núi “*Đột ngọt Cao Sơn*” (nay là Đền Thượng).

b) Mộ Vua Hùng thứ 6 (nay là Lăng).

c) Quán nghỉ chân khi lên làm lễ điện Kính thiên, hóng mát và bàn việc nước cơ mật của Vua là Lạc hầu Lạc tướng (nay là Đền Trung).

d) Giếng Ngọc của 2 công chúa Tiên Dung, Ngọc Hoa (nay là Đền Giếng).

Sau năm 258 TCN, Thục Phán lập bài vị 18 đời Vua Hùng đưa lên thờ “Hùng đồ thập bát thế thánh vương thánh vị” để tạ ơn Vua Hùng thứ 18 truyền ngôi cho cũng tại Đền Thượng.

Đồng thời mời dòng tộc Nhà Vua đến ở quanh núi để trông nom đền miếu. Cắt đất ngụ lộc từ Việt Trì trở ngược.

Thời Bắc thuộc, nhân dân ta tiếp tục sửa sang đền đài thờ tự (tất cả đều có thư tịch, truyền thuyết, vết tích khảo cổ).

Đến thời phong kiến tự chủ bắt đầu viết ngọc phả. Bản sớm nhất là năm Thiên Phúc nguyên niên đời Vua Lê Đại Hành (980). Bản muộn nhất là năm Hoàng Định thứ nhất đời Vua Lê Kính Tông (1601), nói trên núi Nghĩa Lĩnh có Đền Thượng, mộ Vua Hùng thứ 6, 2 cột đá thể của Thục Phán, Đền Trung, Đền Hạ và Chùa.

Đền Giếng được làm vào đời vua Quang Trung.



Công quán

Nhà Nguyễn sau khi kháng chiến thất bại phải nhận sự bảo hộ của Pháp (1884), đã nghĩ đến việc bảo vệ văn hóa dân tộc. Từ năm 1917 đến 1922 tổ chức quyên góp đại trùng tu đền Thượng, Lăng và đền Giếng. Nhà tư sản Nghĩa Lợi cung tiến tiền xây hệ thống bậc xi măng, nhà tư sản Đồng Thịnh cung tiến xây cổng chính. Mới đây làm thêm tuyến đường phụ đền Giếng lên Lăng, coi nơi sân lăng, sửa sang lại bậc lên.

Như vậy, đứng về mặt kiến trúc tín ngưỡng, Đền Hùng có nguồn gốc lâu đời nhất nước ta, duy trì liên tục khoảng 3.000 năm nay. Các triều đại phong kiến Việt Nam suy tôn là đền thờ Quốc tổ. “Nam Việt triệu tổ”.

II - LỄ HỘI:

1. Thời phong kiến:

Lễ hội cổ xưa ấn định vào ngày 11 tháng 3 âm lịch là ngày giỗ Vua Hùng. Sau khi tôn tạo xong Đền Hùng nhà Nguyễn tế vào mùa thu. Đến năm 1917 mới quyết định lấy ngày 10-3 để triều đình tế lễ, sau mới đến làng xã tế lễ. Do đó hội Đền Hùng chuyển lên ngày 10-3 khoảng ngót trăm năm nay.

Triều đình nhà Nguyễn quy định 5 năm làm một hội chính, lấy năm chẵn 5, ví dụ 1920 - 1925...

Năm Hội chính ngay từ tháng Giêng trên núi Nón đã treo lá cờ thần báo cho đồng bào xa gần biết. Việc

chuẩn bị náo nhiệt trước hàng tháng. Nào sửa sang đường sá (xưa kia đường nhỏ cây cối 2 bên rậm rạp), nào tu bổ quét dọn các đền, nào ghi tên các làng xin đến biểu diễn văn nghệ trò chơi. Đối với các trò chơi. Ban khánh tiết chỉ treo giải, còn họ tự lo liệu. Riêng các đoàn hát xoan, tuồng chèo thì cho ăn cơm. Nếu là phường chuyên nghiệp đến hát thì cho thêm tiền đi đường, không có bán vé.

Về rước kiệu, Quan tuần phủ Phú Thọ thông sức cho trên 40 làng quanh núi thờ Vua Hùng, vợ con và tướng lĩnh của Vua, được rước kiệu tới châu. Các làng đó là: Hạ Giáp, Dữu Lâu, Việt Trì, Thọ Sơn, Phú Sơn, Thanh Miếu, Minh Nông, Tiên Cát, Cao Xá, Cẩm Đội, Tể Lễ, Khang Phụng, Hậu Lộc, Mai Đình, Thạch Sơn, Vy Cương, Lâm Nghĩa, Cao Mại, Sơn Vi, Canh Phú, Khải Xuân, Nậu Phú, An Ninh Hạ, An Ninh Thượng, Ngọc Thập, Hy Cương, Hy Sơn, Sơn Tường, Tiên Cương, Vân Cương, Gia Thanh, Phú Lộc, Phú Nham, Tử Đà, Phù Ninh, Bình Bộ, An Đạo, Kim Đức, Phượng Lâu, Vân Phú, Hùng Lô.

Mỗi làng rước 3 cỗ kiệu (1 kiệu trâu cau, rượu, nước lã, hoa quả, hương đèn, một kiệu nhang án, 1 kiệu bánh chưng, bánh dày hoặc xôi và sỏ lợn luộc hoặc cả con). Tất cả đậu ở chân núi để chằm giải. Giải là một bức trướng nhỏ Vua ban khen, chứ không có gì khác.

Tế ở Đền Thượng, chủ tế là quan Tuần phủ đứng đầu tỉnh do Vua ủy nhiệm, Bồi tế thông tán, đạo tán, chấp sự là các hàng quan lại tỉnh huyện trong địa hạt Phú Thọ.

Hội xưa thường kéo dài từ ngày 7, 8 đến 17, 18 tháng 3 âm lịch, tức là đồng bào xa gần lục tục đến lễ bái trước và sau ngày giỗ Tổ.

2. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945:

- Giỗ Tổ năm 1946 cụ Huỳnh Thúc Kháng, Phó Chủ tịch nước lên làm lễ dâng tấu bản đồ Việt Nam và thanh kiếm, cáo với Tổ họa xâm lăng và quyết tâm kháng chiến của dân tộc.

- Từ năm 1947 đến 1954 không làm được giỗ, nhưng nhân dân địa phương vẫn cúng bái với tư cách cá nhân.

- Năm 1956 làm lễ hội lớn do Bộ Văn hóa tổ chức, có rước kiệu. Sau đó thời không rước cho là phục hồi lệ cổ phong kiến.

- Từ năm 1957 về sau, nhất là những năm Mỹ đánh phá bằng máy bay (1965 - 1972) Hội vẫn đông nhưng lễ rất đơn giản. Nghi thức là đoàn đại biểu quân, dân, chính của tỉnh và huyện, xã sở tại dâng một bó hoa lên Đền Thượng, đi đầu là đội thiếu niên xã Hy Cương đánh trống cà rinh.

Ban Tổ chức do ủy viên thư ký hoặc Phó chủ tịch văn xã UBND tỉnh làm trưởng ban. Thành viên Ban là Văn hóa, Công an, Thương nghiệp, Y tế, Thể thao; Văn hóa làm thường trực và chịu trách nhiệm về các hoạt động văn hóa. Công an giữ trật tự an ninh. Thương nghiệp đem cơm phở, hàng hóa đến bán (hồi đó không

có lương thực hàng hóa bán tự do). Y tế giữ vệ sinh khu vực và đem túi thuốc chữa bệnh cảm mạo cho đồng bào. Thể thao đem đến các môn vật, bóng chuyền.

- Từ năm 1990 đến nay, lễ hội có cải tiến nhiều so với trước. Về lễ có các vị ở Trung ương lên dự hoặc dâng hương hoa, hoặc làm đồng chủ lễ với Chủ tịch tỉnh Vinh Phú, Phú Thọ. Ngành Văn hóa đầu tư cho một vài xã rước kiệu, tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao. Nổi bật nhất là thị trường tự do được khôi phục, ngày hội bán đầy ắp các loại đồ ăn uống, hàng hóa, sách báo, đồ lưu niệm. Đồng bào xa gần trẩy hội rất đông, xu hướng là ngày càng gia tăng, thời gian cũng kéo dài.

III - TỪ NAY NÊN LÀM GIỖ TỔ NHƯ THẾ NÀO:

Tại Báo Nhân Dân cuối tuần, số giỗ Tổ 10-3 Kỷ Mão tác giả Kim Ngọc Đại nêu ý kiến "Góp bàn về lễ hội Đền Hùng", đặt vấn đề: Giỗ Tổ hàng năm không nên phân ra năm chính, năm thường. do Trung ương làm chủ lễ, lần lượt 61 tỉnh thành cả nước dâng cai tổ chức.

Tác giả nêu một phương án cải cách khá mạnh bạo về làm giỗ Tổ.

Đứng về góc độ người làm nghiên cứu chuyên nghiệp, từ lâu chúng tôi cũng thấy cần bàn bạc cách làm giỗ Tổ thế nào cho quy củ, nề nếp để cứ thế mà noi như ông cha ta đã định hình được suốt thời phong kiến. Sở dĩ

chúng tôi nêu lên 2 phần trên là để đến phần này dùng làm căn cứ luận bàn. Điều cần xác định ở đây là:

Đền Hùng dấu tích thiêng liêng của tổ tiên ta là của chung dân tộc Việt Nam, lễ hội mang tính chất cả nước được hình thành từ thời phong kiến, ít ra là 400 - 500 năm nay. Chúng ta có thể khẳng định rằng lễ hội đó rất đầy đủ ý nghĩa, vui vẻ, thoải mái và tác dụng giáo dục truyền thống rất cao. Phương pháp tổ chức phân ra năm chính, năm thường, giao trách nhiệm cho dân Trường tạo lệ (con trường) là hợp tình hợp lý, đúng lễ luật. Nhà Vua không trực tiếp mà vẫn tròn bổn phận.

Tính từ Cách mạng Tháng 8-1945 đến nay, nửa thế kỷ rồi mà chúng ta vẫn chưa mô hình hóa được các khâu quản lý và tổ chức lễ hội ở Đền Hùng. Đứng trước yêu cầu “Xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc”, chúng ta cùng nhau bàn bạc để sớm có quyết sách cho vấn đề này.

Theo chúng tôi, gợi ý của tác giả Kim Ngọc Đại khá hay, nhưng khó thực hiện được:

- *Thứ nhất*: Nếu năm nào cũng làm đều đặn không phân ra giỗ chính, giỗ thường sẽ phải huy động các làng xã rước kiệu và làm mọi nghi thức của phân Lễ, lại tổ chức rầm rộ cho được phần Hội (thể thao; văn nghệ, trò chơi) thì quá vất vả, mà không gây được cao trào. Ta cứ làm 4 năm thường để tập trung cho năm chính làm thật to, chuyển động khắp trong Nam ngoài Bắc, có lẽ hay hơn.

- Thứ hai: Mỗi tỉnh đang cai một năm sợ không làm nổi. Bởi vì Phú Thọ ngày nay, Vĩnh Phú trước năm 1996 có sẵn bộ máy, đem lắp thêm vào Ban tổ chức (thành lập nhất thời) dưới sự chỉ huy thống nhất của UBND tỉnh là hoạt động hiệu quả ngay. Các tỉnh làm sao mà đem cả bộ máy đến được. Nếu chỉ có Ban tổ chức hoặc đem thêm một số bộ môn thì giữa biển người “chân không đến đất cát không đến giờ” liệu có ứng phó được không ?

Vả lại trong lịch sử Phú Thọ đã là dân con trưởng, thì ngày nay cũng cứ nên là như vậy. Đã là con trưởng, theo phong tục phải chịu trách nhiệm về giỗ chạp. Bởi vậy thời phong kiến tuy phân ra năm chính, năm thường nhưng công việc chung quy vẫn do tỉnh Phú Thọ làm.

Điều quan trọng là chúng ta phải chọn phương án vừa hay vừa có tính khả thi cho bây giờ và mãi mãi mai sau.

Để cụ thể hóa vấn đề, chúng tôi xin mạnh dạn nêu phương án giỗ Tổ như sau:

- Nên theo lệ cũ 4 năm giỗ thường, 1 năm giỗ lớn, lấy năm chẵn 5 cho tiện. Tức là năm Canh Thìn lịch tây là năm 2000 làm giỗ lớn hay giỗ chính. Các năm 2001, 2002, 2003, 2004 là giỗ thường. Năm 2005 là giỗ chính. Cứ như vậy mà tính năm 3000, 3005, 3010... là những năm giỗ chính.

Dù năm chính hay năm thường, theo lệ cổ, Chủ tịch nước gửi về 3 đấu gạo nếp thơm làm bánh dầy, bánh

chưng cúng Tổ. (Đấu cổ khoảng 6kg, 3 đấu là 18kg).
Nét phong tục này rất hay không nên bỏ.

Đi cùng đoàn hành lễ lên Đền Thượng nên có đoàn tượng trưng 54 sắc tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam. Chẳng hạn dùng 54 bộ quân áo điển hình; của người Kinh, người Mường, người Cao Lan, người Thái, người Ê đê, người Chăm... cho 54 thanh niên nam nữ Phú Thọ đóng thế: vừa có ý nghĩa sâu xa vừa đẹp lộng lẫy hấp dẫn.

Nên dùng nghi thức tế.

Phong tục Việt Nam có nhiều cách hành lễ của cá nhân, tập thể ở bàn thờ gia đình hay ở nơi tín ngưỡng cộng đồng, tùy hoàn cảnh mà vận dụng. Trong đó tế là nghi thức cao cấp nhất, thực hiện theo bài bản quy củ tôn nghiêm rậm rạp, cuốn hút người xem. Còn các nghi thức khác đều đơn giản chủ yếu đáp ứng tâm linh người cầu cúng, không gây được sự chú ý đối với cộng đồng.

Tại Đền Hùng trước năm 1945, nhà Nguyễn làm giỗ Tổ cũng dùng nghi thức tế. Trong những năm gần đây lễ hội Đền Hùng đã phục hồi phần lớn nghi tiết truyền thống như: thắp hương, dùng lễ vật trâu cau bánh dày bánh chưng, treo cờ thần, hát xoan hầu thánh, rước kiệu, mặc lễ phục dân tộc. Những cái này gắn kết với tế thành một tổng thể hữu cơ, mà tế là hạt nhân của phần lễ. Tất nhiên bài bản tế ngày nay phải cải tiến nhiều, loại bỏ các yếu tố lạc hậu, tinh giảm bớt động tác rườm rà và bổ sung thêm những cái cần thiết. Sao

cho cuộc tế diễn ra trong vòng một tiếng đồng hồ trở lại, không kéo dài như cũ hàng mấy giờ liền.

Cấp độ tế, xin đưa ra gợi ý như sau: Năm chính thì Trung ương hoặc tỉnh Phú Thọ đứng tế. Năm thường giao cho xã Hy Cương đứng tế. Cấp độ tế biểu hiện ở vị trí xã hội của chủ tế trên danh nghĩa nhà nước. Nếu Trung ương đứng tế thì chủ tế là Thủ tướng Chính phủ. Tỉnh Phú Thọ đứng tế thì chủ tế là Chủ tịch UBND tỉnh. Xã Hy Cương đứng tế thì chủ tế là Chủ tịch UBND xã Hy Cương. Còn Bồi tế, Thông tán, Đạo tán, Chấp sự thì tùy hoàn cảnh mà sắp xếp cho hài hòa thuận tiện. Ví dụ: Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ làm chủ tế thì Bồi tế là các vị Chủ tịch UBND huyện Lâm Thao, Chủ tịch UBND huyện Phù Ninh, Chủ tịch UBND thành phố Việt Trì, Thông tán là Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin Phú Thọ. Còn các vị Đạo tán (đông tây xướng),



Đường hành hương

chấp sự (chuyển chúc, dâng hoa, dâng hương, dâng rượu, đánh chiêng trống) có thể lấy hàng Chủ tịch, Phó chủ tịch các huyện.

Về âm nhạc

Âm nhạc trong hành lễ có vị trí rất lớn. Nó làm tôn thêm vẻ uy nghi sang trọng linh thiêng của buổi lễ. Tế đình làng và tế Đền Hùng xưa dùng chiêng trống làm hiệu lệnh, tấu nhạc bát âm. Hiện nay các làng xã khôi phục đình đền lễ hội vẫn dùng nhạc này khi rước kiệu và tế bái.

Nhưng muốn có nét đặc sắc riêng của nghi lễ giỗ Tổ về âm nhạc, thì phải sáng tác bản nhạc khác gợi nhớ lại thời tiền sử. Tức là nghiên cứu sử dụng các nhạc cụ thời Hùng Vương (trống đồng, trống da, cồng chiêng, sáo, nhị, kèn...) và dấu tích của nền âm nhạc đó trong di sản văn nghệ dân gian cổ của người Kinh và người Mường Phú Thọ. Bài bản nhạc hành lễ (gồm rước kiệu và tế) của nhạc sĩ Đào Đăng Hoàn sử dụng mấy năm nay đã đáp ứng được điều đó, dư luận đồng đảo nhân dân khen ngợi, nên duy trì cố định.

Về y phục: Bấy nay đoàn đại biểu dâng hương hoa vẫn mặc com lê là loại y phục lễ tân ngoại giao của Âu châu. Chúng ta ngại gì mà không mặc lễ phục dân tộc để tế tổ tiên. Hiện nay nhiều nước trên thế giới các vị nguyên thủ quốc gia vẫn mặc y phục dân tộc họ, đó cũng là một khía cạnh bản sắc văn hóa.

Trong đời sống hàng ngày chúng ta không dùng y phục dân tộc bởi đã quen dùng Âu phục, nhưng khi tế lễ

thì phải trở về với lễ phục cổ truyền mới đúng phép. Đeo chữ chủ lễ ở ngực chẳng có ý nghĩa gì.

Vẫn nằm trong lễ thức phải có hát Xoan ở Đền Thượng. Phường Xoan lấy ở các làng An Thái, Kim Đới, Thét, Phú Đức. Chọn mỗi làng một số đào kép trẻ đẹp giọng hát hay múa khéo. Trùm Xoan và đội nhạc cũng lấy ở các làng ấy.

Rước kiệu châu, ngày nay không thể huy động cả trên 40 làng, vì đình kiệu bị mất nhiều, dân quên rước kiệu. Tuy vậy vẫn có thể chọn lấy mười làng. Ngoài xã Hy Cương là chủ thể hàng năm ra, vào năm chẵn giỗ lớn nên thêm phía Đông chọn Tử Đà, Hùng Lô, An Thái; phía Tây chọn Cao Mại, Vy Cương, Cẩm Đới; phía Nam chọn Tiên Cát, Minh Nông, Việt Trì; phía Bắc chọn Hy Sơn, Phú Lộc, Tiên Cương. Tất nhiên phải có sự trợ giúp của tỉnh huyện. Nếu điều kiện cho phép thì tăng thêm số làng rước kiệu.

Nên huy động cả 64 tỉnh thành đem văn nghệ thể thao dân tộc đến biểu diễn hoặc thi đấu. Tuyệt nhiên cấm các môn văn nghệ thể thao ngoại lai. Thương nghiệp của 64 tỉnh thành cũng nên đem hàng hóa đặc trưng của địa phương mình đến bán. Và huy động các huyện của tỉnh Phú Thọ đem hàng hóa nông lâm thổ sản đặc sản đến bán.

Kể cả giỗ chính, giỗ thường, các vị lãnh đạo cấp cao Đảng và Nhà nước về dự thì tổ chức nghi lễ thấp hương riêng (có thể đọc hoặc không đọc diễn văn).

Trên đây là những gợi ý cơ bản, còn nhiều chi tiết cụ thể trong hành lễ, cũng như thiết kế mô hình tổng thể của lễ hội phải bàn bạc kỹ càng hơn.

25

BÀI BÁN TẾ GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG LỄ HỘI ĐỀN HÙNG NĂM ẤT DẬU 2005* (XÃ HY CƯỜNG THỰC HIỆN)

Khi kiệu và đoàn hành lễ lên tới sân Đền Thượng đổ lại, thì các Chấp sự chuyển giá chúc vào đặt lên chiếc bàn sơn đỏ ở trước án hương tiền tế; kiêng hạt lúa Thần vào đặt trước bàn chúc, chuyển bánh dầy, bánh chưng vào nội điện, chuyển hương hoa, rượu đặt lên 2 chiếc bàn ở 2 bên chiếu lễ (xem sơ đồ).

Xếp đặt xong thì Đông xướng và 2 Chấp sự chiêng trống vào vị trí.

Đông xướng hô: Nổi chiêng trống.

Hai Chấp sự nổi chiêng trống đánh 3 hồi, mỗi hồi 24 tiếng theo nhịp :

Tùng boong, tùng boong, tùng boong.

Tùng tùng boong boong, tùng tùng boong boong.

Tùng tùng boong boong

Tùng boong, tùng boong, tùng boong.

Đánh xong hồi 1 nghỉ một lát đánh tiếp hồi 2.

Đánh xong hồi 2 nghỉ một lát đánh tiếp hồi 3

Đông xướng hô: Đội nhạc vào chỗ.

Đông xướng hô: - Chủ tế, Bồi tế, Thông tán, Đạo tán, Chấp sự rửa tay, sửa sang áo mũ rồi vào vị trí.

(Bản thân cũng đi rửa tay lau khô rồi về chỗ cũ).

Ổn định xong tất cả đứng nghiêm trang nhìn lên bàn thờ.

Đông xướng hô: - Khởi tế

(Trống đánh “tùng”, âm nhạc nổi lên)

Đông xướng hô: - Chủ tế làm lễ.

(Chủ tế lễ phủ phục 4 lần. 3 Bồi tế lễ theo. Mỗi lễ phủ phục có 8 động tác là:

- Hai cánh tay vung lên đỉnh đầu. Hai bàn tay đan nhau thành vòng cung, .

- Vung xuống và cúi xuống, chống cánh tay đặt hai bàn tay xuống chiếu.

- Nhấc chân trái lùi về phía sau, rồi nhấc chân phải lùi về phía sau, tạo thành tư thế quỳ bò.

- Lễ cúi rạp đầu sát chiếu.

- Nhấc đầu lên trở lại tư thế quỳ bò.

- Rút hai tay về, thân dựng đứng thành tư thế quỳ.

- Chống chân phải, hai bàn tay đan nhau, đặt lên đầu gối phải làm điểm tựa, nâng người đứng dậy.

- Rút bàn chân trái lên ngang bàn chân phải, đứng nghiêm. Hai bàn tay áp vào bụng trước rốn.

(Đợi tất cả lễ xong)

Tây xướng hô: - Bình thân (Chiêng đánh “boong”, nhạc im).

Đông xướng hô: - Dâng hoa (Trống đánh “tùng”, nhạc nổi).

Đông xướng nhắc:

- Chấp sự Đông chuyển hoa

(Qui ước bên tay phải chủ tế là bên Đông. Bên tay trái Chủ tế là bên Tây. Chấp sự bên Đông bung bình hoa ngang ngực, đi bước một, đưa chủ tế. Chủ tế đón lấy nâng lên cao hơn trán làm lễ 4 lượt rồi đưa lại cho chấp sự Đông. Chấp sự Đông đón lấy quay mặt nhìn lên án thờ đứng đợi)

Đông xướng nhắc: Chấp sự Tây chuyển hoa.

(Chấp sự Tây bung bình hoa ngang ngực, đi bước một, đưa cho Chủ tế. Chủ tế đón lấy nâng lên cao hơn trán làm lễ 4 lượt rồi đưa lại cho Chấp sự Tây. Chấp sự Tây đón lấy quay mặt nhìn lên án thờ đứng đợi).

Đông xướng hô: - Tiến hoa

(Cả hai chấp sự cùng nâng bình hoa lên ngang mặt, đi bước một theo nhạc đệm, đến đặt lên án thờ).

(Hai Chấp sự đặt xong)

Tây xướng hô: - Bình thân

(Chiêng đánh “boong” nhạc im. Hai chấp sự vòng tay trước mặt, hai bàn tay đan nhau đi lùi bước một - nguyên tắc chung là không được quay lưng lên Thánh - về chỗ cũ đứng nghiêm, nhìn lên ban thờ).

Đông xướng hô: - Dâng hương (Trống đánh “tùng”, nhạc nổi).

Đông xướng nhắc: - Chấp sự Đông chuyển hương.

(Chấp sự Đông bưng ống hương ngang ngực, đi bước một đưa cho Chủ tế. Chủ tế đón lấy nâng lên cao hơn trán làm lễ 4 lượt, rồi đưa lại cho chấp sự Đông. Chấp sự Đông đón lấy quay mặt nhìn lên án thờ đứng đợi).

Đông xướng nhắc: Chấp sự Tây chuyển hương.

(Chấp sự Tây bưng bình hương ngang ngực, đi bước một, đưa cho Chủ tế. Chủ tế đón lấy nâng lên cao hơn trán làm lễ 4 lượt rồi đưa lại cho Chấp sự Tây. Chấp sự Tây đón lấy quay mặt nhìn lên án thờ đứng đợi).

Đông xướng hô: - Tiến hương

(Cả hai chấp sự cùng nâng ống hương lên ngang mặt, đi bước một theo nhạc đệm, đến đặt lên án thờ).

(Hai chấp sự đặt xong)

Tây xướng hô: - Bình thân

(Chiêng đánh “boong” nhạc im. Hai chấp sự vòng tay trước mặt, đi lùi bước một về đứng nghiêm ở vị trí cũ, nhìn lên án thờ).

Đông xướng hô: - Dâng rượu (Trống đánh “tùng”, nhạc nổi).

Đông xướng nhắc: - Chấp sự Đông chuyển rượu.

(Chấp sự Đông bưng khay rượu (3 be) ngang ngực, đi bước một đưa cho Chủ tế. Chủ tế đón lấy nâng lên cao hơn trán làm lễ 4 lượt, rồi đưa lại cho chấp sự Đông. Chấp sự Đông đón lấy quay mặt nhìn lên án thờ, đứng đợi).

Đông xướng nhắc: Chấp sự Tây chuyển rượu

(Chấp sự Tây bưng khay rượu (3 be) ngang ngực, đi bước một, đưa cho Chủ tế. Chủ tế đón lấy nâng lên cao hơn trán làm lễ 4 lượt, rồi đưa lại cho Chấp sự Tây. Chấp sự Tây đón lấy quay mặt nhìn lên án hương đứng đợi).

Đông xướng hô: - Tiến rượu

(Cả hai chấp sự cùng nâng khay rượu lên ngang mặt, đi bước một theo nhạc đệm, đến đặt lên án thờ).

Tây xướng hô: - Bình thân

(Chiêng đánh "boong" nhạc im. Hai chấp sự vòng tay, đi lùi bước một về đứng nghiêm ở vị trí cũ, nhìn lên án thờ).

Đông xướng hô: - Chúc văn (trống đánh "tùng", nhạc nổi).

Đông xướng nhắc: - Đạo tán chuyển chúc

Đạo tán vòng tay đi bước một đến chỗ đặt giá chúc, bưng giá chúc ngang ngực, đi lùi bước một về đưa cho Chủ tế. Chủ tế đón lấy nâng cao hơn

trán làm lễ 4 lượt rồi đưa cho Thông tán (đứng bên tay trái).

Đông xướng nhắc: - Thông tán đọc chúc

(Âm nhạc tạm lắng. Thông tán nhìn thẳng lên bàn thờ, nâng giá chúc lên ngang mặt đọc to, đồng dục, âm ngân nga)

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Năm thứ 60

Kính cẩn tâu trình 18 đức thánh vị quốc tổ Hùng Vương.

Hôm nay là ngày mồng 10 tháng 3 năm Ất Dậu 2005, tại Miếu vũ Quốc tổ trên núi Nghĩa Lĩnh, thôn Cổ Tích, xã Hy Cương, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, toàn thể con cháu Lạc Hồng cùng kính cẩn dâng lễ vật lên bàn thờ Tổ gồm: Hương, đèn, trầu, rượu, nước trong, bánh chưng, bánh dầy, ngũ quả, hoa thơm, xin thỉnh mời Tổ thượng hưởng.

Kính tâu: Hơn 4000 năm trước các vị Thánh Tổ đã đứng lên dựng nước.

Trái mấy nghìn năm công cả đức dầy.

Nào là dạy dân làm ruộng Lạc, lúa gạo no nê.

Nào là định ra chế độ làng chạ tự quản lý ruộng đất công, cho dân được sống tự do bình đẳng.

Nào là gây dựng phong tục lễ tết hội hè làm cho dân được vui vẻ thỏa thuê.

Đạo lý ở đời thực từ đó mà ra

Vậy nên:

Non sông thu về một mối

Mười lăm bộ lạc qui tụ một nhà

Bên ngoài thì Vua đánh đuổi giặc Ân xâm lăng cuồng bạo

Mà giao hiếu với nhà Chu nước có lễ nghĩa văn phong.

Thật là anh minh trí dũng, tài đức song toàn

Bởi vậy đã để lại gương sáng cho con cháu

Mấy nghìn năm nay, trong thì nghĩa đồng bào không thay đổi.

Ngoài thì diệt trừ hết ngoại xâm bảo toàn bờ cõi

Lân bang thân thiện,

Bầu bạn bốn phương

Kính tâu

Tám mươi triệu cháu con

Năm mươi tư sắc tộc

Kẻ một nắng hai sương

Người tìm tòi vắt óc

Kẻ té thể kinh bang

Người lược thao binh pháp

Tất cả nắm tay nhau vững chắc

Quyết giữ gìn cơ nghiệp tổ tông.

*Đất nước ngày nay đang vươn lên sánh vai cùng
các cường quốc năm châu.*

*Non sông đang đổi mới tiềm năng trời dậy, Sĩ,
Nông, Công, Cổ đua tài*

Thóc đã thừa ăn, mặt hàng thừa bán

Của trong lòng đất, biển bạc rừng vàng

Trên bến, dưới thuyền, tàu xe nhộn nhịp

Làng quê điện sáng, nhà ngói xanh xang.

Nhờ phúc âm tổ tiên nên:

*Con cháu còn tiên tổ vẫn còn nòi giống nhà ta
sinh sản mãi*

*Nắng mưa thế miếu lăng vẫn thế non sông đất
nước vững bền lâu.*

Kính tâu

Cả nước nguyện cầu

Hùng Vương Quốc Tổ

Anh minh rực rỡ

Phúc lộc ban cho

Non sông đất Việt

Nòi giống Tiên Rồng

Văn hiến túc trung

Dân yên Quốc thái

Cần cáo

(Âm nhạc nổi lên từng bừng)

Đông Xướng hô: - Hóa chúc

(Thông tán đưa trả tờ chúc cho Chủ tế. Chủ tế đón lấy nâng lên quá trán lễ 1 lượt rồi châm lửa đốt).

Đông xướng hô: - Đạo tán hoàn giá chúc

(Đạo tán đón lấy giá chúc của Thông tán đưa cho nâng lên ngang ngực, đi bước một đặt trả chỗ cũ trên án).

Tây xướng hô: - Bình thân

(Chiêng đánh “boong” nhạc im. Đạo tán vòng tay đi lùi bước một về chỗ cũ).

Đông xướng hô: - Lễ tạ

(Trống đánh “tùng” nhạc nổi).

Đông xướng nhắc: - Chủ tế lễ tạ

(Chủ tế lễ phủ phục 4 lần, mỗi lần 8 động tác kể trên, 3 Bồi tế lễ theo Chủ tế cùng 4 lễ).

Tây xướng hô: - Bình thân, tất lễ

(Chiêng đánh “boong”, nhạc im - mọi người, Chủ tế, Bồi tế, Thông tán, Đạo tán, Chấp sự ra ngoài).

Đông xướng hô: - Mời các vị đại biểu vào làm lễ.

(Trống đánh “tùng” nhạc nổi. Hai Chấp sự hương đốt hương đưa cho mỗi người 1 nén. Đại biểu cầm nén hương vái 4 vái rồi cắm lên lư hương).

(Khi tất cả lễ xong)

Tây xướng hô:

- Bình thân, tất lễ

(Chiêng đánh “boong”, nhạc im).

Tế lễ ở Đền Thượng xong, Ban hành tế và các đại biểu đi đặt hoa, thắp hương ở Lãng, đền Trung, Chùa, đền Hạ, đền Giếng và đặt hoa ở Phù Đieu.

* Bài bản tế do Vũ Kim Biên viết và dàn dựng theo yêu cầu của Sở VH TT Phú Thọ

(1). Bốn thành phần cơ bản của xã hội:

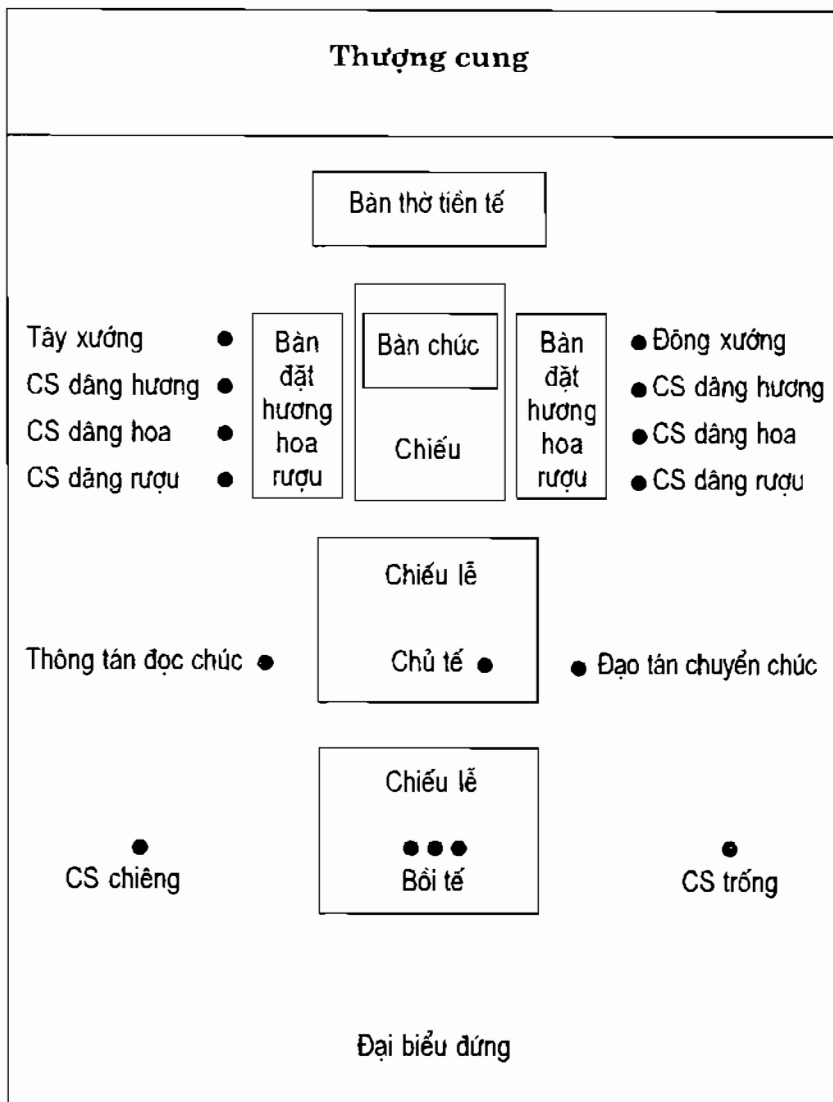
Sĩ = Trí thức

Nông = Nông dân

Công = Các nghề

Cổ = Thương mại.

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐÚNG TẾ TẠI ĐỀN THƯỢNG



MỤC LỤC

| | Trang |
|---|-------|
| 1. Hình thế thiên nhiên | 5 |
| 2. Thờ tự | 6 |
| 3. Kiến thiết | 8 |
| 4. Lễ hội cổ truyền | 12 |
| 5. Truyền thuyết tiêu biểu | 25 |
| 6. Phổ hệ họ Hồng Bàng | 28 |
| 7. Di tích khảo cổ | 32 |
| 8. Sử cũ nói về Vua Hùng | 34 |
| 9. Nước Văn Lang | 38 |
| 10. Các nhà lãnh đạo Việt Nam thăm Đền Hùng | 42 |
| 11. Cháu chắt ở xa hướng về mộ Tổ | 46 |
| 12. Khách quốc tế đối với Đền Hùng | 49 |
| 13. Biểu hoành câu đối ở Đền Hùng | 51 |
| 14. Thơ về Đền Hùng | 63 |

PHỤ LỤC

| | |
|--|-----|
| 15. Trích văn bản nói về Đền Hùng | 70 |
| 16. Lễ hội Đền Hùng thời phong kiến | 73 |
| 17. Bàn về ơn đức của các Vua Hùng | 78 |
| 18. Niên biểu thời dựng nước | 83 |
| 19. Một thi phẩm đặc sắc về Ngọc Hoa công chúa | 85 |
| 20. Ngọc phả Đền Hùng nói về Vua Hùng thứ 7 và Tây Thiên Quốc Mẫu | 93 |
| 21. Ngọc phả Đền Hùng nói về Vua Hùng 18 trao nô thần và nhường ngôi cho Thục Phán | 97 |
| 22. Sự liên quan giữa lễ hội xuống đồng (hạ điền) và bản ngọc phả Đền Hùng | 100 |
| 23. Nguồn gốc của Tết Nguyên đán | 104 |
| 24. Bàn về tổ chức giỗ Tổ Hùng Vương | 110 |
| 25. Bài bản tế giỗ Tổ Hùng Vương 2005 (xã Hy Cương thực hiện) | 122 |

GIỚI THIỆU KHU DI TÍCH LỊCH SỬ ĐỀN HÙNG

VŨ KIM BIÊN

Sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn

*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

ĐÀO ĐĂNG HOÀN

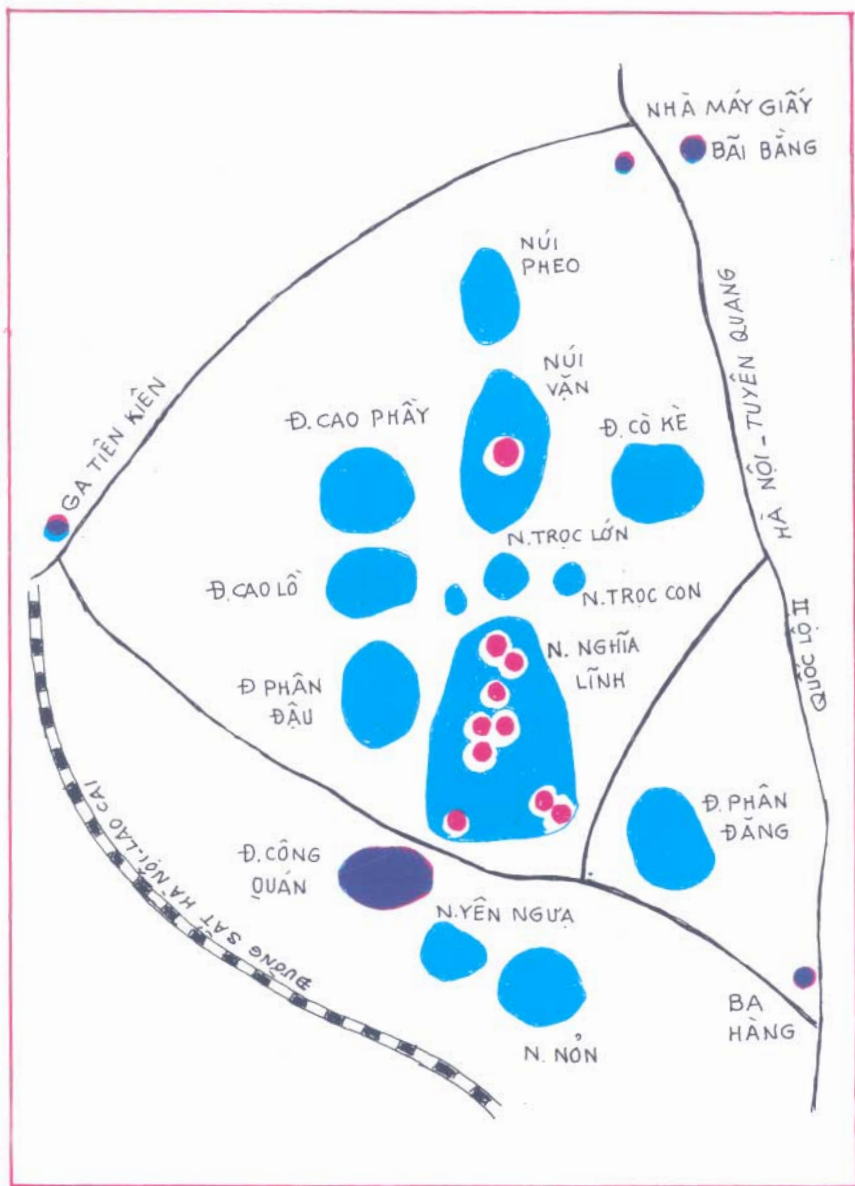
Biên tập: MINH PHƯƠNG

Sửa bản in: TRẦN THỊ HẢI

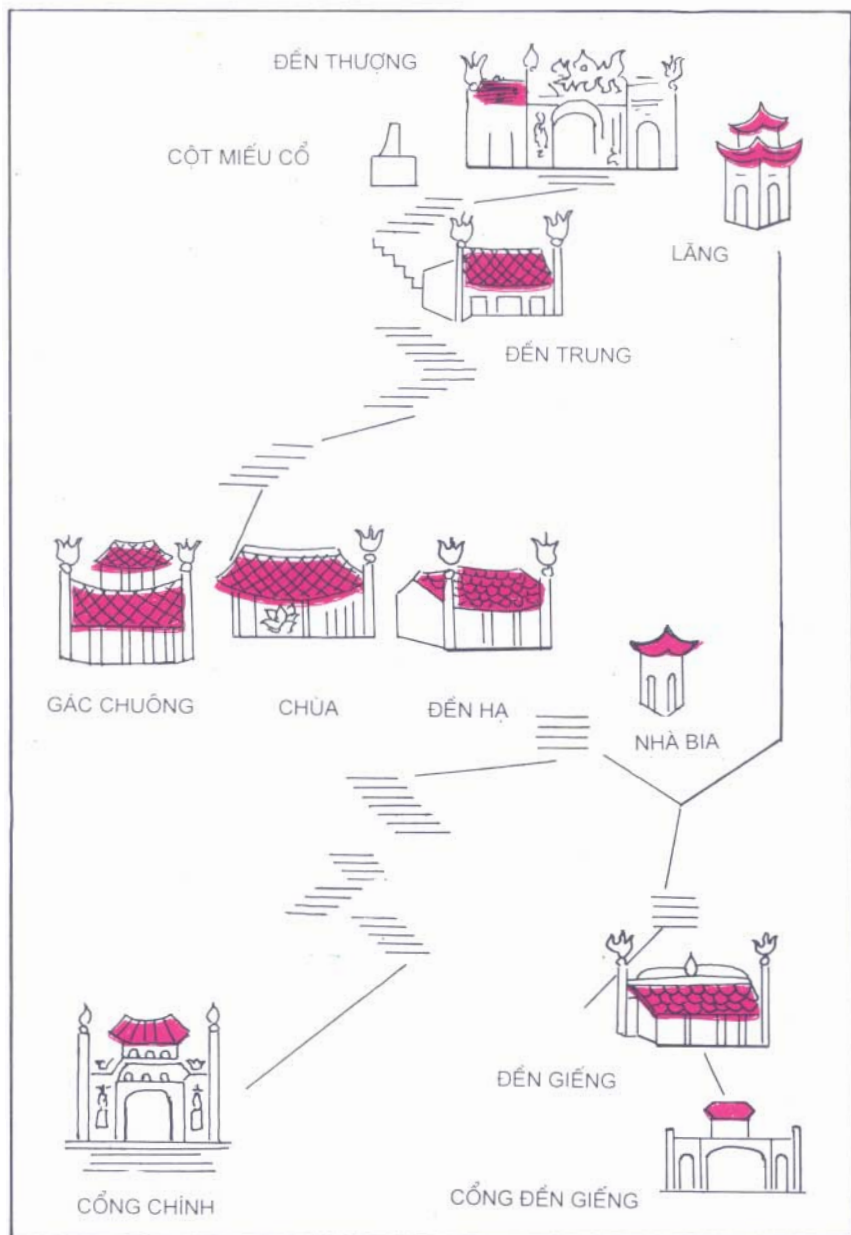
Bìa: KIM NHO

Ảnh: VŨƠNG HỒNG

In 3.050 cuốn, khổ 13 x 19cm tại Công ty CP In Phú Thọ.
Giấy phép XB số: 102/VH TT-GPXB do Sở VH - TT Phú Thọ
cấp ngày 18/12/2007. Số in: 80. In xong và nộp lưu chiểu
tháng 2 năm 2008.



SƠ ĐỒ KHU VỰC ĐỀN HÙNG



SƠ ĐỒ KHU DI TÍCH ĐỀN HÙNG

Giá: 22.000đ